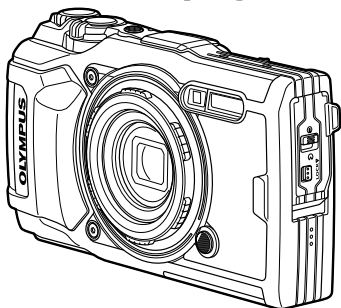


OLYMPUS

MÁY ẢNH KỸ THUẬT SỐ

TG-5

Sách hướng dẫn sử dụng



Số Mẫu : IM005

- Cảm ơn bạn đã mua máy ảnh kỹ thuật số Olympus. Trước khi bắt đầu sử dụng máy ảnh mới của bạn, vui lòng đọc các hướng dẫn này thật kỹ để tận hưởng hiệu suất tối ưu và thời gian hoạt động lâu hơn. Hãy giữ sách hướng dẫn này ở một nơi an toàn để tham khảo sau này.
- Chúng tôi đề nghị bạn chụp thử vài tấm để quen với máy ảnh của bạn trước khi chụp những bức ảnh quan trọng.
- Màn hình và hình minh họa máy ảnh được hiển thị trong sách hướng dẫn này được sản xuất trong các giai đoạn phát triển nên có thể có khác biệt với sản phẩm trong thực tế.
- Nếu có bổ sung và/hoặc sửa đổi các chức năng do cập nhật firmware cho máy ảnh, thì nội dung cũng sẽ khác nhau. Vui lòng truy cập trang web của Olympus để biết những thông tin mới nhất hoặc liên hệ Đội hỗ trợ người tiêu dùng Olympus trong khu vực của bạn.

Mở các phụ kiện trong hộp

Máy ảnh bao gồm các bộ phận sau.

Nếu có bất cứ thiếu sót hoặc hư hại nào, hãy liên hệ với nhà phân phối nơi bạn đã mua máy ảnh.



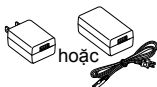
Máy ảnh kỹ thuật số



Dây đeo



Pin Lithium Ion
(LI-92B)



Bộ chỉnh lưu USB-AC (F-5AC)



Cáp USB (CB-USB12)

Những phụ kiện không được giới thiệu: Thẻ bảo hành

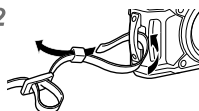
Các nội dung này có thể thay đổi tùy thuộc vào nơi mua máy.

Lắp dây đeo

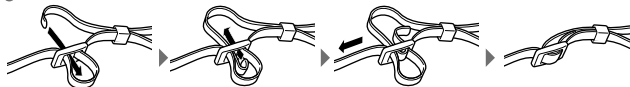
1



2

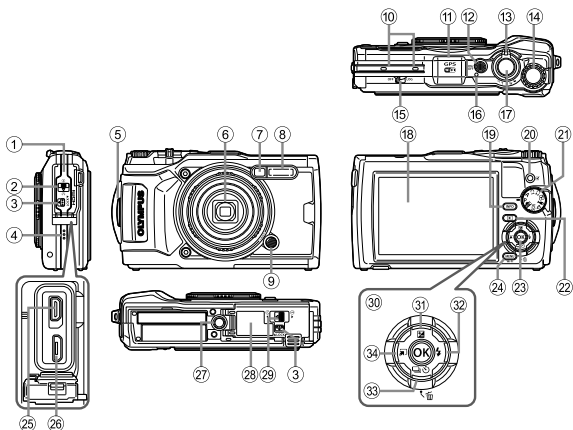


3



- Xiết chặt dây đeo để dây không bị lỏng ra.

Tên các bộ phận



- ① Nắp che đầu nối
- ② Khóa nắp che đầu nối
- ③ Nút KHÓA
- ④ Loa
- ⑤ Lỗ xỏ dây đeo
- ⑥ Ống kính
- ⑦ Đèn chụp hẹn giờ tự động/
Đèn LED/ Đèn chiếu sáng AF
- ⑧ Đèn Flash
- ⑨ Nút mở vòng ống kính
- ⑩ Micrô âm thanh nổi
- ⑪ Ăng-ten GPS
- ⑫ Nút **ON/OFF**
- ⑬ Cần gạt zoom
- ⑭ Đĩa lệnh
- ⑮ Nút LOG
- ⑯ Đèn báo
- ⑰ Nút bấm chụp
- ⑱ Màn hình
- ⑲ Nút **INFO** (Hiển thị thông tin)
- ⑳ **⊙** (Phím)/nút chọn
- ㉑ Đĩa xoay chế độ
- ㉒ Nút **▶** (xem lại)
- ㉓ Nút **OK**
- ㉔ Nút **MENU/Wi-Fi**
- ㉕ Kết nối micro HDMI
- ㉖ Đầu nối Micro-USB
- ㉗ Giá ba chân
- ㉘ Nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ
- ㉙ Khóa nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ
- ㉚ Phím mũi tên
- ㉛ Nút **△** (Lên trên)/**☒** (Bù sáng)
- ㉜ Nút **▷** (Phía phải)/**⚡** (Đèn flash)
- ㉝ Nút **▽** (Xuống dưới)/
📷 (Chụp liên tục)/**📷** (Bấm máy tự động)/**🗑️** (Xóa)
- ㉞ **◀** (Trái)/nút chức năng chế độ

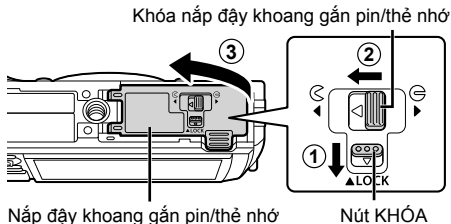
• Hướng dẫn **△ ▽ ◀ ▶** để nhấn phím mũi tên lên/xuống/trái/phải.

Chuẩn bị để chụp ảnh


Gắn và tháo pin và thẻ nhớ

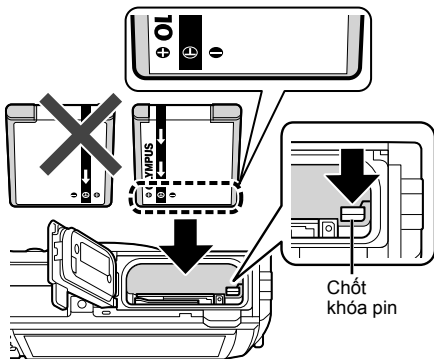
1 Làm theo các bước ①, ② và ③ để mở nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ.

- Tắt máy ảnh trước khi mở nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ.



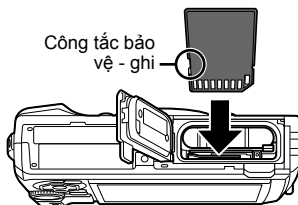
2 Lắp pin trong khi trượt chốt khoá pin theo hướng mũi tên.

- Gắn pin vào theo hình minh họa với dấu hiệu  hướng về nút khóa pin.
- Máy ảnh sẽ không bật lên nếu bạn lắp pin sai hướng. Hãy chắc chắn là bạn đã lắp pin đúng hướng.
- Trượt chốt khoá pin theo hướng mũi tên để mở khoá rồi tháo pin ra.



3 Ấn thẻ nhớ vào khoang thẻ tới khi nghe tiếng tách báo thẻ đã vào vị trí.

- Không được chạm trực tiếp vào các bộ phận bằng kim loại của thẻ nhớ.
- Luôn sử dụng các thẻ đã chỉ định với máy ảnh này. Không được gắn các loại thẻ nhớ khác.

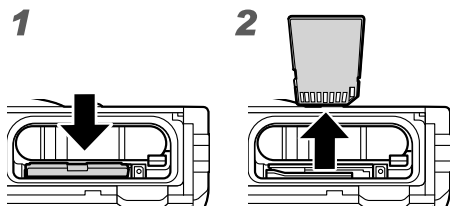


Thẻ nhớ tương thích với máy ảnh này

Thẻ SD/SDHC/SDXC/thẻ Eye-Fi (với chức năng của mạng LAN Không dây) (có ngoài thị trường) (chi tiết về tính tương thích của thẻ, xem tại Trang web của Olympus.)

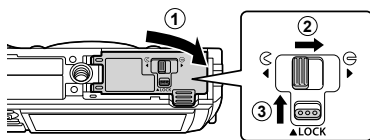
Để tháo thẻ

Ấn thẻ nhớ vào cho tới khi nghe tiếng tách và thẻ nhẹ nhàng bật ra, sau đó tháo thẻ ra.



4 Làm theo các bước ①, ② và ③ để đóng nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ.

- Đảm bảo đóng nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ khi sử dụng máy ảnh.

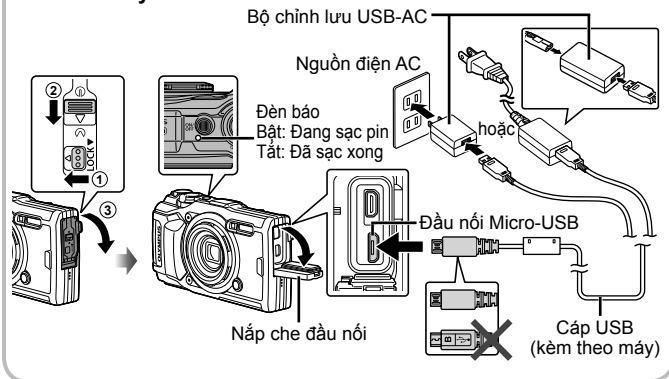


Sạc pin

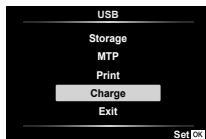
1 Kiểm tra xem pin có ở trong máy ảnh không và kết nối dây cáp USB với bộ chỉnh lưu USB-AC.

- Pin thường không được sạc đủ khi xuất hàng. Trước khi sử dụng, hãy đảm bảo đã sạc pin đến khi đèn chỉ báo tắt (tối đa 3 giờ).

Kết nối máy ảnh



2 Một menu sẽ được hiển thị; làm nổi bật [Charge] và nhấn nút **OK**.



Để sạc pin ở nước ngoài, xem “Sử dụng bộ sạc và bộ chỉnh lưu USB-AC ở nước ngoài” (Trang 100).

- Không bao giờ sử dụng bất kỳ dây cáp nào khác ngoài loại được cung cấp hoặc dây cáp USB do Olympus chỉ định. Làm như vậy có thể gây bốc khói hoặc gây cháy nổ.
- Bộ chỉnh lưu F-5AC USB-AC kèm theo (sau đây được hiểu là bộ chỉnh lưu USB-AC) sẽ thay đổi tùy vào khu vực bạn mua máy ảnh. Nếu bạn nhận loại bộ chỉnh lưu USB-AC kiểu cắm phích, cắm trực tiếp vào ổ cắm điện AC.
- Đảm bảo rút phích cắm điện của Bộ chỉnh lưu USB-AC ra khỏi ổ cắm điện trên tường khi sạc xong.

- Để biết chi tiết về pin, hãy xem mục “CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN” (Trang 120). Để biết chi tiết về bộ chỉnh lưu USB-AC, hãy xem mục “CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN” (Trang 120).
- Nếu đèn chỉ báo không bật sáng, kết nối lại dây cáp USB và bộ chỉnh lưu USB-AC vào máy ảnh.
- Nếu thông báo “No Connection” được hiển thị trong màn hình, ngắt kết nối rồi kết nối lại cáp.

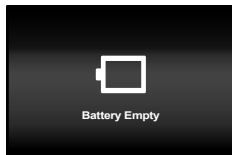
Khi sạc pin

Sạc pin khi xuất hiện thông báo lỗi được thể hiện phía bên phải.

Đèn flash đang ở màu đỏ




Thông báo lỗi



Bật máy ảnh và thực hiện các cài đặt ban đầu

Khi bạn bật máy ảnh lần đầu tiên, một màn hình xuất hiện cho phép thiết lập ngôn ngữ cho menu và thông báo hiển thị trong màn hình, ngày và giờ. Để thay đổi ngày và giờ đã chọn, hãy xem “Cài đặt đồng hồ bằng tay, chọn múi giờ và sử dụng gps để cài đặt đồng hồ” (☰ Settings)” (Trang 70).

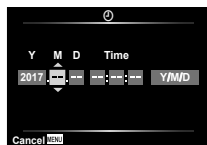
1 Nhấn nút **ON/OFF** để bật máy ảnh, làm nổi bật ngôn ngữ của bạn bằng cách sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) hoặc đĩa lệnh, và nhấn nút **OK**.

- Trong trường hợp nguồn không bật lên khi bạn bấm nút **ON/OFF**, hãy kiểm tra hướng của pin.  “Gắn và tháo pin và thẻ nhớ” (Trang 4)

2 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) hoặc đĩa lệnh để chọn năm ([Y]).



3 Nhấn \triangleright (phím mũi tên) để lưu cài đặt cho [Y].



4 Chọn tháng ([M]), ngày ([D]), giờ và phút ([Time]), và thứ tự hiển thị ngày tháng ([Y/M/D]) bằng cách sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) như mô tả trong Bước 2 và 3, và sau đó nhấn nút **OK**.

5 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn múi giờ và sau đó bấm nút **OK**.

- Có thể bật và tắt Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày bằng cách sử dụng nút **INFO**.



Sử dụng các chức năng cơ bản

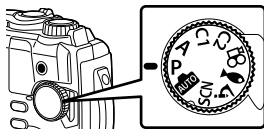
Chụp các bức ảnh (chế độ P)

1 Bấm nút **ON/OFF** để bật máy ảnh.

Khi máy được bật, màn hình sẽ bật.

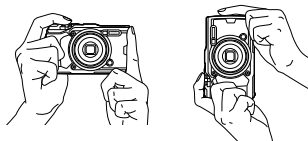
2 Cài đặt đĩa xoay chế độ đến **P**.

Trong chế độ **P**, máy ảnh tự động điều chỉnh tốc độ màn trập và khẩu độ theo độ sáng của đối tượng.



3 Đóng khung hình.

- Khi giữ máy ảnh, cẩn thận không để ngón tay của bạn che đèn nháy, micrô hoặc các bộ phận quan trọng khác, v.v...



4 Điều chỉnh lấy nét.

Chỉ báo lấy nét sẽ nhấp nháy để cho biết máy ảnh chưa lấy nét được.

- Màn hình tốc độ cửa trập và độ mở ống kính sẽ nhấp nháy để cho biết máy ảnh không thể lấy được phơi sáng tối ưu.

Bấm nửa chừng



Tốc độ màn trập Giá trị khẩu độ

5 Để chụp ảnh, bấm nút bấm chụp nhẹ nhàng cho đến hết tầm trong lúc cầm chắc máy để không bị rung.

Bấm nửa chừng






Bấm phần còn lại của nút bấm chụp

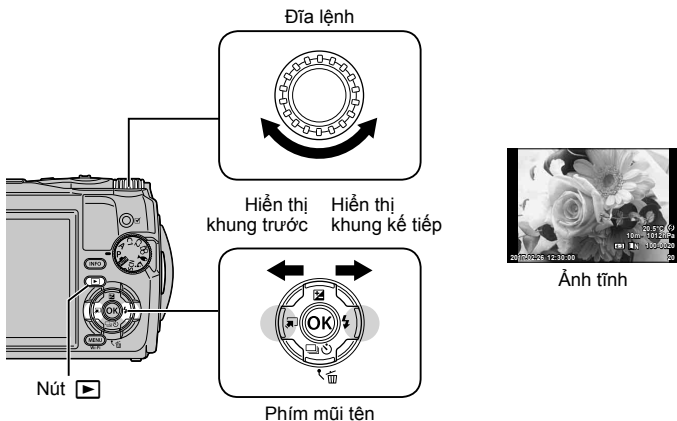


Xem ảnh (Phát lại ảnh)



Bật máy ảnh.

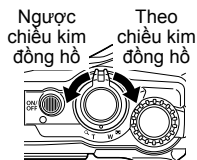
Bấm nút .





- Những bức ảnh gần đây nhất của bạn sẽ được hiển thị.
- Nhấn   (phím mũi tên) hoặc xoay đĩa lệnh để xem các ảnh khác.



Hiện thị kiểu chỉ mục/Hiện thị kiểu lịch




- Để chuyển từ phát lại một khung hình sang phát lại kiểu chỉ mục, xoay cần gạt thu phóng ngược chiều kim đồng hồ. Lặp lại quy trình sẽ làm tăng số lượng ảnh được hiển thị, kết thúc ở màn hình hiển thị dạng lịch.   [Settings] (Trang 62)



- Sử dụng     (phím mũi tên) hoặc đĩa lệnh để di chuyển con trỏ.
- Xoay cần gạt thu phóng theo chiều kim đồng hồ để thực hiện phát lại lần lượt từ phát lại dạng lịch đến chỉ mục rồi đến từng khung hình.






Xem lại cận cảnh



- Trong phát lại từng khung hình, bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ bằng cách sử dụng cần gạt thu phóng: xoay cần gạt theo chiều kim đồng hồ để phóng to từ 2× đến 14× và xoay ngược chiều kim đồng hồ để thu nhỏ. Nhấn nút  để quay trở lại phát lại từng khung hình.
- Bấm  (phím mũi tên) để di chuyển ảnh theo hướng nút bạn bấm.
- Để xem các ảnh khác ở cùng hệ số thu phóng, nhấn nút **INFO** rồi sau đó nhấn  (phím mũi tên). Nhấn nút **INFO** lần nữa để bật lại chức năng cuộn. Bạn cũng có thể xem các ảnh khác bằng cách dùng đĩa lệnh.








Chọn Nhiều Ảnh

Bạn có thể chọn nhiều hình ảnh cho các thao tác  (Trang 13), [Erase Selected] (Trang 16), và [Share Order Selected] (Trang 13). Nhấn nút  (phím) để chọn hình ảnh đang hiển thị trong khi xem lại hoặc được đánh dấu trong màn hình chỉ mục (Trang 10). Chọn ảnh được chỉ báo bằng biểu tượng . Nhấn lại nút để bỏ chọn hình ảnh.


Sử dụng Menu Phát Lại

Có thể hiển thị menu phát lại bằng cách bấm nút  trong khi xem lại. Đánh dấu tùy chọn mong muốn và chọn bằng cách nhấn nút . Các tùy chọn được hiển thị thay đổi tùy theo loại hình ảnh đã chọn.


Tùy Chọn Có Sẵn

| | RAW | JPEG | RAW+JPEG | Phim |
|--|-----|------|----------|------|
| Play  | ✓ | ✓ | ✓ | — |
| RAW Data Edit | ✓ | — | ✓ | — |
| JPEG Edit | — | ✓ | ✓ | — |
| Play Movie | — | — | — | ✓ |
| Movie Edit | — | — | — | ✓ |
| Share Order | — | ✓ | ✓ | ✓ |
|  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
|  | ✓ | ✓ | ✓ | — |
| Rotate | ✓ | ✓ | ✓ | — |
|  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Image Overlay | ✓ | — | ✓ | — |
|  | — | ✓ | ✓ | — |
| Erase | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |


Play

Ghi nhớ giọng nói (Trang 13) được phát lại khi hình ảnh liên quan được hiển thị. Có thể điều chỉnh âm lượng bằng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên). Nhấn **MENU** hoặc  để kết thúc phát lại ghi âm giọng nói.


RAW Data Edit

Tạo bản sao JPEG của hình ảnh RAW theo cài đặt đã chọn.  [RAW Data Edit] (Trang 57)


JPEG Edit

Chỉnh sửa hình ảnh JPEG.  [JPEG Edit] (Trang 57)





Play Movie

Xem phim hiện tại.  “Xem lại phim” (Trang 15)





Movie Edit

Chỉnh sửa phim.  [In-Movie Image Capture (Movie Edit)] (Trang 59),
[Movie Trimming (Movie Edit)] (Trang 59)

Share Order



Chọn hình ảnh để sau đó chuyển đến điện thoại di động. Bạn cũng có thể xem các hình ảnh đang được chọn để chuyển. Nhấn  (phím mũi tên) để chọn hình ảnh cần chuyển. Các hình ảnh đã chuyển được báo hiệu bằng biểu tượng  để bỏ chọn, nhấn lại  (phím mũi tên). Bạn cũng có thể chọn nhiều hình ảnh và đánh dấu tất cả để chuyển đồng thời.  “Chọn Nhiều Ảnh” (Trang 11), “Chuyển ảnh đến điện thoại thông minh” (Trang 74)





Bảo vệ ảnh khỏi bị xóa tình cờ. Nhấn  (phím mũi tên) sẽ đánh dấu hình ảnh bằng biểu tượng  (bảo vệ). Nhấn  (phím mũi tên) lần nữa để bỏ bảo vệ. Bạn cũng có thể chọn nhiều hình ảnh và bảo vệ tất cả đồng thời.  “Chọn Nhiều Ảnh” (Trang 11)



Có thể thêm âm thanh vào hình ảnh tĩnh (lên đến 30 giây).

  (Trang 59)

Rotate

Xoay hình ảnh hiện tại. Hình ảnh xoay mỗi khi bạn nhấn  (phím mũi tên); nhấn nút  để hoàn thành thao tác.

- Hình ảnh đã xoay được lưu theo hướng hiện tại của hình ảnh.
- Không thể xoay đoạn phim và các hình ảnh được bảo vệ.



Chức năng này hiển thị hình ảnh được lưu trên thẻ từng hình một.





  (Trang 56)


Image Overlay

Lên đến 3 khung hình trong hình ảnh RAW được chụp với máy ảnh có thể được bố trí và lưu làm hình ảnh riêng biệt.  [Image Overlay] (Trang 60)



Chọn tùy chọn in (số lượng bản sao và ngày tháng ghi trên hình) cho hình ảnh trên thẻ nhớ.  “Đặt trước lệnh in (DPOF)” (Trang 86)

Erase

Xóa hình ảnh hiện tại.  “Xóa hình ảnh trong khi phát lại” (Trang 16)

Quay phim

1 Bấm nút (phim) để bắt đầu ghi hình.

- Phim được chụp trong chế độ chụp đã thiết lập. Lưu ý rằng các hiệu ứng chế độ chụp có thể không đạt được ở một vài chế độ chụp.
- Âm thanh cũng được thu lại.
- Khi sử dụng máy ảnh với bộ cảm biến hình ảnh CMOS, các đối tượng di chuyển có thể xuất hiện bị biến dạng do hiện tượng rolling shutter. Đây là một hiện tượng vật lý trong đó sự biến dạng xảy ra với hình ảnh đã chụp khi chụp một chủ thể chuyển động nhanh hoặc do rung lắc máy ảnh. Đặc biệt, hiện tượng này trở nên rõ rệt hơn khi bạn sử dụng tiêu cự dài.







Thời gian ghi hình

Độ dài đang thu



2 Bấm nút (phim) một lần nữa để dừng ghi hình.

- Khi quay phim, sử dụng thẻ SD hỗ trợ tốc độ SD mức 10 trở lên.
- Sử dụng thẻ UHS-I với tốc độ UHS ở mức 3 trở nên nếu: [4K] hoặc [High-speed] được chọn cho  (chế độ phim)/[Super Fine] được chọn cho tốc độ bit
- Khi đĩa xoay chế độ được xoay đến , bạn có thể chọn các chế độ phụ để quay phim 4K hoặc tốc độ cao.  “ (Chế độ phim)” (Trang 25)

Xem lại phim

Nhấn nút **OK** khi phim được chọn ở phát lại từng khung hình sẽ hiển thị menu phát lại. Làm nổi bật [Play Movie] và nhấn nút **OK** để bắt đầu phát lại.



Thao Tác Trong Khi Phát Lại

| | |
|----------------------------|--|
| Tạm dừng | Bấm nút OK để tạm dừng phát lại hình. Để tiếp tục phát lại, nhấn lại nút OK . |
| Tua đi nhanh | Nhấn ▷ (phím mũi tên) để tua đi nhanh. Bấm lại nút ▷ (phím mũi tên) để tăng tốc độ tua đi nhanh. |
| Tua lại | Ấn ◁ (phím mũi tên) để tua lại. Ấn ◁ (phím mũi tên) một lần nữa để tăng tốc độ tua lại. |
| Điều chỉnh âm lượng | Sử dụng △ ▽ (phím mũi tên) để điều chỉnh âm lượng. |

Các thao tác khi tạm dừng phát lại hình

| | |
|---|--|
| Bổ sung thêm vào | Sử dụng △ (phím mũi tên) để hiển thị khung hình đầu tiên và nhấn ▽ để hiển thị khung hình cuối cùng. |
| Chuyển và tua lại một khung hình tại một thời điểm | Sử dụng ◀▶ (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để tiến hoặc tua từng khung hình mỗi lần. Nhấn giữ ◀▶ (phím mũi tên) để liên tục tiến hoặc tua. |
| Khôi phục lại chế độ phát lại hình | Bấm nút OK để khôi phục lại chế độ phát lại hình. |


Dừng phát lại phim

Bấm nút **MENU**.

- Chúng tôi khuyên sử dụng OLYMPUS Viewer 3 (Trang 90) để xem phim trên máy tính. Hãy nhớ sử dụng phiên bản mới nhất. Kết nối máy ảnh đến máy tính trước khi khởi chạy OLYMPUS Viewer 3 lần đầu tiên.

Xóa hình ảnh trong khi phát lại

1 Hiện thị hình ảnh bạn muốn xóa và nhấn .

- Để xóa phim, hãy chọn phim cần xóa và bấm .



2 Bấm $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [Yes], rồi bấm nút .

- Các ảnh đã nhóm lại được xóa theo một nhóm (Trang 11).
- Cùng một lúc có thể xóa nhiều hoặc tất cả các ảnh (Trang 70).

Cuộn Panorama


Có thể xem Panorama vốn được tạo ra từ nhiều hình ảnh kết hợp với nhau ở màn hình cuộn.

1 Chọn một hình ảnh panorama ở chế độ phát lại một khung hình.

2 Xoay cần gạt zoom theo chiều kim đồng hồ.

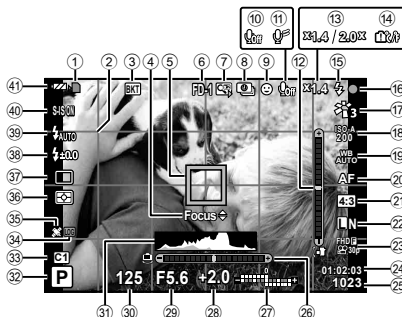


Vùng xem ảnh

- Nhấn $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) để cuộn ảnh theo hướng nút được nhấn.
- Trong khi xem lại, bạn có thể xoay cần gạt zoom theo chiều kim đồng hồ để phóng đại từ 2 lần đến 14 lần hoặc ngược chiều kim đồng hồ để thu nhỏ. Nhấn nút  để quay trở lại bước xem lại một khung hình.
- Để xem các ảnh khác ở cùng hệ số thu phóng, nhấn nút **INFO** rồi sau đó nhấn $\triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên). Nhấn nút **INFO** lần nữa để bật lại chức năng cuộn. Bạn cũng có thể xem các ảnh khác bằng cách dùng đĩa lệnh.

Hiển thị màn hình

Hiển thị màn hình chụp



| Số | Tên |
|----|---|
| ① | Chỉ báo ghi thẻ |
| ② | Lưới định vị |
| ③ | Biểu tượng chụp nhóm ảnh chênh sáng |
| ④ | Hướng dẫn tinh chỉnh AF |
| ⑤ | Đánh dấu mục tiêu AF |
| ⑥ | Phụ kiện |
| ⑦ | Tỷ lệ thu phóng kỹ thuật số*1 |
| ⑧ | Chụp tua nhanh thời gian |
| ⑨ | Ưu tiên khuôn mặt |
| ⑩ | Âm thanh phim |
| ⑪ | Giảm ồn tiếng gió |
| ⑫ | Chỉ báo cao độ (độ cao) |
| ⑬ | Tỷ lệ thu phóng quang học/ phóng đại*1 |
| ⑭ | Cảnh báo nhiệt độ bên trong |
| ⑮ | Đèn Flash (nhấp nháy: đang sạc, đèn sáng: sạc xong) |

| Số | Tên |
|----|--|
| ⑯ | Chỉ báo lấy nét |
| ⑰ | Thẻ Loại Ảnh |
| ⑱ | Độ nhạy ISO |
| ⑲ | Cân bằng trắng |
| ⑳ | Chế độ AF |
| ㉑ | Khung hình |
| ㉒ | Chất lượng hình ảnh (ảnh tĩnh) |
| ㉓ | Chế độ ghi (phim) |
| ㉔ | Thời lượng ghi hình phim |
| ㉕ | Số lượng ảnh tĩnh có thể lưu |
| ㉖ | Chỉ báo cao độ (cuộn) |
| ㉗ | Trên cùng: Điều chỉnh cường độ sáng đèn flash Dưới cùng: Bù phơi sáng |
| ㉘ | Bù sáng |
| ㉙ | Giá trị khẩu độ |
| ㉚ | Tốc độ màn trập |

*1 Luôn luôn hiển thị nếu đang sử dụng [Microscope Control] (Trang 27).

| Số | Tên |
|----|-------------------------|
| ① | Biểu đồ độ sáng |
| ② | Chế độ chụp |
| ③ | Chế độ tùy chỉnh |
| ④ | Biểu tượng/cảnh báo LOG |
| ⑤ | Biểu tượng GPS |
| ⑥ | Đo sáng |
| ⑦ | ☐/☺/Chụp Pro Capture |
| ⑧ | Bù đèn Flash |
| ⑨ | Chế độ flash |
| ⑩ | Chống Rung Ảnh |
| ⑪ | Kiểm tra pin |

Đọc biểu đồ độ sáng

Nếu phần đỉnh có quá nhiều trong phần khung này, hình ảnh hầu như sẽ trở thành màu đen.

Nếu phần đỉnh có quá nhiều trong phần khung này, hình ảnh hầu như sẽ trở thành màu trắng.



Vùng xanh lá cây cho thấy sự phân bố độ sáng trong vùng trung tâm màn hình.

Chuyển đổi hiển thị

Nhấn nút **INFO** để di chuyển qua các màn hình như sau: Thông Tin Cơ Bản*1, Image Only, Hiển Thị Biểu Đồ (Custom1), Chỉ Báo Cao Độ (Custom2).

- Bạn có thể chuyển đổi giữa cài đặt Custom1 và Custom2. [Info Settings] > [LV-INFO] (Trang 62)
- Nhấn giữ nút **INFO** và xoay đĩa xoay điều khiển để xoay màn hình hiển thị thông tin chụp.

*1 Không được hiển thị ở chế độ (chế độ phim) trừ khi đang ghi.

Chỉ báo cáo độ

Chỉ báo cáo độ cho biết mức nghiêng máy ảnh. Thanh dọc thể hiện độ cao, còn thanh ngang thể hiện cuộn.

- Chỉ báo này được thiết kế chỉ để chỉ dẫn.
- Có thể sửa lỗi ở màn hình hiển thị thông qua hiệu chỉnh (Trang 69).

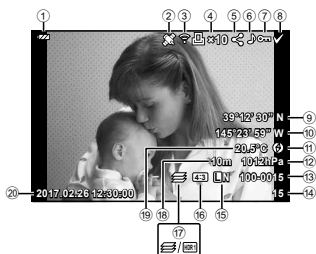
Hiện thị chế độ phát lại

Chuyển đổi hiển thị

Nhấn nút **INFO** để di chuyển qua các màn hình như sau: Tối giản, Overall, Image Only.

- Có thể thêm các hiển thị biểu đồ sắc độ và vùng sáng/vùng tối vào màn hiển thị thông tin phát lại. [/Info Settings] > [Info] (Trang 62)

Hiện thị Tối giản



Hiện thị Overall

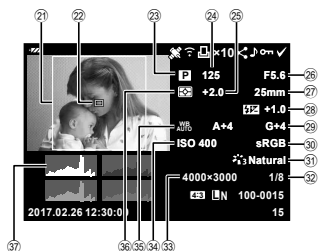


Image only



| Số | Tên | *1 | *2 | *3 |
|----|--------------------------------------|----|----|----|
| ① | Kiểm tra pin | ✓ | ✓ | – |
| ② | Bao gồm thông tin GPS | ✓ | ✓ | – |
| ③ | Dữ liệu truyền Eye-Fi/Wi-Fi | ✓ | ✓ | – |
| ④ | Đặt Lệnh In/số ảnh cần in | ✓ | ✓ | – |
| ⑤ | Thứ tự Chia sẻ | ✓ | ✓ | – |
| ⑥ | Thêm âm thanh | ✓ | ✓ | – |
| ⑦ | Bảo vệ | ✓ | ✓ | – |
| ⑧ | Hình ảnh được chọn | ✓ | ✓ | ✓ |
| ⑨ | Vĩ độ | ✓ | – | – |
| ⑩ | Kinh độ | ✓ | – | – |
| ⑪ | Thông tin hướng | ✓ | – | – |
| ⑫ | Áp suất khí quyển | ✓ | – | – |
| ⑬ | Mã số tệp | ✓ | ✓ | – |
| ⑭ | Số khung | ✓ | ✓ | – |
| ⑮ | Chất lượng hình ảnh | ✓ | ✓ | – |
| ⑯ | Tỷ lệ khung hình | ✓ | ✓ | – |
| ⑰ | Kỹ Thuật Chụp Chồng Ảnh/hình ảnh HDR | ✓ | ✓ | – |
| ⑱ | Độ cao/Độ sâu của nước | ✓ | – | – |

*1 Hiển thị Tối giản

*2 Hiển thị Overall

*3 Image only

*4 Chỉ được hiển thị nếu chọn tỷ lệ khung hình khác 4:3 với tùy chọn chất lượng hình ảnh RAW.




| Số | Tên | *1 | *2 | *3 |
|----|------------------------------------|----|----|----|
| ⑲ | Nhiệt độ (nhiệt độ nước) | ✓ | – | – |
| ⑳ | Ngày và giờ | ✓ | ✓ | – |
| ㉑ | Đường viền khung hình*4 | ✓ | ✓ | ✓ |
| ㉒ | Con trỏ AF Area | – | ✓ | – |
| ㉓ | Chế độ chụp | – | ✓ | – |
| ㉔ | Tốc độ màn trập | – | ✓ | – |
| ㉕ | Bù sáng | – | ✓ | – |
| ㉖ | Giá trị khẩu độ | – | ✓ | – |
| ㉗ | Chiều dài tiêu cự | – | ✓ | – |
| ㉘ | Điều chỉnh cường độ sáng đèn flash | – | ✓ | – |
| ㉙ | Bù cân bằng trắng | – | ✓ | – |
| ㉚ | Color space | – | ✓ | – |
| ㉛ | Chế độ Chụp ảnh | – | ✓ | – |
| ㉜ | Tỷ lệ nén | – | ✓ | – |
| ㉝ | Kích Thước Ảnh | – | ✓ | – |
| ㉞ | Độ nhạy ISO | – | ✓ | – |
| ㉟ | Cân bằng trắng | – | ✓ | – |
| ㊱ | Chế độ căn sáng | – | ✓ | – |
| ㊲ | Biểu đồ độ sáng | – | ✓ | – |

Chụp bằng những chức năng cơ bản

Sử dụng chế độ chụp ảnh





Chọn chế độ chụp




Xoay đĩa chọn chế độ để cài chế độ chụp ở chỉ báo.

- Sau khi chọn **SCN**, ,  hoặc , hãy chọn chế độ phụ.




Danh sách chế độ chụp

| | | | |
|--|----------|--|----------|
|  (Chế độ iAUTO)..... | Trang 21 | SCN (Chụp Ngủ Cảnh)..... | Trang 22 |
| P (Chế độ chương trình)..... | Trang 9 |  (Chế độ phim)..... | Trang 25 |
| A (Chế độ A)..... | Trang 22 |  (Chế độ dưới nước)..... | Trang 26 |
| C1 (Chế độ tùy chỉnh 1)..... | Trang 22 |  (Chế độ Kính hiển vi)..... | Trang 27 |
| C2 (Chế độ tùy chỉnh 2)..... | Trang 22 | | |

- Một số tính năng có thể không có sẵn tùy theo chế độ chụp và cài đặt máy ảnh.  “Danh sách các cài đặt có sẵn trong mỗi chế độ chụp” (Trang 111), “Danh sách các cài đặt ” (Trang 112), “Danh sách các cài đặt **SCN**” (Trang 114), “Danh sách các cài đặt ” (Trang 113)
- Trong các chế độ chụp ảnh nhất định, máy ảnh có thể cần một chút thời gian để xử lý ảnh sau khi chụp ảnh.

(Chế độ iAUTO)

Một chế độ tự động hoàn toàn trong đó máy ảnh sẽ tự động tối ưu hoá các cài đặt cho khung cảnh hiện tại. Máy ảnh thực hiện tất cả các công việc, điều này rất tiện lợi cho những người mới bắt đầu.

- 1 Xoay đĩa xoay chế độ đến .
- 2 Điều chỉnh lấy nét.
Chỉ báo lấy nét sẽ nhấp nháy để cho biết máy ảnh chưa lấy nét được.
- 3 Nhấn nút chụp xuống hoàn toàn để chụp ảnh.

A (Chế độ A)

Khi một giá trị khẩu độ được thiết lập, máy ảnh sẽ tự động thiết lập một tốc độ màn trập thích hợp. Bạn có thể thay đổi khẩu độ bằng cách xoay đĩa xoay điều khiển hoặc bằng cách nhấn Δ rồi $\Delta \nabla$ (phím mũi tên).










C1/C2 (Chế độ tùy chỉnh)














Nếu bạn lưu lại các thiết lập chụp ảnh trong [Reset/Assign Custom Modes] (Trang 52), bạn có thể lấy lại và chụp ảnh sử dụng các thiết lập chụp hình đã lưu.

- Bạn có thể đăng ký các cài đặt khác trong C1 và C2.

SCN (Chụp Ngữ Cảnh)

Chỉ bằng cách chọn chế độ phụ theo chủ đề hoặc cảnh chụp, bạn mới có thể chụp với một cài đặt phù hợp.

| Chế độ phụ 1 | Chế độ phụ 2 | Ứng dụng |
|--------------|---|---|
| People |  Portrait | Phù hợp để chụp ảnh chân dung. |
| |  e-Portrait | Làm mềm tông màu và mặt da. Chế độ này thích hợp khi xem hình ảnh trên TV độ nét cao. |
| |  Portrait + Landscape | Phù hợp cho ảnh chân dung có phong cảnh ở nền. |
| |  Portrait + Nightscape | Phù hợp để chụp chân dung trên phòng nền cảnh đêm. |
| |  Children | Phù hợp cho ảnh chụp trẻ em và các chủ thể hoạt động khác. |
| Nightsapes |  Nightscape | Phù hợp để chụp bằng giá ba chân cho cảnh đêm. |
| |  Portrait + Nightscape | Phù hợp để chụp chân dung trên phòng nền cảnh đêm. |
| |  Handheld Starlight | Thích hợp khi chụp cảnh đêm mà không có chân máy. Giảm mờ khi chụp những cảnh trong ánh sáng yếu/bị rọi sáng. |
| |  Fireworks | Phù hợp để chụp pháo hoa ban đêm. |

| Chế độ phụ 1 | Chế độ phụ 2 | Ứng dụng |
|--------------|---|---|
| Nightscaapes |  Live Composite | Máy ảnh tự động chụp nhiều hình ảnh, chỉ lấy các vùng sáng mới, và kết hợp chúng vào một bức ảnh. Với độ phơi sáng dài thông thường, ảnh của vật sáng, chẳng hạn như vật sao bên cạnh những tòa nhà rực sáng, thường có khuynh hướng bị chói sáng. Bạn có thể chụp những ảnh này mà không cần phơi sáng quá mức khi thực hiện kiểm tra tiến độ. |
| Motion |  Sport | Phù hợp để chụp cảnh hành động nhanh. |
| |  Children | Phù hợp cho ảnh chụp trẻ em và các chủ thể hoạt động khác. |
| Scenery |  Landscape | Phù hợp để chụp phong cảnh. |
| |  Sunset | Phù hợp để chụp cảnh hoàng hôn. |
| |  Beach & Snow | Phù hợp để chụp cảnh núi phủ tuyết trắng, cảnh biển dưới ánh nắng mặt trời và những cảnh màu trắng khác. |
| |  Panorama | Bạn có thể chụp và kết hợp nhiều ảnh để tạo ra một ảnh với góc ngắm rộng (ảnh ghép cảnh rộng). |
| |  Backlight HDR | Phù hợp để chụp các cảnh tương phản. Chế độ này bắt chụp nhiều ảnh cùng lúc và kết hợp chúng thành một ảnh duy nhất được phơi sáng thích hợp. |
| Indoors |  Candlelight | Phù hợp để chụp cảnh đèn nến. Giữ lại các màu ấm. |
| |  Portrait | Phù hợp để chụp ảnh chân dung. |
| |  e-Portrait | Làm mềm tông màu và mặt da. Chế độ này thích hợp khi xem hình ảnh trên TV độ nét cao. |
| |  Children | Phù hợp cho ảnh chụp trẻ em và các chủ thể hoạt động khác. |
| |  Backlight HDR | Phù hợp để chụp các cảnh tương phản. Chế độ này bắt chụp nhiều ảnh cùng lúc và kết hợp chúng thành một ảnh duy nhất được phơi sáng thích hợp. |

1 Xoay đĩa chế độ đến **SCN**.

2 Sử dụng $\triangle \nabla \triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu một tùy chọn cho chế độ phụ 1 và nhấn nút OK để chọn.

Chế độ phụ 1



3 Sử dụng $\triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu một tùy chọn cho chế độ phụ 2 và nhấn nút OK để chọn.

Chế độ phụ 2



- Nhấn nút **MENU** để quay lại màn hiển thị chế độ phụ 1.

- Khi đĩa xoay chế độ được xoay đến **SCN**, có thể xem được màn hiển thị chế độ phụ 1 bằng cách nhấn \triangleleft (phím mũi tên).
- Cũng có thể sử dụng điều khiển trực tiếp (Trang 34) để chọn chế độ phụ 2.

Tổng hợp Trực tiếp

① Điều chỉnh lấy nét.

- Gắn chắc chắn máy ảnh vào chân máy ảnh loại ba chân để làm giảm nhòe ảnh do máy ảnh rung.
- Nếu đèn báo lấy nét nhấp nháy, máy ảnh đang không lấy nét. Khi đèn báo lấy nét đang nhấp sáng, bạn có thể lấy nét ở vô cực bằng cách nhấn nút OK trong khi nhấn nửa chừng nút bấm chụp.


② Để chụp ảnh, bấm nút bấm chụp nhẹ nhàng cho đến hết tầm trong lúc cảm chắc máy để không bị rung.

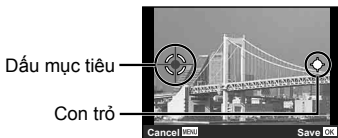
- Máy ảnh tự động lập cấu hình các cài đặt thích hợp và bắt đầu chụp.
- Sau khi bấm nút chụp, có một khoảng thời gian chờ cho đến khi việc chụp bắt đầu.
- Ảnh toàn cảnh đã kết hợp được hiển thị theo khoảng thời gian nhất định.

③ Bấm nút chụp lần nữa để ngừng chụp.

- Độ dài đang thu trong một lần quay lên đến ba giờ.

Ghép cảnh rộng




- 1 Bấm nút chụp để chụp khung hình đầu.
- 2 Quay máy ảnh từ từ để lấy khung hình cho lần chụp thứ hai.
 - Dấu ngắm xuất hiện.
- 3 Di chuyển chậm máy ảnh sao cho con trỏ và dấu đánh mục tiêu chồng lên nhau. Máy ảnh tự động nhả màn trập khi con trỏ và mục tiêu chồng lên nhau.
 - Để kết hợp chỉ hai khung hình, nhấn nút .
- 4 Lặp lại bước 3 để lấy khung hình thứ ba. Máy ảnh tự động kết hợp các khung hình vào trong một ảnh đơn toàn cảnh.
 - Để hủy chức năng toàn cảnh, nhấn nút **MENU**.







Hiện thị khi ghép hình ảnh từ trái sang phải

(Chế độ phim)

Ngoài cảnh quay thông thường, bạn có thể quay phim 4K có độ phân giải cao hoặc quay phim tốc độ cao sẽ phát lại ở chuyển động chậm.




| Chế độ phụ | Ứng dụng |
|---|---|
|  Standard | Ghi phim thông thường. |
|  4K | Ghi phim 4K có độ phân giải cao. |
|  High-speed | Ghi các chủ thể chuyển động nhanh để phát lại ở chuyển động chậm. |

1 Xoay đĩa chế độ đến .


2 Sử dụng   (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu chế độ phụ và nhấn nút  để chọn.



3 Nhấn nút  (phim) để bắt đầu ghi.





- Để kết thúc ghi, nhấn lại nút  (phim).
- Khi đĩa xoay chế độ được xoay đến , có thể xem được màn hiển thị chế độ phụ bằng cách nhấn  (phím mũi tên).


Chất Lượng Hình Ảnh




Bạn có thể điều chỉnh chất lượng hình ảnh bằng các nút điều khiển trực tiếp.  “Chế độ ghi (phim)” (Trang 39)

(Chế độ dưới nước)

Chỉ bằng cách chọn chế độ phụ theo chủ đề hoặc cảnh chụp, bạn mới có thể chụp hình dưới nước với một cài đặt phù hợp.



| Chế độ phụ | Ứng dụng |
|--|--|
|  Underwater Snapshot | Được tối ưu hóa để chụp ảnh dưới nước sử dụng ánh sáng tự nhiên. |
|  Underwater Wide | Thích hợp khi chụp ảnh dưới nước. |
|  Underwater Macro | Thích hợp khi chụp ảnh cận cảnh ở dưới nước. |
|  Underwater HDR | Phù hợp để chụp các cảnh tương phản dưới nước. Chế độ này bắt chụp nhiều ảnh cùng lúc và kết hợp chúng thành một ảnh duy nhất được phơi sáng thích hợp. Chế độ này không có chức năng phù hợp để chụp một chủ thể di chuyển nhanh. |

1 Xoay đĩa chế độ đến .

2 Sử dụng   (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu chế độ phụ và nhấn nút  để chọn.




3 Nhấn nút bấm chụp hết cỡ để chụp ảnh.

- Để chụp một loạt ảnh ở cùng một tiêu cự, sử dụng AFL (Trang 32) hoặc MF (Trang 37).
- Khi đĩa xoay chế độ được xoay đến , có thể xem được màn hiển thị chế độ phụ bằng cách nhấn  (phím mũi tên).





⚙ (Chế độ Kính hiển vi)

Có thể chụp ảnh cách xa chủ thể tối đa 1 cm. Trong chế độ này bạn có thể chụp ảnh với độ sâu trường lớn và thực hiện lấy nét chụp bù trừ sáng của một số lượng ảnh đã thiết lập.

1 Xoay đĩa chế độ đến ⚙.

2 Sử dụng ◀▶ (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu chế độ phụ và nhấn nút  để chọn.



| Chế độ phụ | Ứng dụng |
|---|--|
|  Microscope | Có thể chụp ảnh cách xa chủ thể tối đa 1 cm. |
|  Focus Stacking*1 | Máy ảnh chụp một số lượng ảnh, tự động thay đổi tiêu cự trong từng bức ảnh. Những bức ảnh này sau đó được kết hợp lại thành một ảnh ghép với độ sâu trường lớn. Ghi hình hai bức ảnh, khung hình đầu tiên và hình ảnh ghép. |
|  Focus Bracket | Trong chế độ này, máy ảnh chụp một số lượng ảnh, tự động thay đổi tiêu cự trong từng bức ảnh. Số lượng ảnh và các bước chụp được thiết lập trong [Focus BKT] (Trang 55). |
|  Microscope Control | Được tối ưu hóa cho chụp cận cảnh với chủ thể được phóng đại trong màn hình. Mức phóng đại khi khoảng cách chụp là 1 cm được hiển thị trên màn hình. Nhấn ▶ (phím mũi tên) có thể làm thay đổi mức phóng đại. Tại các mức phóng đại cao, hình ảnh có thể bị gợn. |

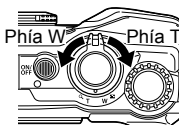
*1 Có những trường hợp trong đó không thể tạo ra hình ảnh ghép do máy ảnh bị rung.

3 Nhấn nút chụp xuống hoàn toàn để chụp ảnh.

- Để chụp một loạt ảnh ở cùng một tiêu cự, sử dụng AFL (Trang 32) hoặc MF (Trang 37).
- Khi đĩa xoay chế độ được xoay đến ⚙, có thể xem được màn hiển thị chế độ phụ bằng cách nhấn ◀ (phím mũi tên).

Sử dụng zoom

Phóng to để chụp ảnh các vật có khoảng cách xa hoặc thu nhỏ để tăng phạm vi có thể nhìn thấy trong khu hình. Có thể điều chỉnh việc thu phóng bằng cần gạt zoom.



Sử dụng tùy chọn chụp ảnh (Cài bằng nút trực tiếp)




Các chức năng thường xuyên sử dụng được ấn định cho \triangleright \triangle ∇ (phím mũi tên). Chỉ cần bấm nút, bạn có thể chọn trực tiếp chức năng đã ấn định. Một số tính năng có thể không có sẵn tùy theo chế độ chụp và cài đặt máy ảnh. “Danh sách các cài đặt có sẵn trong mỗi chế độ chụp” (Trang 111)

Flash

Bạn có thể sử dụng đèn flash khi chụp.

- 1 Bấm nút để hiển thị tùy chọn.
- 2 Dùng \triangleleft \triangleright (phím mũi tên) hoặc đĩa lệnh điều khiển để làm nổi bật chế độ đèn nháy và nhấn nút để chọn.

| | |
|------------------------|--|
| AUTO Flash Auto | Đèn flash tự động sáng khi điều kiện ánh sáng yếu hoặc ngược sáng. |
| Fill In | Đèn flash sáng bất kể điều kiện ánh sáng. |
| Redeye | Chức năng này cho phép bạn giảm hiện tượng mắt đỏ. |
| Flash Off | Đèn flash không sáng. |
| Red-Eye Slow | Kết hợp đồng bộ chậm với giảm mắt đỏ. |
| SLOW SLOW | Tốc độ màn trập chậm được sử dụng để làm sáng các hậu cảnh bị mờ. |

| | |
|--|---|
|  Thủ công | Điều khiển đầu ra đèn chớp theo cách thủ công. Nếu bạn áp dụng “Thủ công” và nhấn nút INFO trước khi nhấn nút OK , bạn có thể điều chỉnh đầu ra đèn chớp bằng Δ ▽ < > (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển. |
|  Remote Control | Đầu dò dưới nước chuyên dụng hoặc đèn flash không dây Olympus RC được sử dụng để chụp ảnh. Để biết thêm chi tiết, xem “Chụp ảnh với Hệ thống Đèn flash Điều khiển từ xa Không dây Olympus” (Trang 105). |
|  LED On | Bật sáng đèn LED khi chụp ảnh. Điều này có hiệu quả khi chụp các bức ảnh cận cảnh. |

- Trong [**☼**] (Đèn flash giảm mắt đỏ), sau hệ thống cân bằng phủ sáng tự động, chức năng này mất khoảng 1 giây trước khi màn trập được nhả. Không di chuyển máy ảnh cho đến khi hoàn tất chụp ảnh.
- [**☼**] (Đèn flash giảm mắt đỏ) có thể không đạt hiệu quả trong các điều kiện chụp ảnh sau.
- Tốc độ màn trập trở nên chậm hơn trong [**⚡ SLOW**]. Sử dụng giá ba chân và cố định máy ảnh.
- Một số tính năng có thể không có sẵn tùy theo chế độ chụp và cài đặt máy ảnh.

Bù sáng

Bù sáng (phơi sáng thích hợp) được điều chỉnh bằng máy ảnh.

1 Xoay đĩa xoay điều khiển hoặc nhấn nút **☒** và sử dụng **<|>** (phím mũi tên).

- Tùy theo chế độ chụp và cài đặt máy ảnh, bạn có thể không điều chỉnh được bù phơi sáng bằng đĩa xoay điều khiển.
- Chọn giá trị (“+”) để làm ảnh sáng hơn, và giá trị âm (“-”) để làm ảnh tối hơn.



Âm (-)




Không bù sáng (0)













Dương (+)

Từng Tấm/Liên Tiếp

Giữ nút nhà cửa trập hướng xuống để chụp một loạt các bức ảnh.

1 Bấm nút  để hiển thị menu trực tiếp.



2 Nhấn  (phím mũi tên) hoặc xoay đĩa xoay điều khiển để đánh dấu một tùy chọn rồi nhấn nút .

| | |
|---|--|
|  Single | Chụp 1 khung 1 lần khi bấm nút bấm chụp (chế độ chụp thông thường). |
|  Sequential High | Giữ nút nhà cửa trập hướng xuống để chụp một loạt các bức ảnh. <ul style="list-style-type: none">• Để chọn một tốc độ tịnh tiến khung hình, đánh dấu [Sequential High] và nhấn nút INFO trước khi nhấn nút . Chọn từ các tốc độ tịnh tiến khung hình vào khoảng 10 khung hình mỗi giây (10 fps) hoặc 20 khung hình mỗi giây (20 fps). Sử dụng  (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu tốc độ tịnh tiến khung hình và nhấn nút  để chọn. |
|  Sequential Low | Hình ảnh được chụp ở tốc độ 5 fps khi nhấn nút bấm chụp hết cỡ. |
|  Pro Capture | Chụp liên tiếp bắt đầu khi bạn bấm nút bấm chụp nửa chừng. Nhấn nút bấm chụp hết cỡ để bắt đầu ghi các hình ảnh đã chụp vào thẻ, kể cả hình ảnh chụp được khi bấm nửa chừng.  “Pro Capture” (Trang 31) |

- Trong khi chụp liên tiếp và chụp Pro Capture, lấy nét, phơi sáng và cân bằng trắng được cố định ở các giá trị cho lần chụp đầu tiên.
- Trong lúc chụp liên tục, nếu kiểm tra pin chớp do pin yếu, máy ảnh sẽ ngưng chụp và bắt đầu lưu các ảnh mà bạn đã chụp trong thẻ nhớ. Máy ảnh có thể lưu tất cả ảnh hay không còn tùy thuộc pin còn bao nhiêu năng lượng.



Pro Capture






Để loại bỏ độ trễ giữa khi nhấn nút bấm chụp và bắt đầu ghi hình, máy ảnh sẽ bắt đầu chụp một loạt ảnh sử dụng màn trập điện tử khi nhấn nút bấm chụp nửa chừng, và bắt đầu ghi các hình ảnh — bao gồm cả những hình ảnh được chụp nhấn nút bấm chụp nửa chừng (lên đến 4) — vào thẻ khi nút nhấn bấm chụp xuống nốt phần còn lại.

- 1 Nhấn nút .
- 2 Nhấn $\triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) hoặc xoay đĩa xoay điều khiển để đánh dấu [Pro] (Pro Capture) rồi nhấn nút .
- 3 Nhấn nút bấm chụp nửa chừng để bắt đầu chụp.
- 4 Nhấn nút bấm chụp hết cỡ để bắt đầu ghi vào thẻ.
 - Chụp Pro Capture không khả dụng khi kết nối với Wi-Fi.
 - Máy ảnh sẽ tiếp tục chụp trong khoảng tối đa một phút khi nhấn nút bấm chụp nửa chừng. Để tiếp tục chụp, nhấn nút nửa chừng lần nữa.
 - Tình trạng chậm chờn do đèn huỳnh quang hoặc chuyển động mạnh của chủ thể... có thể làm méo mó hình ảnh.
 - Màn hình sẽ không bị mờ đi và âm thanh chụp sẽ không phát ra trong khi chụp nhóm ảnh chênh sáng.
 - Tốc độ màn trập thấp nhất được giới hạn.

Bấm máy tự động

Thiết lập giờ sau khi nhấn nút bấm chụp cho đến khi hình được chụp.

- 1 Bấm nút  để hiển thị menu trực tiếp.
- 2 Nhấn $\triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) hoặc xoay đĩa xoay điều khiển để đánh dấu [12], [2] hoặc [C] rồi nhấn nút .

| | |
|---|--|
|   12 sec | Bấm nút bấm chụp nửa chừng để lấy nét, bấm phần còn lại của nút bấm chụp để bắt đầu hẹn giờ. Đầu tiên, đèn bấm máy tự động sáng lên trong khoảng 10 giây, sau đó, nó sẽ chớp khoảng 2 giây và ảnh được chụp. |
|   2 sec | Bấm nút bấm chụp nửa chừng để lấy nét, bấm phần còn lại của nút bấm chụp để bắt đầu hẹn giờ. Đèn bấm máy tự động chớp trong 2 giây, và sau đó ảnh được chụp. |
|  Custom Self-timer | Sau khi chọn chế độ này, bấm nút INFO để cài đặt “thời gian từ khi nhấn nút bấm chụp cho đến khi chụp ảnh, số khung hình và khoảng thời gian”. Các ảnh được chụp theo cài đặt này. |

- Để hủy bấm máy tự động, bấm nút **MENU**.
- Chụp bấm máy tự động sẽ không tự động được hủy bỏ sau khi chụp.

AFL (Khóa lấy nét)

Bạn có thể khóa vị trí lấy nét.

- 1 Bấm nút chụp nửa chừng để lấy nét.
- 2 Trong khi giữ nguyên vị trí máy ảnh, hãy nhấn nút **OK**.
Máy ảnh lấy nét và khóa vị trí đó lại.



- Trong khi đang khóa lấy nét, có thể tinh chỉnh khoảng cách lấy nét bằng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển.
- Nhấn nút **OK**, thao tác zoom, nhấn nút **MENU**, và các thao tác khác cũng sẽ nhả khóa lấy nét.
- Nếu đèn báo lấy nét nhấp nháy khi nhấn nút bấm chụp nửa chừng và chọn [Live Composite] (Trang 24) cho chế độ **SCN**, bạn có thể cài đặt lấy nét đến vô cực bằng cách nhấn nút **OK**.
- AFL không có sẵn trong chế độ **AUTO** và một vài chế độ **SCN**.

Vùng

Bạn có thể lựa chọn vị trí của dấu mục tiêu AF bằng tay.



Trước khi tiến hành, chọn [**I ■**] cho [AF Area] trong Shooting Menu 1 (Trang 53).

- 1 Nhấn và giữ nút **OK**.
- 2 Sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) để chọn vị trí của dấu mục tiêu AF và nhấn nút **OK**.
 - Bấm và giữ nút **OK** trước khi cài đặt vị trí sẽ làm đánh dấu mục tiêu AF trở về giữa.

Theo Dõi AF

Máy ảnh tự động theo dõi chuyển động của chủ thể để lấy nét chủ thể một cách liên tục.

Trước khi tiến hành, chọn [Tracking] cho [AF Area] trong Shooting Menu 1 (Trang 53).

- 1** Đặt dấu ngắm AF trên chủ thể và nhấn nút , nhấn giữ nút bấm chụp nửa chừng.
- 2** Khi máy ảnh đã nhận diện được chủ thể, dấu mục tiêu AF sẽ tự động theo dõi chuyển động của chủ thể để lấy nét chủ thể một cách liên tục.
 - Để không chọn theo dõi, bấm nút  hoặc bất kỳ nút nào khác.
 - Tùy thuộc vào các chủ thể hoặc điều kiện chụp ảnh, máy ảnh có thể không ấn định được lấy nét hoặc theo dõi sai chuyển động của chủ thể.
 - Khi máy ảnh không thể theo sát chuyển động của đối tượng, dấu mục tiêu AF sẽ chuyển sang màu đỏ.

Sử dụng chụp hình tùy chọn (thông qua điều khiển trực tiếp)

Một số tính năng có thể không có sẵn tùy theo chế độ chụp và cài đặt máy ảnh.

"Danh sách các cài đặt có sẵn trong mỗi chế độ chụp" (Trang 111)

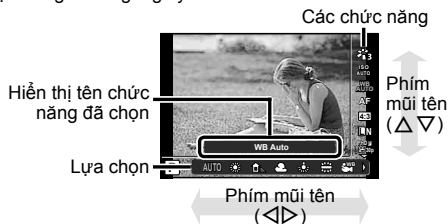
Tùy Chọn Có Sẵn

| | | | |
|---|----------|--|----------|
| Thẻ Loại Ảnh | Trang 35 | Công nghệ ổn định hình ảnh (ảnh tĩnh)*2 | Trang 40 |
| Chế độ cảnh | Trang 22 | Công nghệ ổn định hình ảnh (phim)*1 | Trang 40 |
| Độ nhạy ISO | Trang 36 | Đèn Flash*2*3 | Trang 41 |
| Cân bằng trắng | Trang 36 | Bù đèn Flash*2 | Trang 41 |
| Chế độ AF | Trang 37 | | Trang 42 |
| Khung hình | Trang 38 | Chế độ căn sáng*2 | Trang 42 |
| Chất lượng hình ảnh (ảnh tĩnh) | Trang 38 | Ưu tiên khuôn mặt | Trang 43 |
| Chế độ ghi (phim)*1 | Trang 39 | Phụ kiện | Trang 43 |

- Cài đặt được chọn áp dụng cho cả chế độ **P** và **A**.
- *1 Chỉ hiển thị ở chế độ phim.
- *2 Không hiển thị ở chế độ phim.
- *3 Máy ảnh lưu các cài đặt cho **P**, **A**, (chế độ dưới nước) và (chế độ kính hiển vi) riêng biệt và khôi phục các cài đặt này vào lần tiếp theo khi chế độ được chọn, thậm chí sau khi đã tắt máy ảnh. Tuy nhiên, độ nhạy sáng ISO cho Underwater HDR] không được khôi phục.











Sử Dụng Điều Khiển Trực Tiếp

- 1 Nhấn nút để hiển thị các điều khiển trực tiếp.
 - Để ẩn các điều khiển trực tiếp, nhấn lại nút .
- 2 Nhấn (phím mũi tên) để đánh dấu chức năng mong muốn, sau đó sử dụng (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu một tùy chọn và nhấn nút .
 - Tùy chọn được đánh dấu sẽ tự động được chọn nếu không có thao tác nào được thực hiện trong khoảng 8 giây.














- Các cài đặt mặc định của chức năng này được tô sáng bằng màu .






| Thẻ Loại Ảnh | | Cài các tùy chọn xử lý. |
|--------------|------------------|---|
| | i-Enhance | Tạo ra những kết quả ấn tượng hơn phù hợp với chế độ cảnh. |
| | Vivid | Tạo ra màu sắc sống động. |
| | Natural | Tạo ra màu sắc tự nhiên. |
| | Muted | Tạo ra tông màu nhạt. |
| | Portrait | Tạo ra tông màu da đẹp. |
| | Monochrome | Tạo ra tông màu đen trắng. |
| | Custom | Dùng để chọn một chế độ hình ảnh, cài đặt thông số và đăng ký cài đặt. |
| | e-Portrait | Tạo lớp da mịn màng. Không thể sử dụng chế độ này khi chụp nhóm ảnh chệnh sáng hoặc khi quay phim. |
| ART 1 | Pop Art | Tăng cường màu sắc và khí sắc của hình ảnh tươi sáng và sinh động hơn. |
| ART 2 | Soft Focus | Thể hiện khí sắc thanh tao với tông màu mềm mại và làm cho hình ảnh thơ mộng. |
| ART 3 | Pale&Light Color | Thể hiện cảm giác bông bênh thoải mái bằng cách làm cho hình ảnh trở nên nhạt nhạt và nhiều ánh sáng hơn. |
| ART 4 | Light Tone | Tạo ra hình ảnh chất lượng cao bằng cách làm dịu vùng tối và vùng sáng. |
| ART 5 | Grainy Film | Thể hiện cường độ và sự thô ráp của màu đen và trắng. |
| ART 6 | Pin Hole | Thể hiện hiệu ứng đường hầm như được thấy từ một máy ảnh đời cũ hoặc máy ảnh đồ chơi bằng cách giảm độ sáng vùng ngoại biên. |
| ART 7 | Diorama | Thể hiện hình ảnh chụp một thế giới thu nhỏ siêu thực bằng cách tăng cường độ bão hòa, độ tương phản và làm mờ một vùng mắt nét của hình ảnh. |
| ART 8 | Cross Process | Tạo ra hình ảnh thể hiện bầu không khí siêu thực. |
| ART 9 | Gentle Sepia | Tạo ra hình ảnh chất lượng cao bằng cách vẽ vùng tối và làm dịu hình ảnh tổng thể. |
| ART 10 | Dramatic Tone | Tăng cường độ tương phản cục bộ của hình ảnh và mang lại một hình ảnh nhấn mạnh sự khác biệt về độ sáng và bóng tối. |

| Thể Loại Ảnh | | Cài các tùy chọn xử lý. |
|--|---------------|--|
|  ART 11 /  ART*1 11 | Key Line | Tạo ra hình ảnh nhấn vào các cạnh và thêm phong cách minh họa. |
|  ART 12 /  ART*1 12 | Watercolor | Tạo ra hình ảnh sáng, dịu bằng cách loại bỏ các vùng tối, pha trộn các màu nhạt trên một tấm vải trắng và làm mềm mại thêm các đường viền. |
|  ART 13 /  ART 13 /  ART*1 13 | Vintage | Thể hiện một cách chụp hàng ngày theo tông hoài cổ, cổ điển bằng cách sử dụng đổi màu và làm mờ phim in. |
|  ART 14 /  ART 14 /  ART*1 14 | Partial Color | Nhấn vào một chủ thể bằng cách tách ra những màu bạn muốn nhấn mạnh và giữ những chủ thể khác đơn điệu. Nhấn nút INFO và sử dụng đĩa xoay điều khiển để chọn một màu. |



- Khi chọn [ART] cho chế độ hình ảnh, [Color Space] (Trang 66) sẽ được khóa lại tại [sRGB].
- *1 II và III là các phiên bản sửa đổi của bản gốc (I).

| Độ nhạy ISO | | Thiết lập độ nhạy sáng ISO. |
|---|----------|---|
|  ISO AUTO | ISO Auto | Máy ảnh tự động thiết lập ưu tiên độ nhạy sáng trên chất lượng ảnh. |
|  ISO 100 đến  ISO 12800 | Value | Thiết lập một giá trị nhỏ hơn để giảm nhiễu trong hình, hoặc một giá trị lớn hơn để giảm độ nhòe. |


| Cân bằng trắng | | Thiết lập màu thích hợp cho ánh sáng của cảnh chụp. |
|---|--------------|--|
|  WB AUTO | WB Auto | Máy ảnh tự động điều chỉnh cân bằng trắng. |
|  | Sunny | Thích hợp để chụp ngoài trời không mây. |
|  | Shadow | Phù hợp cho những bức ảnh chụp trong bóng râm vào những ngày nắng. |
|  | Cloudy | Thích hợp để chụp ngoài trời có mây. |
|  | Incandescent | Thích hợp để chụp với ánh sáng đèn dây tóc. |
|  | Fluorescent | Thích hợp để chụp dưới ánh đèn huỳnh quang trắng. |
|  | Underwater | Thích hợp khi chụp ảnh dưới nước. |
|  | WB Flash | Phù hợp để chụp ảnh flash. |






| Cân bằng trắng | | Thiết lập màu thích hợp cho ánh sáng của cảnh chụp. |
|---|------------|--|
|  | Một Chạm 1 | Phù hợp cho các tình huống như: các tùy chọn khác không tạo ra màu sắc mong muốn, bạn không chắc chắn về loại nguồn ánh sáng, hoặc chủ thể được chiếu sáng bởi nhiều nguồn sáng khác nhau. |
|  | Một Chạm 2 | Đối với điều chỉnh bằng tay, cân bằng trắng theo ánh sáng khi chụp. Đặt một tờ giấy trắng hoặc vật thể trắng khác để nó lấp đầy toàn bộ màn hình, và nhấn nút INFO để thiết lập cân bằng trắng. Để xem thông tin về cách đăng ký cân bằng trắng một chạm, hãy xem mục “Đăng ký cân bằng trắng một chạm” (Trang 37). |
|  | Một Chạm 3 | |
|  | Một Chạm 4 | |
| CWB 2000 đến CWB 14000 Tùy chỉnh cân bằng trắng | | Nhấn nút INFO rồi đánh dấu nhiệt độ màu bằng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) rồi nhấn nút  . Chọn nhiệt độ màu từ 2000 đến 14000K. |

Đăng ký cân bằng trắng một chạm


Chọn một tùy chọn trong khoảng từ  Một Chạm 1] đến  Một Chạm 4], sau đó hướng máy ảnh vào một tờ giấy trắng hoặc một chủ thể tương tự và nhấn nút **INFO** rồi đến nút bấm chụp.

- Màn trập sẽ được mở và bạn sẽ được hỏi có muốn giữ giá trị mới hay không. Chọn [Yes] để giữ giá trị mới. Mọi giá trị đã lưu trước đó sẽ được thay thế.
- Dữ liệu cân bằng trắng đã ghi lại sẽ không bị xóa khi tắt nguồn.
- Thực hiện quy trình này dưới ánh sáng nơi các hình sẽ được chụp thực sự.
- Khi thay đổi cài đặt máy ảnh, phải ghi lại cân bằng trắng một lần nữa.

| Chế độ AF | | Phương pháp lấy nét |
|-----------|-----------|---|
| AF | AF | Máy ảnh lấy nét tự động khi nhấn nút bấm chụp nửa chừng. Bạn có thể chọn vùng lấy nét trong menu chụp. <ul style="list-style-type: none"> • Máy ảnh điều chỉnh lấy nét liên tục trong khi quay phim. |
| MF | MF | Dùng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để lấy nét thủ công trên một chủ thể ở bất kỳ vị trí nào trong khung hình. Có thể bật lấy nét thủ công bằng cách nhấn giữ nút  trong khi chụp. |

| Khung hình | | Thiết lập tỷ lệ ngang-tới-dọc của bức ảnh. |
|--|------|--|
|  4:3 | 4:3 | Thay đổi tỉ lệ ngang-sang-đứng khi chụp ảnh. |
|  16:9 | 16:9 | |
|  3:2 | 3:2 | |
|  1:1 | 1:1 | |
|  3:4 | 3:4 | |
























| Chất lượng hình ảnh (ảnh tĩnh)* ¹ | | Các tùy chọn về chất lượng hình ảnh (ảnh chụp) |
|--|-----------|--|
| RAW | RAW | Chọn chất lượng hình ảnh cho ảnh chụp. Chọn JPEG và RAW ^{*2*3} . Chọn từ JPEG+RAW ^{*4} để ghi lại mỗi bức ảnh hai lần, một lần bằng định dạng JPEG và một lần bằng định dạng RAW. JPEG có các lựa chọn về kích thước (L, M, và S) và các tỷ lệ nén (SF, F, N và B). <ul style="list-style-type: none"> • Chất lượng hình ảnh ảnh hưởng đến số lượng hình ảnh có thể lưu trên thẻ nhớ (Trang 102). |
| L F | [L] F | |
| L N | [L] N | |
| M N | [M] N | |
| S N | [S] N | |
| L F+RAW | [L] F+RAW | |
| L N+RAW | [L] N+RAW | |
| M N+RAW | [M] N+RAW | |
| S N+RAW | [S] N+RAW | |

*1 Chỉ liệt kê các tùy chọn mặc định. Để chọn các tùy chọn không phải **L**F [L] F, **L**N [L] N, **M**N [M] N và **S**N [S] N, sử dụng [- Set] (Trang 65) ở Custom Menu E.



*2 RAW: Định dạng này (đuôi mở rộng ".ORF") lưu lại dữ liệu ảnh chưa qua xử lý để xử lý sau này. Khi sử dụng OLYMPUS Viewer 3 (Trang 90), bạn có thể điều chỉnh các cài đặt như bù phơi sáng và cân bằng trắng hoặc áp dụng các bộ lọc tinh xảo. Hãy nhớ sử dụng phiên bản OLYMPUS Viewer 3 mới nhất. Không dùng được phần mềm tạo ảnh tổng quát để xem, sửa và in ảnh RAW.

*3 Không có sẵn với [], [], [], [], [], [], [], và [].

*4 Các tệp JPEG và RAW riêng lẻ được ghi ở mỗi lần chụp ảnh theo thiết lập JPEG + RAW sẽ không thể xóa riêng được. Xóa một hình ảnh sẽ tự động xóa hình ảnh kia (nếu bạn xóa bản sao JPEG trên máy tính sau đó sao chép ảnh RAW vào lại máy ảnh, bạn sẽ có thể chỉnh sửa ảnh (Trang 12) nhưng không chọn để in được (Trang 86)).

| Chế độ ghi (phim) | | Các tùy chọn về chất lượng hình ảnh (phim) |
|--|--------------------------|--|
| [Standard] được chọn cho  | | <p>Chọn bộ kết hợp mong muốn gồm kích thước khung hình, tốc độ bit và tốc độ khung hình. Có thể điều chỉnh tốc độ bit và tốc độ khung hình từ menu video (Trang 55).</p> <div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> ① Kích thước khung hình FHD : 1920×1080 HD : 1280×720 4K : 3840×2160 ② Tốc độ bit (tỷ lệ nén) SF, S, F, N ③ Tốc độ khung hình 30p (60p), 25p (50p) |
|  FHD SF 60p | 1920×1080 Super Fine 60p | |
|  FHD SF 50p | 1920×1080 Super Fine 50p | |
|  FHD SF 30p | 1920×1080 Super Fine 30p | |
|  FHD SF 25p | 1920×1080 Super Fine 25p | |
|  HD SF 30p | 1280×720 Super Fine 30p | |
|  HD SF 25p | 1280×720 Super Fine 25p | |
|  FHD F 60p | 1920×1080 Fine 60p | |
|  FHD F 50p | 1920×1080 Fine 50p | |
|  FHD F 30p | 1920×1080 Fine 30p | |
|  FHD F 25p | 1920×1080 Fine 25p | |
|  HD F 30p | 1280×720 Fine 30p | |
|  HD F 25p | 1280×720 Fine 25p | |
|  FHD N 60p | 1920×1080 Normal 60p | |
|  FHD N 50p | 1920×1080 Normal 50p | |
|  FHD N 30p | 1920×1080 Normal 30p | |
|  FHD N 25p | 1920×1080 Normal 25p | |
|  HD N 30p | 1280×720 Normal 30p | |
|  HD N 25p | 1280×720 Normal 25p | |
| [4K] được chọn cho  *1 | | |
|  4K 30p | 3840×2160 30p | |
|  4K 25p | 3840×2160 25p | |


*1 Không thể thay đổi tốc độ bit.











| Chế độ ghi (phim) | | Các tùy chọn về chất lượng hình ảnh (phim) |
|---|-------------------------------|---|
| [High-speed] được chọn cho  *2 | | <div style="text-align: center;">  </div> <p>① Kích thước khung hình FHD : 1920×1080 HD : 1280×720 SD : 640×360</p> |
| FHD HS 120fps | 1920×1080 HighSpeed 120fps | |
| HD HS 240fps | 1280×720 HighSpeed 240fps | |
| SD HS 480fps | 640×360 HighSpeed 480fps | |






*2 Không thể thay đổi tốc độ bit và tốc độ khung hình.

| Công nghệ ổn định hình ảnh (ảnh tĩnh) | | Các tùy chọn ổn định hình ảnh (ảnh chụp) |
|---------------------------------------|-----|---|
| OFF | OFF | Bật hoặc tắt ổn định hình ảnh trong ảnh chụp. |
| ON | ON | |

| Công nghệ ổn định hình ảnh (phim) | | Các tùy chọn ổn định hình ảnh (phim) |
|-----------------------------------|------|---|
| OFF | OFF | Bật hoặc tắt ổn định hình ảnh trong phim. |
| ON | ON*1 | |

*1 Mặc định thành [OFF] khi chọn [High-speed] làm chế độ phụ .




| Đèn Flash | | Thiết lập cách thức chớp đèn flash. |
|--|---|-------------------------------------|
|  Flash Auto | Đèn chớp tự động sáng ở các điều kiện ánh sáng thấp hoặc có ánh sáng ven. | |
|  Fill In | Đèn chớp nháy sáng mặc dù đã có ánh sáng ở ngoài. | |
|  Redeye | Đèn chớp phát sáng trước sẽ giảm hiện tượng mắt đỏ trong ảnh của bạn. | |
|  Flash Off | Đèn chớp không sáng. | |
|  Red-Eye Slow | Kết hợp đồng bộ chậm với giảm mắt đỏ. | |
|  SLOW | Tốc độ màn trập chậm được sử dụng để làm sáng các hậu cảnh bị mờ. | |
|  Thủ công | Điều khiển đầu ra đèn chớp theo cách thủ công. Nếu bạn áp dụng “Thủ công” và nhấn nút INFO trước khi nhấn nút  , bạn có thể điều chỉnh đầu ra đèn chớp bằng Δ ∇ \langle \triangleright (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển. | |
|  Remote Control | Đầu dò dưới nước chuyên dụng hoặc đèn flash không dây Olympus RC được sử dụng để chụp ảnh. Để biết thêm chi tiết, xem “Chụp ảnh với Hệ thống Đèn flash Điều khiển từ xa Không dây Olympus” (Trang 105). | |
|  LED On | Bật sáng đèn LED khi chụp ảnh. Điều này có hiệu quả khi chụp các bức ảnh cận cảnh. | |

| Bù đèn Flash | Bù sáng đèn flash (lượng đèn flash) được điều chỉnh bằng máy ảnh. |
|--|--|
|  -2.0 đến  +2.0 Giá trị | <p>Điều chỉnh đầu ra đèn flash. Có thể giảm độ sáng của đèn flash bằng cách chọn giá trị âm (giá trị càng thấp thì đèn flash càng mờ) hoặc tăng bằng cách chọn giá trị dương (giá trị càng cao thì đèn flash càng sáng).</p> <ul style="list-style-type: none"> Không khả dụng ở chế độ , khi chọn  Underwater HDR] ở chế độ , hoặc ở chế độ SCN. |

| | | Cài chức năng chụp liên tục và thời gian từ khi bấm nút chụp cho đến khi ảnh được chụp. |
|--|-------------------|---|
| | Single | Một khung hình được chụp ở mỗi lần nhấn nút bấm chụp. |
| | Sequential High | Giữ nút nhà cửa trạng hướng xuống để chụp một loạt các bức ảnh. <ul style="list-style-type: none"> • Để chọn một tốc độ tịnh tiến khung hình, đánh dấu [Sequential High] và nhấn nút INFO trước khi nhấn nút . Chọn từ các tốc độ tịnh tiến khung hình vào khoảng 10 khung hình mỗi giây (10 fps) hoặc 20 khung hình mỗi giây (20 fps). Sử dụng (phím mũi tên) hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu tốc độ tịnh tiến khung hình và nhấn nút để chọn. |
| | Sequential Low | Hình ảnh được chụp ở tốc độ 5 fps khi nhấn nút bấm chụp hết cỡ. |
| | 12 sec | Đèn bấm máy tự động bật sáng khoảng 10 giây, sau đó chớp khoảng 2 giây, rồi ảnh được chụp. |
| | 2 sec | Đèn chụp hẹn giờ nháy khoảng 2 giây, sau đó bức hình được chụp. |
| | Custom Self-timer | Ảnh được chụp ở “thời gian từ khi nhấn nút bấm chụp cho đến khi chụp ảnh, số khung hình và khoảng thời gian” mà bạn đã đặt. |
| | Pro Capture | Chụp liên tiếp bắt đầu khi bạn bấm nút bấm chụp nửa chừng. Nhấn nút bấm chụp hết cỡ để bắt đầu ghi các hình ảnh đã chụp vào thẻ, kể cả hình ảnh chụp được khi bấm nửa chừng. “Pro Capture” (Trang 31) |

| Chế độ căn sáng | | Vùng được căn sáng |
|------------------------|----------|---|
| | Tâm Điểm | Chụp vật thể ở trung tâm trong khi bị ngược sáng (Đo độ sáng tại điểm trung tâm của màn hình). |
| | ESP | Chụp để có độ sáng cân bằng trên toàn bộ màn hình (Đo riêng rẽ độ sáng tại trung tâm màn hình và các khu vực xung quanh). Khi chọn ở [ESP], tâm ảnh có thể bị tối khi chụp ngược nguồn sáng mạnh. |

| Ưu tiên khuôn mặt | | Lấy nét/phơi sáng |
|-------------------|-------------------|---|
| ON | Face Priority On | Khi chọn [Face Priority On], máy ảnh sẽ tự động phát hiện và điều chỉnh lấy nét và phơi sáng cho khuôn mặt của các đối tượng chân dung. |
| OFF | Face Priority Off | |

| Phụ kiện | | Cài đặt cho phụ kiện tùy chọn |
|---|---------------|---|
| OFF | Accessory Off | Chọn khi chụp các hình không có ống kính chuyển đổi. |
|  | PTWC-01 | Chọn tùy theo các ống kính chuyển đổi tùy chọn được chỉ định. |
|  | FCON-T01 | |
|  | TCON-T01 | |
| FD-1 | FD-1 | Cài đặt được tối ưu cho chụp ảnh flash khi lắp FD-1. |

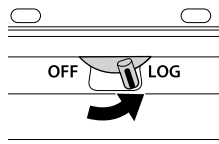
Ghi và sử dụng nhật ký (Chế độ LOG)


Khi nút LOG ở vị trí **LOG**, máy ảnh sẽ ghi lại GPS và các dữ liệu cảm biến khác (Trang 78). Có thể tải về nhật ký để sử dụng bằng ứng dụng điện thoại thông minh OLYMPUS Image Track (OI.Track).

Ghi và lưu các nhật ký

Xoay công tắc LOG sang **LOG**.

- Việc ghi nhật ký sẽ bắt đầu. Đèn báo sẽ sáng khi đang ghi nhật ký.



- Thu nhận và ghi dữ liệu sẽ tự động kết thúc khi cạn pin. Xoay nút LOG về **OFF** để lưu nhật ký.
- Ở chế độ LOG, máy ảnh liên tục sử dụng pin để thu nhận dữ liệu địa điểm.
- Không thể thêm dữ liệu vào nhật ký khi bộ nhớ chỉ định cho lưu trữ nhật ký tạm thời đã đầy, trong trường hợp đó bạn sẽ phải xoay nút LOG sang **OFF** để lưu nhật ký vào thẻ nhớ.  “Sự cố khi ghi nhật ký” (Trang 95)

Lưu nhật ký

Nhật ký hiện tại sẽ được lưu vào thẻ khi công tắc LOG được xoay sang **OFF**.

- Thông báo được hiển thị trên màn hình trong khi đang lưu nhật ký. Không tháo thẻ nhớ ra cho đến khi thông báo được xóa khỏi màn hình. Tháo thẻ nhớ trong khi đang lưu nhật ký có thể làm mất tập nhật ký hoặc khiến máy ảnh hay thẻ nhớ bị trục trặc.
- Máy ảnh có thể không bắt đầu lưu nhật ký vào thẻ nhớ khi xoay nút LOG sang **OFF** nếu chẳng hạn như việc truyền dữ liệu không dây đang diễn ra hoặc thẻ nhớ đã đầy hay được bảo vệ chống ghi, trong trường hợp đó bạn nên kết thúc quá trình truyền dữ liệu không dây, xóa dữ liệu không cần thiết khỏi thẻ nhớ, hoặc cho phép lưu nhật ký. Không tháo pin khỏi máy ảnh cho đến khi đã lưu xong nhật ký.
 - Nhật ký sẽ không được lưu nếu không có thẻ nhớ.
- Mỗi thẻ nhớ có thể lưu đến 199 tập tin nhật ký. Tin nhắn báo lỗi sẽ được hiển thị khi bộ đếm tập tin nhật ký đạt đến con số này (Trang 93). Nếu điều này xảy ra, lắp thẻ nhớ khác hoặc xóa các tập tin nhật ký sau khi sao chép chúng vào máy tính.
- Các tập tin nhật ký được ghi vào thư mục “GPSLOG” và “SNSLOG” trên thẻ nhớ (Trang 101).

Sử dụng nhật ký được nhớ đệm và được lưu

Để truy cập nhật ký được lưu trên bộ nhớ đệm tạm thời của máy ảnh hoặc được lưu vào thẻ nhớ, khởi chạy ứng dụng điện thoại thông minh OLYMPUS Image Track (OI.Track) và kết nối với điện thoại thông minh bằng tính năng LAN không dây của máy ảnh (Trang 73).

Những điều bạn có thể làm với ứng dụng đã chỉ định, OLYMPUS Image Track (OI.Track)

- Xem nhật ký và hình ảnh hiện tại
Có thể xem nhật ký và hình ảnh hiện tại trên điện thoại thông minh.
- Tải về nhật ký và hình ảnh hiện tại
Có thể sao chép và duyệt nhật ký và hình ảnh hiện tại trên điện thoại thông minh.
- Xem các mục theo dõi
Nhật ký được lưu trên thẻ nhớ có thể được sao chép vào điện thoại thông minh và được xem dưới dạng các mục theo dõi.
- Liên kết ảnh với một nhật ký
Hình ảnh được chụp trong khi quá trình ghi nhật ký được kích hoạt có thể được liên kết với nhật ký để xem hoặc quản lý tập tin.
- OI.Track có thể được sử dụng để cập nhật dữ liệu hỗ trợ GPS (Trang 79).

Để biết chi tiết, vui lòng truy cập địa chỉ bên dưới:

<http://app.olympus-imaging.com/oitrack/>

Dữ liệu địa điểm/Đèn LED


Xem dữ liệu địa điểm

Nhấn nút **INFO** khi máy ảnh đang tắt sẽ hiển thị dữ liệu vị trí trên màn hình.

- Độ chính xác của dữ liệu hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và điều kiện tương tự. Chỉ sử dụng như hướng dẫn.

Màn hình dữ liệu địa điểm

| Số | Tên |
|----|-------------------------------|
| 1 | Thời gian |
| 2 | Việc ghi nhật ký đang diễn ra |
| 3 | Thông tin chỉ hướng |
| 4 | Nhiệt độ (nhiệt độ nước) |
| 5 | Áp suất khí quyển |
| 6 | Độ cao (độ sâu) |
| 7 | Biểu tượng GPS |
| 8 | Vĩ độ |
| 9 | Kinh độ |



Vĩ độ và kinh độ

Nếu biểu tượng GPS nhấp nháy hoặc không hiển thị, máy ảnh không thể xác định vị trí hiện tại.

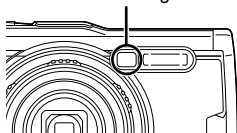
GPS và các màn hình dữ liệu khác

Những màn hình này không dành cho các ứng dụng yêu cầu độ chính xác cao, và sự chính xác của dữ liệu (Vĩ độ và kinh độ, hướng, độ sâu, nhiệt độ và dữ liệu tương tự) mà chúng cung cấp sẽ không được đảm bảo. Độ chính xác của những màn hình này cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố mà nhà sản xuất không thể kiểm soát.

Sử dụng đèn LED

Nhấn và giữ nút **INFO** xuống cho đến khi đèn chiếu sáng LED sáng lên. Đèn LED sẽ sáng ngay cả khi máy ảnh đang tắt.

Đèn chiếu sáng LED



Nếu Máy Ảnh Đang Bật

Đèn LED vẫn sáng đến khoảng 90 giây khi các nút điều khiển của máy ảnh đang được sử dụng, hoặc đến 30 giây nếu không có thao tác nào được thực hiện.

Nếu Máy Ảnh Đang Tắt

Đèn LED vẫn sáng đến khoảng 30 giây dù bạn có vận hành các nút điều khiển máy ảnh hay không.

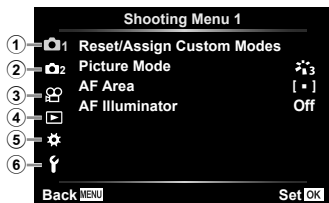
- Đèn LED tự động tắt nếu bạn:
 - nhấn nút **ON/OFF**,
 - sử dụng nút **LOG**,
 - hiển thị menu,
 - kết nối hoặc ngắt kết nối cáp USB, hoặc
 - kết nối mạng Wi-Fi.
- Có thể hiển thị dữ liệu vị trí bằng cách nhấn vào nút **INFO** (Trang 46) ngay cả khi đèn LED đang sáng.

Để tắt đèn chiếu sáng LED

Nhấn và giữ nút **INFO** xuống cho đến khi đèn chiếu sáng LED tắt.

Sử dụng các menu

Danh Sách Menu






| | |
|---|----------------------------|
| ① | Shooting Menu 1 (Trang 52) |
| | Reset/Assign Custom Modes |
| | Picture Mode |
| | AF Area |
| | AF Illuminator |





| | |
|---|----------------------------|
| ② | Shooting Menu 2 (Trang 54) |
| | Intrvl. Sh./Time Lapse |
| | Focus BKT |

| | |
|---|-----------------------|
| ③ | Video Menu (Trang 55) |
| | Movie |
| | Recording Volume |
| | Video Frame Rate |
| | Video Bit Rate |

| | |
|---|--------------------------|
| ④ | Playback Menu (Trang 56) |
| | Print Order (Trang 86) |
| | Reset Protect |
| | Connection to Smartphone |

| | |
|---|------------------------|
| ⑤ | Custom Menu (Trang 61) |
| | A. MF |
| | MF Assist |
| | B1. Disp./PC |
| | Info Settings |
| | Live View Boost |
| | Flicker reduction |
| | Displayed Grid |
| | Peaking Color |
| | B2. Disp./PC |
| | HDMI |
| | C. Exp/ISO |
| | Exposure Shift |
| | ISO-Auto Set |
| | Noise Filter |
| | Noise Reduct. |


| | |
|---|--|
| ⑤  Custom Menu (Trang 61) | |
| D.  Custom | |
|  +  | |
|  +WB | |
| E.  /WB/Color | |
|  Set | |
| WB | |
|  Keep Warm Color | |
| Color Space | |
| F. Record | |
| File Name | |
| Edit Filename | |
| Copyright Settings | |
| G. Field Sensor | |
| Elevation / Depth | |
| Record GPS location | |
| GPS Priority | |
| H.  Utility | |
| Pixel Mapping | |
| Level Adjust | |
| Sleep | |
| Eye-Fi | |
| Certification | |

| | |
|---|---|
| ⑥  Setup Menu (Trang 70) | |
| Card Setup |  |
|  Settings | Rec View |
|  | Wi-Fi Settings |

Sử dụng các menu

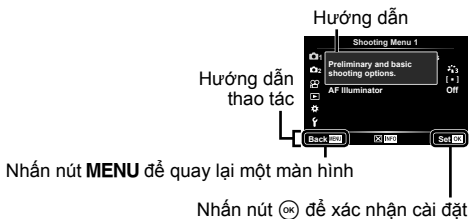
Nhấn nút **MENU** trong khi chụp hoặc phát lại để hiển thị menu.

Menu cung cấp truy cập vào nhiều cài đặt của máy ảnh, chẳng hạn như chức năng chụp và phát lại, cài đặt ngày giờ và các tùy chọn hiển thị. Một số tính năng có thể không có sẵn tùy theo chế độ chụp và cài đặt máy ảnh.

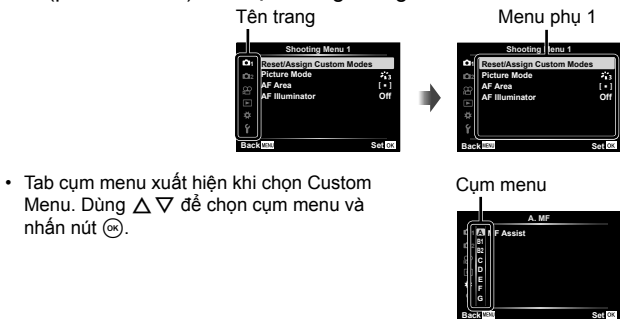
 “Danh sách các cài đặt có sẵn trong mỗi chế độ chụp” (Trang 111)

1 Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu.

- Một hướng dẫn được hiển thị trong 2 giây sau khi bạn chọn một tùy chọn.
- Nhấn nút **INFO** để xem hoặc ẩn hướng dẫn.



2 $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn Trang mong muốn và nhấn \blacktriangleright .



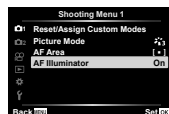
- Tab cụm menu xuất hiện khi chọn Custom Menu. Dùng $\Delta \nabla$ để chọn cụm menu và nhấn nút **OK**.

- 3 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để lựa chọn menu phụ 1 mong muốn và sau đó bấm nút \odot .



- 4 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để lựa chọn menu phụ 2 mong muốn và sau đó bấm nút \odot .

- Sau khi chọn một cài đặt, màn hình trở về Menu phụ 1.
- Tùy theo mục được chọn, có thể cần các bước bổ sung.



- 5 Bấm nút **MENU** để hoàn thành thiết lập.

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

- Các cài đặt mặc định của chức năng này được tô sáng bằng màu .


Shooting Menu 1






Khôi phục cài đặt mặc định/lưu cài đặt

[Reset/Assign Custom Modes]

Khôi Phục Cài Đặt Mặc Định


Có thể dễ dàng khôi phục cài đặt máy ảnh thành cài đặt mặc định.

 “Danh mục menu” (Trang 116)





- ① Trong Shooting Menu 1, đánh dấu [Reset/Assign Custom Modes] và nhấn nút .
- ② Đánh dấu [Reset] và nhấn nút  hoặc  (phím mũi tên).
- ③ Chọn kiểu đặt lại.
 - Để đặt lại tất cả các cài đặt, ngoại trừ thời gian, ngày, và ngôn ngữ, đánh dấu [Full] và nhấn nút .
- ④ Đánh dấu vào [Yes] và nhấn nút .

Lưu Cài Đặt

Có thể lưu cài đặt hiện tại vào một trong hai Chế Độ Tùy Chỉnh. Có thể gọi ra các cài đặt đã lưu bằng cách xoay đĩa xoay chế độ về C1 hoặc C2.

 “Danh mục menu” (Trang 116)






| Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Ứng dụng |
|----------------|------------|----------------------------------|
| Custom Mode C1 | Set | Lưu thiết lập hiện tại. |
| | Reset | Trả về giá trị cài đặt mặc định. |
| Custom Mode C2 | Set | Giống như Chế độ Tùy chỉnh C1. |
| | Reset | |

- ① Điều chỉnh các cài đặt để lưu lại.
 - Xoay đĩa xoay chế độ sang vị trí khác  (chế độ phim).
- ② Trong Shooting Menu 1, đánh dấu [Reset/Assign Custom Modes] và nhấn nút .
- ③ Đánh dấu [Custom Mode C1] hoặc [Custom Mode C2] và nhấn nút .
- ④ Đánh dấu vào [Set] và nhấn nút .
- Mọi cài đặt hiện có sẽ bị ghi đè.
- Để hủy đăng ký, chọn [Reset].





Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

Các tùy chọn xử lý [Picture Mode]

Bạn có thể thực hiện từng điều chỉnh với độ tương phản, độ sắc nét và các thông số khác trong cài đặt [Picture Mode] (Trang 35). Thay đổi các thông số được lưu trữ cho mỗi chế độ hình ảnh riêng rẽ.

- ① Chọn [Picture Mode] trong Shooting Menu 1 và nhấn nút .
 - Máy ảnh sẽ hiển thị chế độ hình ảnh sẵn có trong chế độ chụp hiện tại.
- ② Dùng   và nhấn nút  để chọn một tùy chọn.
 - Nhấn  để thiết lập các tùy chọn chi tiết cho chế độ hình ảnh đã chọn. Tùy chọn chi tiết không có sẵn đối với một số chế độ hình ảnh.
 - Thay đổi độ tương phản không có hiệu lực ở các cài đặt không phải [Normal].

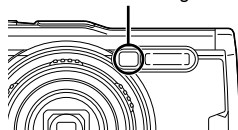
Chọn vùng lấy nét [AF Area]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|---|---|
|  (Tất Cả Mục Tiêu) | Máy ảnh tự động chọn từ trọn bộ mục tiêu lấy nét. |
|  (Một Mục Tiêu) | Bạn có thể chọn một mục tiêu AF.  “Vùng” (Trang 32) |
| Tracking | Máy ảnh tự động theo dõi chuyển động của chủ thể để lấy nét chủ thể một cách liên tục.  “Theo Dõi AF” (Trang 33) |

Dùng đèn trợ sáng để chụp chủ thể tối [AF Illuminator]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| Off | Không sử dụng đèn sáng AF. |
| On | Khi nhấn nút chụp xuống phân nửa, đèn sáng AF được bật lên để hỗ trợ lấy nét. |

Đèn đèn dẫn sáng AF



Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

2 Shooting Menu 2

Điều chỉnh cài đặt quãng thời gian 2 [Intrvl. Sh./Time Lapse]

| Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Ứng dụng | |
|------------|--------------------|------------------------------|--|---|
| Off | — | — | Chụp cách quãng tất. | |
| On | Number of Frames | 1 đến 299 (khung hình) | Thiết lập số lượng khung hình để chụp. | |
| | Start Waiting Time | 00:00:00 đến 24:00:00 (phút) | Thiết lập thời gian chờ trước khi bắt đầu chụp. | |
| | Interval Length | 00:00:01 đến 24:00:00 (phút) | Thiết lập quãng nghỉ sau khi bắt đầu chụp. | |
| | Time Lapse Movie | Off | | Lưu từng khung hình lại như là một bức ảnh. |
| | | On | | Ngoài việc lưu trữ các bức ảnh tĩnh, bạn có thể tạo ra một phim quay từ chuỗi các khung hình và lưu trữ nó. |
| | Movie Settings | Movie Resolution | | Chọn kích thước cho phim tua nhanh thời gian. |
| Frame Rate | | | Chọn tốc độ khung hình cho phim tua nhanh thời gian. | |

Sử dụng Chụp Cách Quãng

Chọn [On] cho [Intrvl. Sh./Time Lapse] ở Shooting Menu 2 trước khi điều chỉnh cài đặt chụp và chụp ảnh.

- Khoảng thời gian này có thể dài hơn khoảng thời gian được cài chỉnh hạn như khi máy ảnh mất một lúc để xử lý hình ảnh.
- Sử dụng bộ đổi nguồn USB-AC để kéo dài thời gian chụp cách quãng.
- Chụp cách quãng sẽ không bắt đầu nếu dung lượng trên thẻ nhớ không đủ.
- Trong suốt quãng nghỉ, nguồn điện có thể tắt nhưng vẫn thực hiện chụp hình theo thiết lập.

Hủy hoặc Kết Thúc Chụp Cách Quãng

Nhấn nút **MENU** để hủy bỏ chụp cách quãng. Để kết thúc chụp cách quãng, chọn [Off] cho [Intrvl. Sh./Time Lapse] ở Shooting Menu 2.


Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

Thiết lập chụp bù trừ sáng lấy nét [Focus BKT]

| Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Ứng dụng |
|------------|------------------------|--------------------|---|
| Off | — | — | Chụp nhóm ảnh chênh sáng bị hủy. |
| On | Set number of shots | 10/20/30 | Thiết lập số lượng khung hình trong chụp bù trừ sáng. |
| | Set focus differential | Narrow/Normal/Wide | Thiết lập quãng nghỉ giữa các vị trí lấy nét bị thay đổi. |

Video Menu

Ghi âm thanh khi quay phim [Movie

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|--|--|
| Off | Không có âm thanh nào được ghi. |
| On | Âm thanh được ghi. |
| On  | Âm thanh được ghi; giảm tiếng ồn của gió được bật trong khi đang ghi âm. |

- Âm thanh không được ghi trong [Diorama] của chế độ chụp ảnh hoặc chế độ quay phim HS.

Điều chỉnh âm lượng micrô [Recording Volume]

Điều chỉnh độ nhạy của micrô tích hợp. Điều chỉnh độ nhạy bằng Δ ∇ đồng thời kiểm tra mức âm thanh đỉnh mà micrô thu được trong vài giây trước đó.

Chọn tốc độ khung hình cho phim [Video Frame Rate]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|--|
| 30p/25p | Chọn tốc độ khung hình phim. <ul style="list-style-type: none">• Chọn [30p] để chọn từ các cài đặt chất lượng hình ảnh (Trang 39) ở 30p và 60p, [25p] để chọn từ cài đặt ở 25p và 50p. |

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).




Chọn chất lượng hình ảnh phim [Video Bit Rate]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|----------------------------|---|
| Super Fine/ Fine/Normal | Chọn tỷ lệ nén cho dữ liệu hình ảnh của phim. |



Playback Menu

Phát lại ảnh tự động

| Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Ứng dụng |
|----------------|--|---|
| Start | — | Khởi động trình chiếu. |
| BGM | Party Time/Off | Lựa chọn các tùy chọn nhạc nền. |
| Slide | All/Still Picture/ Movie | Thiết lập loại dữ liệu cần phát lại. |
| Slide Interval | 2 sec/3 sec/ 4 sec/5 sec/ 6 sec/7 sec/ 8 sec/9 sec/ 10 sec | Chọn khoảng thời gian mỗi trình chiếu hiển thị từ trong khoảng từ 2 đến 10 giây. |
| Movie Interval | Full/Short | Chọn [Full] để phát lại toàn bộ thời lượng của mỗi đoạn phim trong phần trình chiếu hoặc [Short] để chỉ phát lại phần mở đầu của mỗi đoạn phim. |

- Khi đang trình chiếu, bấm  (phím mũi tên) để sang khung hình tiếp theo, bấm  để quay lại khung hình trước.
- Ấn nút **MENU** hoặc nút  để dừng trình chiếu.

Chọn Nhạc Nền

Bạn có thể chọn [Party Time] thành BGM khác. Sau khi tải các bài hát từ trang web Olympus về thẻ nhớ, chọn  > [BGM] trong menu phát lại, đánh dấu [Party Time], và nhấn  (phím mũi tên). Truy cập trang web sau đây để tải về.


<http://support.olympus-imaging.com/bgmdownload/>

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).




Xoay hình ảnh

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|--|
| Off | Hình ảnh không được xoay để phát lại. |
| On | Ảnh được chụp theo hướng "đọc" (chân dung) được tự động xoay để hiển thị trên màn hình trong khi phát lại. |

Chỉnh sửa các ảnh tĩnh [Edit]

| Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Ứng dụng |
|------------|---------------|---|--|
| Sel. Image | RAW Data Edit | Current | Bản sao JPEG được xử lý bằng các cài đặt máy ảnh hiện tại. <ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh cài đặt máy ảnh trước khi chọn tùy chọn này. Một số cài đặt như bù phơi sáng không được áp dụng. |
| | | ART BKT | Hình ảnh được chỉnh sửa bằng các cài đặt cho bộ lọc tinh xảo đã chọn. |
| | | No | Thoát mà không chỉnh sửa ảnh. |
| | JPEG Edit | Shadow Adj | Làm sáng một chủ thể tối. |
| | | Redeye Fix | Giảm hiện tượng đỏ mắt do chụp flash. |
| | |  | Cắt hình ảnh. Sử dụng đĩa xoay điều khiển để chọn kích thước cắt và $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) để định vị khung cắt. |
| | | Aspect | Thay đổi tỷ lệ khung hình của hình ảnh từ 4:3 (chuẩn) thành [3:2], [16:9], [1:1] hoặc [3:4]. Sau khi thay đổi tỷ lệ khung hình, sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ để xác định vị trí cắt. |
| | | Black & White | Tạo hình ảnh đen trắng. |
| | | Sepia | Tạo hình ảnh màu nâu đỏ. |
| | | Saturation | Tăng sự sống động của hình ảnh. Điều chỉnh độ bão hòa màu kiểm tra hình ảnh trên màn hình. |

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).


| Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Ứng dụng |
|-----------------|---|---|--|
| Sel. Image | JPEG Edit |  | Đổi kích thước hình ảnh thành 1280 × 960, 640 × 480 hoặc 320 × 240. Hình ảnh có tỷ lệ khung hình không khác 4:3 (chuẩn) được chuyển đổi sang kích thước hình ảnh gần nhất. |
| | | e-Portrait | Bù trừ để làn da mịn màng. |
| | Movie Edit | In-Movie Image Capture | Bạn có thể chọn một khung hình từ phim để lưu dưới dạng ảnh tĩnh. |
| | | Movie Trimming | Cắt cảnh quay từ phim. |
| |  | No | Hủy ghi. |
| | |  Start | Có thể thêm âm thanh vào hình ảnh tĩnh (lên đến 30 giây). |
| Erase | | Xóa âm thanh được ghi cùng hình ảnh. | |
| Image Overlay*1 | 2Images Merge | Yes | Tạo hình ảnh mới bằng cách xếp chồng các ảnh RAW. |
| | 3Images Merge | | |

*1 Tùy chọn này chỉ có sẵn nếu thẻ nhớ chứa ảnh RAW.













RAW Data Edit/JPEG Edit

- ① Dùng Δ ∇ để chọn [Sel. Image] và nhấn nút OK .
 - ② Đánh dấu ảnh bằng $\langle \rangle$ hoặc đĩa xoay điều khiển và nhấn nút OK .
 - [RAW Data Edit] được hiển thị nếu chọn một ảnh RAW, và [JPEG Edit] nếu chọn một ảnh JPEG. Đối với các hình ảnh được ghi ở định dạng RAW+JPEG, cả [RAW Data Edit] và [JPEG Edit] được hiển thị. Chọn tùy chọn mong muốn cho chúng.
 - ③ Chọn [RAW Data Edit] hoặc [JPEG Edit] và nhấn nút OK .
 - ④ Khi cài đặt hoàn tất, nhấn nút OK .
 - Cài đặt được áp dụng cho hình ảnh.
 - ⑤ Chọn [Yes] và nhấn nút OK .
 - Hình ảnh đã chỉnh sửa được lưu trong thẻ.
- Chức năng sửa mắt đỏ có thể không hoạt động tùy thuộc vào hình ảnh.
 - Không thể chỉnh sửa hình ảnh JPEG trong các trường hợp sau:
 Khi hình ảnh được xử lý trên máy tính, khi không có đủ dung lượng trong thẻ nhớ, hoặc khi một hình ảnh được ghi trên một máy ảnh khác.














Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

- Không thể định lại kích thước hình ảnh () thành kích thước lớn hơn kích thước ban đầu.
- Chỉ có thể sử dụng [C] (cắt) và [Aspect] để chỉnh sửa ảnh có tỷ lệ khung hình là 4:3 (chuẩn).
















Ghi âm

- ① Dùng   để chọn [Sel. Image] và nhấn nút .
- ② Dùng  hoặc  hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu một hình ảnh rồi nhấn nút 
 - Ghi âm không khả dụng với các hình ảnh được bảo vệ.
- ③ Chọn  và nhấn nút 
 - Để thoát mà không thêm âm thanh, chọn [No].
- ④ Chọn  Start] và nhấn nút  để bắt đầu ghi.
 - Quá trình ghi sẽ bắt đầu.
- ⑤ Nhấn nút  để kết thúc ghi.
 - Hình ảnh được ghi có âm thanh được biểu thị bằng biểu tượng .

In-Movie Image Capture (Movie Edit)

- ① Dùng   để chọn [Sel. Image] và nhấn nút .
- ② Dùng  hoặc  hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu một phim rồi nhấn nút .
- ③ Đánh dấu vào [Movie Edit] và nhấn nút .
- ④ Dùng   để chọn [In-Movie Image Capture] và nhấn nút .
- ⑤ Dùng  hoặc  hoặc đĩa xoay điều khiển để hiển thị khung hình mong muốn rồi nhấn nút 
 - Bạn có thể chỉnh sửa phim 4K với máy ảnh này ở tỷ lệ khung hình là [16:9].

Movie Trimming (Movie Edit)


- ① Dùng   để chọn [Sel. Image] và nhấn nút .
 - ② Dùng  hoặc  hoặc đĩa xoay điều khiển để đánh dấu một phim rồi nhấn nút .
 - ③ Đánh dấu vào [Movie Edit] và nhấn nút .
 - ④ Dùng   để chọn [Movie Trimming] và nhấn nút .
 - ⑤ Chọn [Overwrite] hoặc [New File] và nhấn nút 
 - Nếu ảnh được bảo vệ, bạn không thể chọn [Overwrite].
 - ⑥ Chọn điểm bắt đầu và nhấn nút 
 - Để chuyển đến khung hình đầu tiên hoặc khung hình cuối cùng, xoay đĩa xoay điều khiển.
 - ⑦ Sử dụng  hoặc  hoặc đĩa xoay điều khiển để chọn một vùng cần cắt.
 - ⑧ Chọn [Yes] và nhấn nút 
 - Khoảng giữa khung hình đầu tiên hoặc khung hình cuối cùng và khung hình được chọn sẽ bị xóa.
- Chức năng chỉnh sửa có sẵn với các phim được quay bằng máy ảnh này.

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

Image Overlay

- ① Dùng $\Delta \nabla$ để chọn [Image Overlay] và nhấn nút OK .
- ② Chọn số lượng hình ảnh cần xếp chồng và nhấn nút OK .
- ③ Sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ để chọn ảnh RAW cần xếp chồng (Trang 11).
 - Hình ảnh được xếp chồng sẽ hiển thị nếu hình ảnh ở số được xác định ở bước ② được chọn.
- ④ Điều chỉnh tăng cho mỗi hình ảnh sẽ được xếp chồng.
 - Dùng $\triangleleft \triangleright$ để chọn một hình ảnh và $\Delta \nabla$ để điều chỉnh tăng.
 - Có thể điều chỉnh tăng trong phạm vi 0,1 – 2,0. Kiểm tra kết quả trong màn hình.
- ⑤ Nhấn nút OK để hiển thị hộp thoại xác nhận. Chọn [Yes] và nhấn nút OK .
 - Hình ảnh được lưu với chế độ ghi được thiết lập vào thời gian ảnh được lưu. (Nếu chọn [RAW], bản sao sẽ được lưu ở định dạng [L+RAW].)

Tạo Lệnh In [Print Order]


Chọn tùy chọn in (số lượng bản sao và ngày tháng ghi trên hình) cho hình ảnh trên thẻ nhớ.  “Đặt trước lệnh in (DPOF)” (Trang 86)

Gỡ bỏ bảo vệ khỏi tất cả hình ảnh [Reset Protect]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|--|
| Yes | Gỡ bỏ bảo vệ khỏi tất cả hình ảnh trên thẻ nhớ hiện tại. |
| No | Thoát mà không gỡ bỏ bảo vệ. |

Kết nối với điện thoại thông minh qua LAN không dây

[Connection to Smartphone]


Có thể kết nối máy ảnh với điện thoại thông minh sử dụng mạng LAN không dây tích hợp.  “Kết nối đến điện thoại thông minh” (Trang 73)

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

⚙ Custom Menu

■ A. MF

Hỗ trợ lấy nét thủ công ⚙ [MF Assist]

| Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Ứng dụng |
|------------|------------|---|
| Magnify | Off | Tắt phóng đại. |
| | On*1 | Phóng đại một phần màn hình. <ul style="list-style-type: none">• Chủ thể ở giữa khung hình được hiển thị với độ phóng đại lớn hơn. Nếu bạn đang sử dụng khóa lấy nét (Trang 32), vị trí mà lấy nét bị khóa sẽ được hiển thị với độ phóng đại lớn hơn. |
| Peaking | Off | Tắt làm nổi cạnh. |
| | On*1 | Hiển thị các đường viền được xác định rõ ràng với tính năng làm nổi bật viền. <ul style="list-style-type: none">• Bạn có thể chọn màu làm nổi bật.  [Peaking Color] (Trang 63) |

- Tùy thuộc vào chủ thể, đường viền có thể khó nhìn thấy khi chọn [On] cho cả [Magnify] và [Peaking].
- *1 Nếu chọn [On], máy ảnh sẽ tự động bật tính năng làm nổi bật viền và hiển thị chủ thể ở độ phóng đại cao hơn khi bạn thay đổi điểm lấy nét đối với khóa lấy nét hoặc lấy nét bằng tay.

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

■ B1. Disp/■)/PC

Cấu hình hiển thị thông tin ✨ [Info Settings]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| ▶ Info | Thêm biểu đồ sắc độ hoặc hiển thị vùng nổi bật và vùng tối vào thông tin phát lại hoặc ẩn hiển thị mặc định. |
| LV-Info | Thêm biểu đồ sắc độ, vùng sáng và vùng tối hoặc chỉ báo cao độ vào màn hiển thị thông tin chụp hoặc ẩn hiển thị mặc định. <ul style="list-style-type: none">• Cài đặt cho [Custom1] và [Custom2] được khôi phục riêng rẽ. |
| 🗘 Settings | Chọn thông tin được hiển thị trong phát lại chỉ mục và lịch. <ul style="list-style-type: none">• Chọn xem hiển thị lịch và/hoặc chỉ mục của 4, 9, 25 hay 100 hình ảnh nhỏ. |

Bật xem trước phơi sáng ✨ [Live View Boost]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|--|
| Off | Thay đổi thành các cài đặt như bù phơi sáng được phản ánh trên màn hiển thị. |
| On | Thay đổi thành các cài đặt như bù phơi sáng không được phản ánh trên màn hiển thị của màn hình, thay vào đó, độ sáng được điều chỉnh để đưa màn hiển thị đến càng gần phơi sáng tối ưu càng tốt. |


Giảm nhấp nháy dưới ánh sáng huỳnh quang hoặc tương tự ✨ [Flicker reduction]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|----------------|---|
| Auto/50Hz/60Hz | Giảm hiệu ứng nhấp nháy dưới một số loại ánh sáng, bao gồm đèn huỳnh quang. |
| Off | Giảm nhấp nháy bị vô hiệu. |

- Khi nhấp nháy không được giảm theo cài đặt [Auto], hãy đặt thành [50Hz] hoặc [60Hz] phù hợp với tần số nguồn thương mại của khu vực nơi máy ảnh được sử dụng.

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

Thêm hướng dẫn tạo khung hình cho màn hình chụp **✳ [Displayed Grid]**

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|--|------------------------------------|
| Off | Ẩn hướng dẫn tạo khung hình. |
|  | Hiển thị hướng dẫn tạo khung hình. |

Chọn một màu đường viền ✳ [Peaking Color]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|----------------------------|--------------------------|
| White/Black/ Red/Yellow | Chọn một màu đường viền. |

■ B2. Disp(●)/PC

Điều chỉnh âm lượng tiếng bíp ✳ [●]]]

Sử dụng Δ ∇ (phím mũi tên) để điều chỉnh âm lượng của âm thanh được tạo ra khi bấm các nút điều khiển của máy ảnh. Chọn "0" để tắt âm thanh ví dụ như những âm thanh được tạo ra khi máy ảnh lấy nét hoặc mở màn trập.

Phát lại hình ảnh trên một TV ✳ [HDMI]

| Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Ứng dụng |
|--------------|-----------------------------|--|
| Output Size | 4K/1080p/ 720p/480p/576p | Đặt ưu tiên cho định dạng tín hiệu. Nếu cài đặt của TV không tương thích thì nó sẽ tự động thay đổi. |
| | Off | Điều khiển với máy ảnh. |
| HDMI Control | On | Điều khiển với điều khiển từ xa của TV. Nếu chọn [On], chỉ có thể sử dụng máy ảnh để phát lại. |


- Để biết phương pháp kết nối, hãy tham khảo mục "Xem ảnh chụp trên TV" (Trang 80).

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

■ C. Exp/ISO

Chọn tiêu chuẩn cho phơi sáng tối ưu

★ [Exposure Shift]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|--|--|
|  | Điều chỉnh phơi sáng chính xác riêng cho từng chế độ căn sáng. |

- Điều này làm giảm số lượng tùy chọn bù phơi sáng có sẵn theo hướng đã chọn.
- Hiệu ứng không hiển thị trên màn hình. Để thực hiện các điều chỉnh bình thường đối với phơi sáng, thực hiện bù phơi sáng (Trang 29).

Chọn các giá trị tối đa và tiêu chuẩn cho kiểm soát độ nhạy sáng ISO tự động ★ [ISO-Auto Set]

Chọn giới hạn trên và giá trị mặc định được sử dụng cho độ nhạy sáng ISO khi chọn [AUTO] cho ISO. [High Limit]: Chọn giới hạn trên để lựa chọn độ nhạy sáng ISO tự động. [Default]: Chọn giá trị mặc định để lựa chọn độ nhạy sáng ISO tự động. Tối đa là 12800.

Giảm “nhiều” ảnh ở các độ nhạy sáng ISO cao

★ [Noise Filter]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|-------------------|---|
| Off | Giảm nhiễu ảnh bị vô hiệu. |
| Low/Standard/High | Chọn mức độ giảm nhiễu ảnh được thực hiện ở các độ nhạy sáng ISO cao. |

Giảm “nhiều” ảnh ở phơi sáng dài ★ [Noise Reduct.]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| Off | Giảm nhiễu ảnh bị vô hiệu. |
| On | Giảm nhiễu ảnh được thực hiện với mỗi lần chụp. |
| Auto | Giảm nhiễu ảnh được thực hiện ở tốc độ màn trập chậm, hoặc khi nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên. |

- Thời gian cần để giảm nhiễu được hiển thị trong màn hình.
- [Off] được chọn tự động trong khi chụp liên tiếp.

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

- Chức năng này có thể không hoạt động hiệu quả với một số điều kiện chụp hoặc đối tượng chụp.



■ D. Custom

Thêm bù flash cho bù phơi sáng



| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|--|
| Off | Bù phơi sáng không được thêm vào bù flash. |
| On | Thêm bù phơi sáng vào bù flash. |








Điều chỉnh cân bằng trắng để sử dụng với đèn flash +WB]

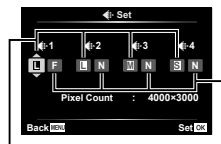
| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|---|--|
| Off | Cài đặt cân bằng trắng không tự động được điều chỉnh để sử dụng với đèn flash. |
|  AUTO/  | Điều chỉnh cân bằng trắng để sử dụng với đèn flash. |

■ E. /WB/Color

Chọn tùy chọn chất lượng hình ảnh JPEG [- Set]

Bạn có thể chọn chế độ chất lượng hình ảnh JPEG từ các bộ kết hợp ba kích thước hình ảnh và bốn tỷ lệ nén.

- ① Sử dụng   để chọn kết hợp (-1) – (-4) và sử dụng   để thay đổi.
- ② Nhấn nút .



Kích thước hình ảnh Tỷ lệ nén

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

Điều chỉnh hình ảnh cho nguồn sáng ✨ [WB]

Cài đặt cân bằng trắng (Trang 36). Bạn cũng có thể tinh chỉnh cân bằng trắng cho mỗi chế độ.

Thực hiện tinh chỉnh với cân bằng trắng

- ① Đánh dấu tùy chọn cân bằng trắng mà bạn muốn tinh chỉnh và nhấn ▷ (phím mũi tên)
- ② Đánh dấu trục A (hỗ phách-xanh dương) hoặc G (xanh lục-đỏ tươi) và dùng Δ ▽ (phím mũi tên) để chọn một giá trị.
 - Giá trị cao hơn trên trục A (hỗ phách-xanh dương) sẽ cho hình ảnh bố cục màu đỏ, giá trị thấp hơn sẽ cho bố cục màu xanh dương.
 - Giá trị cao hơn trên trục G (xanh lục-đỏ tươi) sẽ cho màu xanh lục, và giá trị thấp hơn sẽ cho bố cục màu đỏ tươi.

Điều chỉnh cân bằng trắng tự động để bảo toàn màu ấm dưới ánh sáng chói ✨ [WB AUTO Keep Warm Color]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| Off | Giảm màu ấm trong các ảnh chụp với cân bằng trắng tự động dưới ánh sáng chói. |
| On | Bảo toàn màu ấm trong các ảnh chụp với cân bằng trắng tự động dưới ánh sáng chói. |

Thiết lập định dạng sao chép màu ✨ [Color Space]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| sRGB | Đây là tiêu chuẩn không gian màu RGB do Ủy Ban Kỹ Thuật Điện Quốc Tế (IEC) quy định. Thông thường, sử dụng [sRGB] làm cài đặt tiêu chuẩn. |
| AdobeRGB | Đây là một tiêu chuẩn được cung cấp bởi Hệ Thống Adobe. Phần mềm và phần cứng tương thích như màn hình, máy in, v.v... cần thiết để có hình ảnh đầu ra chính xác. |

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

■ F. Record

Đặt Lại Đánh Số Tập Tin Liên Tiếp ✨ [File Name]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| Auto | Ngay cả khi một thẻ nhớ mới được lắp vào, số tập tin vẫn được giữ nguyên từ thẻ trước. Việc đánh số tập tin tiếp tục từ số được sử dụng sau cùng hoặc từ số lớn nhất có sẵn trong thẻ nhớ. |
| Reset | Khi bạn lắp một thẻ nhớ mới vào, số thư mục sẽ bắt đầu từ 100 và tên tập tin bắt đầu từ 0001. Nếu lắp thẻ có chứa ảnh, số tập tin sẽ bắt đầu từ số tiếp theo của số tập tin lớn nhất trong thẻ. |

Đổi tên tệp hình ảnh ✨ [Edit Filename]

Chọn cách thức các tệp tin hình ảnh được đặt tên bằng cách chỉnh sửa phần của tên tệp được đánh dấu dưới đây bằng màu xám.

sRGB: Pmdd0000.jpg _____ Pmdd

Adobe RGB: _mdd0000.jpg _____ mdd

Thêm tên người tạo và người giữ bản quyền vào hình ảnh ✨ [Copyright Settings]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|-----------------|---|
| Copyright Info. | Chọn [On] để thêm tên của nhiếp ảnh gia và người sở hữu bản quyền vào dữ liệu Exif cho ảnh mới. |
| Artist Name | Nhập tên nhiếp ảnh gia. |
| Copyright Name | Nhập tên người sở hữu bản quyền. |

- OLYMPUS không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh từ các tranh chấp liên quan đến việc sử dụng [Copyright Settings]. Bạn chấp nhận mọi rủi ro.

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

■ G. Field Sensor

Nhập cao độ/độ sâu cho vị trí hiện tại ✨ [Elevation / Depth]

- ① Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn một giá trị.
 - Để sử dụng các đơn vị khác, tiến hành Bước ②. Để tiếp tục mà không thay đổi đơn vị, nhấn nút OK .
- ② Nhấn \triangleright (phím mũi tên).
- ③ Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn các đơn vị và nhấn nút OK .

Ghi dữ liệu GPS cùng ảnh ✨ [Record GPS location]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|--------------------------------------|
| Off | Dữ liệu GPS không được ghi cùng ảnh. |
| On | Ghi dữ liệu GPS cùng ảnh. |

- Nếu chọn [Off] cho [Record GPS location], dữ liệu vị trí sẽ không được thêm vào ảnh ngay cả khi nút LOG xoay về LOG.

Chọn chế độ GPS ✨ [GPS Priority]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|---------------|--|
| GPS accuracy | Ưu tiên độ chính xác của dữ liệu GPS hơn thời lượng pin. |
| Battery power | Ưu tiên thời lượng pin hơn độ chính xác của dữ liệu. |

■ H. 📷 Utility

Điều chỉnh chức năng xử lý hình ảnh ✨ [Pixel Mapping]

- Chức năng này đã được điều chỉnh tại nhà máy trước khi xuất xưởng, và không cần phải chỉnh ngay sau khi mua máy. Không cần thiết phải thực hiện chức năng này thường xuyên.
- Để có kết quả tốt nhất, đợi ít nhất một phút sau khi chụp hoặc xem hình ảnh trước khi thực hiện ánh xạ điểm ảnh. Nếu tắt máy trong khi đang thực hiện ánh xạ điểm ảnh, phải làm lại thao tác này.

Để điều chỉnh chức năng xử lý hình ảnh

Bấm nút OK khi [Start] (Menu phụ 2) được hiển thị.

- Bắt đầu kiểm tra và điều chỉnh điều chỉnh chức năng xử lý hình ảnh.

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

Hiệu chỉnh chỉ báo cao độ ✨ [Level Adjust]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| Reset | Đặt lại giá trị được điều chỉnh thành cài đặt mặc định. |
| Adjust | Đặt hướng máy ảnh hiện tại ở vị trí 0. |

Chọn độ trễ ngủ ✨ [Sleep]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|-----------------------|--|
| Off | Hủy chế độ ngủ (tiết kiệm pin). |
| 1 min/3 min/ 5 min | Máy ảnh vào chế độ ngủ (tiết kiệm pin) nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong khoảng thời gian đã chọn. <ul style="list-style-type: none">• Có thể kích hoạt lại máy ảnh bằng cách nhấn nút bấm chụp nửa chừng. |

Dùng thẻ Eye-Fi ✨ [Eye-Fi]

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|--------------------------------|
| On | Bật không dây trên thẻ Eye-Fi. |
| Off | Tắt không dây trên thẻ Eye-Fi. |

- Có thể thay đổi cài đặt này khi lắp thẻ Eye-Fi.
- Khi dùng thẻ Eye-Fi, đọc hướng dẫn sử dụng thẻ Eye-Fi cẩn thận, và tuân theo các chỉ dẫn.
- Dùng thẻ Eye-Fi theo các luật lệ và qui định của quốc gia nơi sử dụng máy ảnh.
- Ở những nơi như trên máy bay, nơi cấm trao đổi qua thẻ Eye-Fi bị, hãy tháo thẻ nhớ Eye-Fi ra khỏi máy ảnh hoặc đặt chế độ [Eye-Fi] thành [Off].
- Máy ảnh này không hỗ trợ chế độ Liên tục của thẻ nhớ Eye-Fi.

Kiểm tra dấu chứng nhận ✨ [Certification]

Hiện thị phần dấu chứng nhận (cho các tiêu chuẩn an toàn, v.v...).

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

Ý Setup Menu

Xóa tất cả ảnh hoặc tất cả dữ liệu Ý [Card Setup]

- Trước khi thực hiện định dạng, kiểm tra để xác định không có dữ liệu quan trọng nào còn lưu trong thẻ nhớ.
- Các thẻ nhớ phải được định dạng với máy ảnh này trước khi sử dụng lần đầu hoặc sau khi sử dụng với các máy ảnh hoặc máy tính khác.

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| All Erase | Xóa tất cả dữ liệu ảnh khỏi thẻ. <ul style="list-style-type: none">• Không xóa được hình ảnh được bảo vệ. |
| Format | Xóa tất cả dữ liệu khỏi thẻ, bao gồm hình ảnh được bảo vệ. |

Cài đặt đồng hồ bằng tay, chọn múi giờ và sử dụng gps để cài đặt đồng hồ Ý [⌚ Settings]



- ① Nhấn $\Delta \nabla$ của phím mũi tên để chọn năm cho [Y].
 - ② Nhấn \triangleright của phím mũi tên để lưu lại thiết lập cho [Y].
 - ③ Chọn tháng ([M]), ngày ([D]), giờ và phút ([Time]), và thứ tự hiển thị ngày tháng ([Y/M/D]) bằng cách sử dụng $\Delta \nabla \triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) như mô tả trong Bước ① và ②, và sau đó nhấn nút OK .
- Khi đồng hồ được cài đặt, thời gian xuất hiện trong màn hình thị dữ liệu vị trí (Trang 46).

Time Zone

Dùng $\Delta \nabla$ để đánh dấu múi giờ và nhấn nút OK .

- Có thể bật và tắt Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày bằng cách sử dụng nút **INFO**.
- Để đặt đồng hồ theo giờ địa phương khi đi du lịch, hãy chọn múi giờ nơi bạn đến. Đồng hồ sẽ tự động được điều chỉnh theo thay đổi múi giờ.

Auto Time Adjust


Chọn [On] để đồng bộ đồng hồ của máy ảnh với thời gian nhận được qua GPS.

Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo (Trang 50).

Thay đổi ngôn ngữ hiển thị


| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| Ngôn ngữ | Ngôn ngữ cho các menu và thông điệp báo lỗi hiển thị trên màn hình được lựa chọn. |

Chỉnh độ sáng của màn hình


- ① Sử dụng Δ ∇ (phím mũi tên) để chỉnh độ sáng trong khi đang xem màn hình, rồi bấm nút .



Xem ảnh tức thời sau khi chụp

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|--|---|
| Off | Hình ảnh đang được chụp không hiển thị. Tính năng này cho phép người sử dụng chuẩn bị cho hình ảnh tiếp theo trong khi quan sát chủ thể trên màn hình sau khi chụp. |
| 0.3/0.5/1 đến 20 (giây) | Ảnh được ghi lại sẽ được hiển thị trong số giây đã chọn. Tính năng này cho phép người sử dụng kiểm tra sơ bộ hình ảnh vừa được chụp. |
| AUTO  | Khi ghi hình, máy ảnh sẽ tự động chuyển sang chế độ phát lại với hình ảnh hiện tại được hiển thị. |

Cài đặt Wi-Fi

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------------------|--|
| Wi-Fi Connect Settings | Cài chế độ kết nối.  “Kết nối máy ảnh đến điện thoại thông minh” (Trang 72) |
| Private Password | Tạo một mật khẩu. |
| Reset share Order | Hủy mọi hình ảnh đã chọn để chia sẻ. |
| Reset Wi-Fi Settings | Cài đặt lại Wi-Fi về các cài đặt mặc định. |

- Để biết thêm thông tin về cách thức vận hành, tham khảo “Thay đổi phương thức kết nối” (Trang 76).

Kết nối máy ảnh đến điện thoại thông minh

Bằng cách kết nối với điện thoại thông minh thông qua tính năng LAN không dây của máy ảnh này và sử dụng ứng dụng chuyên biệt (OI.Track, OI.Share), bạn có thể tận hưởng nhiều tính năng hơn trong và sau khi chụp ảnh.

Những điều bạn có thể làm với ứng dụng đã chỉ định, OLYMPUS Image Share (OI.Share)

- Chuyển ảnh của máy ảnh đến điện thoại thông minh
Bạn có thể tải ảnh trong máy ảnh cho điện thoại thông minh.
- Chụp từ xa bằng điện thoại thông minh
Bạn có thể vận hành máy ảnh từ xa và sử dụng điện thoại thông minh để chụp ảnh.
- Xử lý ảnh đẹp
Bạn có thể áp dụng bộ lọc nghệ thuật và thêm tem vào các ảnh đã tải đến điện thoại thông minh.
- Thêm các thẻ GPS vào ảnh của máy ảnh
Bạn có thể thêm các thẻ GPS vào ảnh chỉ đơn giản bằng cách chuyển các thông tin GPS đã lưu trên điện thoại thông minh đến máy ảnh.

Để biết chi tiết, vui lòng truy cập địa chỉ bên dưới:

<http://app.olympus-imaging.com/oishare/>

- Trước khi sử dụng chức năng mạng LAN, hãy đọc mục "Sử dụng chức năng LAN không dây" (Trang 123).
- Nếu sử dụng chức năng mạng LAN không dây tại một quốc gia bên ngoài vùng mua máy ảnh, bạn sẽ chịu rủi ro rằng máy ảnh không phù hợp với các quy định truyền thông không dây của quốc gia đó. Olympus sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ lỗi nào do không đáp ứng các quy định như vậy.
- Cũng như với bất cứ giao tiếp không dây nào, sẽ luôn có rủi ro bị nhiễu bởi một bên thứ ba.
- Chức năng mạng LAN không dây trên máy ảnh không thể được sử dụng nhằm kết nối vào điểm truy cập tại nhà hoặc công cộng.
- Ăng-ten thu phát được đặt trong báng kẹp máy ảnh. Giữ báng kẹp tránh xa các vật thể kim loại bất cứ khi nào có thể.
- Trong khi kết nối mạng LAN không dây, pin sẽ mau hết hơn. Nếu pin sắp hết thì có thể bị mất kết nối trong khi đang truyền dữ liệu.
- Việc kết nối có thể bị khó khăn hoặc chậm khi ở gần các thiết bị tạo ra từ trường, tĩnh điện hoặc sóng vô tuyến, chẳng hạn như gần lò vi sóng, điện thoại không dây.

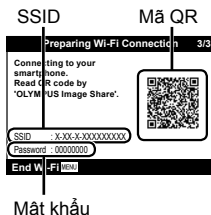
Kết nối đến điện thoại thông minh

- 1 Khởi động Ứng dụng OI.Share đã cài trên điện thoại thông minh của bạn.
 - Bạn cũng có thể kết nối với điện thoại thông minh bằng OI.Track.
- 2 Đánh dấu [Connection to Smartphone] trong Playback Menu và nhấn **OK**.
- 3 Thực hiện theo hướng dẫn vận hành đã hiển thị trên màn hình máy ảnh để chuẩn bị kết nối Wi-Fi.
- 4 Sử dụng điện thoại thông minh để kích hoạt OI.Share đọc mã QR được hiển thị trên màn hình máy ảnh. Kết nối tự động khởi động.

Đọc mã QR không thành công

Cài đặt SSID và mật khẩu bằng cài đặt Wi-Fi của điện thoại thông minh trước khi kết nối (SSID và mật khẩu được hiển thị ở bên trái phía dưới màn hình mã QR.).

Về cách cài đặt Wi-Fi cho điện thoại thông minh, vui lòng đọc hướng dẫn sử dụng của điện thoại thông minh.




- Để kết thúc kết nối, bấm nút **MENU** của máy ảnh.


Thông báo lỗi trong quá trình kết nối Wi-Fi

Kết nối máy ảnh đến điện thoại thông minh một lần nữa.

- ① Tắt chức năng Wi-Fi của điện thoại thông minh của bạn.
- ② Bật chức năng Wi-Fi một lần nữa. Chọn SSID cho TG-5 trước khi tạo kết nối khác.

Chuyển ảnh đến điện thoại thông minh


Bạn có thể chọn hình trong máy ảnh và tải chúng đến điện thoại thông minh. Bạn cũng có thể sử dụng máy ảnh để chọn trước ảnh bạn muốn chia sẻ.  [Share Order] (Trang 13)

- 1** Kết nối máy ảnh đến điện thoại thông minh. (Trang 73)
- 2** Gõ vào nút Chuyển ảnh trong OI.Share.
 - Các ảnh trong máy ảnh được hiển thị theo danh sách.
 - Khi hiển thị một thông báo lỗi:  “Thông báo lỗi trong quá trình kết nối Wi-Fi” (Trang 73)
- 3** Chọn hình ảnh bạn muốn chuyển và gõ nút Lưu.
 - Khi hoàn tất lưu ảnh, bạn có thể tắt máy ảnh từ điện thoại thông minh.

Chụp từ xa bằng điện thoại thông minh

Bạn có thể chụp với máy ảnh này bằng cách thực hiện các thao tác trên điện thoại thông minh của mình.

Chức năng này chỉ sử dụng được khi đã kết nối với [Private] (Trang 76).

- 1** Kết nối máy ảnh đến điện thoại thông minh. (Trang 73)
- 2** Gõ vào nút Từ xa trong OI.Share.
 - Khi hiển thị một thông báo lỗi:  “Thông báo lỗi trong quá trình kết nối Wi-Fi” (Trang 73)
- 3** Gõ nút chụp để chụp.
 - Ảnh được lưu vào thẻ nhớ máy ảnh..
 - Có một số tùy chọn chụp bị hạn chế một phần.

Thêm thông tin vị trí vào ảnh

Bạn có thể thêm các thẻ GPS vào ảnh đã được chụp trong khi đang lưu thông tin GPS bằng cách chuyển thông tin GPS được lưu trên điện thoại thông minh sang máy ảnh.

Chức năng này chỉ sử dụng được khi đã kết nối với [Private] (Trang 76).

1 Trước khi bắt đầu chụp ảnh, hãy khởi chạy OI.Share và bật công tắc nút Thêm vị trí để bắt đầu lưu thông tin GPS.


- Trước khi bắt đầu lưu thông tin GPS, máy ảnh phải được kết nối đến OI.Share để đồng bộ hóa thời gian một lần.
- Bạn có thể sử dụng điện thoại hoặc các ứng dụng khác trong khi đang lưu thông tin GPS. Không kết thúc OI.Share.

2 Khi hoàn tất chụp ảnh, hãy tắt công tắc nút Thêm vị trí.

Hoàn tất lưu thông tin GPS.

3 Kết nối máy ảnh đến điện thoại thông minh. (Trang 73)

4 Chuyển thông tin GPS đã lưu sang máy ảnh bằng cách sử dụng OI.Share.




- Thẻ GPS được thêm vào các hình ảnh trên thẻ nhớ dựa trên dữ liệu trong nhật ký được truyền vào.
 - Trong phát lại chi tiết, hình ảnh đã thêm thông tin vị trí sẽ hiển thị vĩ độ và kinh độ.
 - Khi hiển thị một thông báo lỗi:  "Thông báo lỗi trong quá trình kết nối Wi-Fi" (Trang 73)
- Thông tin định vị theo dõi chỉ có sẵn khi sử dụng điện thoại thông minh có chức năng GPS.
 - Không thể thêm thông tin vị trí vào phim.

Thay đổi phương thức kết nối

Có hai cách để kết nối máy ảnh đến điện thoại thông minh: [Private], là cách bạn sử dụng các cài đặt giống nhau cho mỗi lần, và [One-Time], là cách bạn sử dụng cài đặt khác nhau mỗi lần.




Khuyến nghị sử dụng [Private] khi kết nối đến điện thoại thông minh, và sử dụng [One-Time] khi chuyển ảnh tới điện thoại thông minh khác.

- Cài đặt mặc định là [Private].

- 1** Chọn [Wi-Fi Settings] trong Setup Menu và nhấn .
- 2** Chọn [Wi-Fi Connect Settings] và bấm  (phím mũi tên).
- 3** Chọn phương pháp kết nối mạng LAN không dây và bấm 
 - [Private]: Kết nối vào một điện thoại thông minh. (tự động kết nối bằng cách sử dụng các cài đặt sau khi kết nối ban đầu) Tất cả các chức năng OI.Share đều có sẵn.
 - [One-Time]: Kết nối vào một hoặc hai điện thoại thông minh. (kết nối bằng cách sử dụng cài đặt kết nối khác nhau cho mỗi lần) Chỉ chức năng chuyển ảnh của OI.Share có sẵn. Bạn chỉ có thể xem ảnh được cài đặt cho lệnh chia sẻ bằng cách sử dụng máy ảnh.
 - [Select]: Chọn phương pháp nào để sử dụng mỗi lần.
 - [Off]: Chức năng Wi-Fi đang tắt.




Thay đổi mật khẩu

Thay đổi mật khẩu được dùng cho [Private].

- 1** Chọn [Wi-Fi Settings] trong Setup Menu và nhấn .
- 2** Chọn [Private Password] và bấm  (phím mũi tên).
- 3** Thực hiện theo các hướng dẫn vận hành và bấm 
 - Mật khẩu mới sẽ được cài.




Hủy lệnh chia sẻ

Hủy lệnh chia sẻ đã cài đặt trên ảnh.

- 1** Chọn [Wi-Fi Settings] trong Setup Menu và nhấn .
- 2** Chọn [Reset share Order] và bấm  (phím mũi tên).
- 3** Chọn [Yes] và bấm .

Cài đặt lại các cài đặt mạng LAN không dây

Khởi tạo nội dung của [Wi-Fi Settings].

- 1** Chọn [Wi-Fi Settings] trong Setup Menu và nhấn .
- 2** Chọn [Reset Wi-Fi Settings] và bấm  (phím mũi tên).
- 3** Chọn [Yes] và bấm .

Sử dụng chức năng GPS

Dù được sử dụng để chụp ảnh hay không, máy ảnh có thể thu thập và ghi nhật ký GPS và dữ liệu cảm biến khác, bao gồm vị trí và độ cao. Cũng có thể nhúng những dữ liệu này vào các bức ảnh. Có thể tải về nhật ký để sử dụng bằng ứng dụng điện thoại thông minh OLYMPUS Image Track (OI.Track).

- Vĩ độ và kinh độ được hiển thị trên các bức ảnh dựa theo đó để thêm các thông tin vị trí.
- Máy ảnh không được Trang bị cho điều hướng GPS.
- Hãy chắc chắn bạn dùng phiên bản ứng dụng mới nhất.

Để biết chi tiết, vui lòng truy cập địa chỉ bên dưới:

<http://app.olympus-imaging.com/oitrack/>

Trước khi bạn bắt đầu

- Trước khi sử dụng chức năng GPS, hãy đọc “Chức năng GPS, la bàn điện tử” (Trang 124).
- Ở một số quốc gia và khu vực nhất định, sử dụng thông tin vị trí mà không có sự cho phép trước của chính phủ là một điều bất hợp pháp. Vì lý do này, ở một số khu vực kinh doanh nhất định, máy ảnh có thể được thiết lập mà không hiển thị thông tin vị trí. Khi chụp ảnh ở nước ngoài, bạn cần biết một số khu vực hoặc quốc gia nào có thể có luật lệ quy định về việc sử dụng chức năng này nhằm tuân theo mọi luật lệ của địa phương.
- Trước khi lên máy bay hoặc tới các địa điểm không được phép sử dụng các thiết bị GPS, hãy xoay nút LOG sang vị trí **OFF** và chọn [Off] cho cả [Record GPS location] (Trang 68) và [Auto Time Adjust] (Trang 70).
- Máy ảnh này cũng hỗ trợ Hệ thống Vệ tinh Quasi-Zenith và GLONASS.

Trước khi sử dụng chức năng GPS (dữ liệu A-GPS)


Tùy thuộc vào trạng thái của máy ảnh và phương tiện truyền thông, có thể mất thời gian để có được thông tin vị trí. Khi sử dụng A-GPS, thời gian quyết định vị trí có thể được rút ngắn từ một vài giây đến vài chục giây. Có thể cập nhật dữ liệu A-GPS bằng cách sử dụng ứng dụng smartphone “OLYMPUS Image Track” (OI.Track) hoặc phần mềm của PC “OLYMPUS A-GPS Utility”.

- Đảm bảo rằng ngày trên máy ảnh được thiết lập chính xác.
- Cài đặt máy ảnh theo kết nối riêng (Trang 76).
- Dữ liệu A-GPS phải được cập nhật 4 tuần một lần. Thông tin vị trí có thể được thay đổi khi thời gian trôi qua sau khi cập nhật dữ liệu. Sử dụng dữ liệu A-GPS càng mới càng tốt.
- Việc cung cấp dữ liệu A-GPS có thể bị kết thúc mà không có thông báo trước.

Cập nhật dữ liệu A-GPS bằng cách sử dụng điện thoại thông minh

Trước khi cập nhật, cài đặt ứng dụng điện thoại thông minh “OLYMPUS Image Track” (OI.Track) trên điện thoại thông minh của bạn. Tham khảo URL dưới đây để biết thông tin chi tiết về cách cập nhật dữ liệu A-GPS.
<http://app.olympus-imaging.com/oitrack/>

Kết nối máy ảnh và điện thoại thông minh, làm theo quy trình được mô tả dưới đây trong “Kết nối đến điện thoại thông minh” (Trang 73).

- Nếu có lỗi kết nối được hiển thị, bạn cần thiết lập lại kết nối giữa máy ảnh và điện thoại thông minh.  “Thông báo lỗi trong quá trình kết nối Wi-Fi” (Trang 73)

Cập nhật dữ liệu A-GPS bằng cách sử dụng máy tính cá nhân

Tải xuống phần mềm tiện ích OLYMPUS A-GPS từ URL dưới đây, và cài đặt nó trên máy tính cá nhân của bạn.

<http://sdl.olympus-imaging.com/agps/>

Tham khảo “Sách Hướng dẫn “OLYMPUS A-GPS Utility”” trên Trang web với URL ở trên để biết thông tin chi tiết về cách cập nhật dữ liệu.

Sử dụng GPS

Bắt kỳ thao tác nào sau đây đều bật GPS: xoay nút LOG sang **LOG** (Trang 44), chọn [On] cho [Record GPS location] (Trang 68), hoặc chọn [On] cho [Auto Time Adjust] (Trang 70).

- Không được che ăng-ten GPS bằng hai tay của bạn hoặc bằng đồ vật kim loại.
- Nếu bạn đang sử dụng chức năng GPS cho lần đầu tiên và A-GPS chưa được cập nhật, hoặc nếu chức năng này chưa được sử dụng trong thời gian dài, có thể sẽ mất vài phút để kết thúc đo lường vị trí.
- Bật GPS làm tăng tiêu hao pin. Để giảm tiêu hao pin khi bật GPS, hãy chọn [Battery power] cho [GPS Priority] (Trang 68).

Hiện thị di chuyển theo dấu của nhật ký GPS

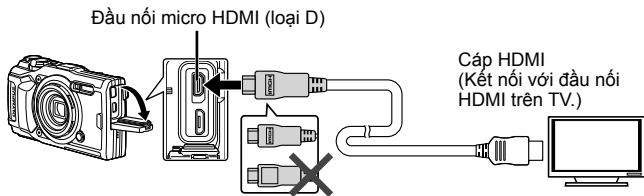
Sau khi nhật ký theo dõi GPS được ghi lại, di chuyển theo dấu của nhật ký có thể được hiện thị bằng cách sử dụng OLYMPUS Viewer 3 hoặc OI.Track.

- Không thể hiện thị chuyển động được theo dõi lên máy ảnh.

Kết nối máy ảnh vào thiết bị khác

Xem ảnh chụp trên TV

Kết nối máy ảnh với thiết bị có độ nét cao bằng cáp HDMI cung cấp cho bạn màn hình thị có độ phân giải cao để chụp và phát lại.




- 1 Sử dụng dây cáp để kết nối máy ảnh với TV.
 - 2 Bật máy ảnh.
 - 3 Chọn kênh đầu vào TV.
 - Màn hình máy ảnh sẽ tắt khi dây cáp được kết nối.
 - Để biết thêm chi tiết về thay đổi nguồn vào cho TV, xem hướng dẫn sử dụng của TV.
 - Tùy theo cài đặt của TV, ảnh hiển thị và thông tin có thể bị cắt.
- Không được kết nối cáp USB và cáp HDMI cùng một lúc.
 - Nếu máy ảnh được kết nối thông qua cáp HDMI, bạn có thể chọn kiểu tín hiệu video kỹ thuật số. Chọn định dạng phù hợp với định dạng đầu vào của TV.

| | |
|------------------|---|
| 4K | Ưu tiên cho đầu ra HDMI 4K. <ul style="list-style-type: none">• Đầu ra với độ phân giải thấp hơn được sử dụng trong khi chụp. |
| 1080p | Ngõ ra HDMI 1080p sẽ được ưu tiên. |
| 720p | Ngõ ra HDMI 720p sẽ được ưu tiên. |
| 480p/576p | Ngõ ra HDMI 480p/576p. |

Sử dụng điều khiển từ xa của TV

Khi được kết nối với một TV hỗ trợ điều khiển HDMI, máy ảnh có thể được vận hành bằng điều khiển TV từ xa. Điều khiển HDMI phải được kích hoạt trên các menu máy ảnh trước khi máy ảnh được kết nối.

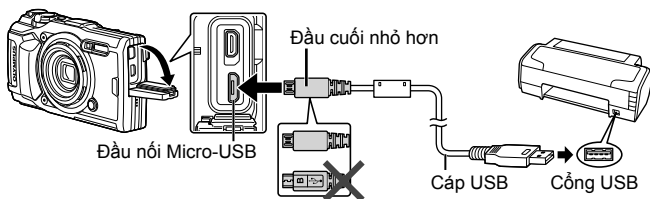
- 1** Đánh dấu [HDMI] trong Custom Menu B2 (Trang 63) và nhấn nút .
 - 2** Chọn [HDMI Control] và chọn [On].
 - 3** Sử dụng dây cáp để kết nối máy ảnh với TV.
 - 4** Chọn kênh đầu vào TV.
 - 5** Vận hành máy ảnh bằng cách sử dụng điều khiển từ xa TV.
 - Bạn có thể vận hành máy ảnh theo hướng dẫn vận hành được hiển thị trên TV.
 - Một số TV có thể không hỗ trợ tất cả các tính năng.
- Bạn không thể chụp hình hay quay phim khi cáp HDMI đang được kết nối.
 - Không kết nối máy ảnh với các thiết bị ngõ ra HDMI khác. Vì có thể gây hư hại cho máy ảnh.
 - Ngõ ra HDMI không hoạt động khi được kết nối với máy tính hay máy in thông qua USB.

In Ảnh chụp

In trực tiếp (PictBridge)

Bằng cách kết nối máy ảnh với một máy in tương thích với PictBridge thông qua dây cáp USB, bạn có thể in trực tiếp các ảnh đã chụp.

Kết nối máy ảnh



- Sử dụng pin đã được sạc đầy để in.
- Phim không thể được in ra.

■ In đơn giản


Chọn từng hình ảnh bạn muốn in trong chế độ phát lại một lần (Trang 10).

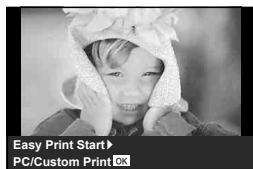
1 Sử dụng ◀▶ (phím mũi tên) để hiển thị hình ảnh bạn muốn in trên máy ảnh.

2 Kết nối máy ảnh với máy in bằng cáp USB được cung cấp.

- Nếu hộp thoại “Easy Print Start” không xuất hiện, ngắt kết nối rồi kết nối lại cáp USB trước khi lặp lại quy trình từ Bước 1.

3 Bấm ▶ (phím mũi tên).

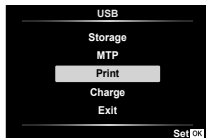
- Màn hình chọn ảnh xuất hiện khi in hoàn thành. Để in ảnh khác, sử dụng ◀▶ (phím mũi tên) để chọn ảnh rồi bấm .
- Để thoát, rút dây cáp USB khỏi máy ảnh khi màn hình chọn ảnh đang hiển thị.



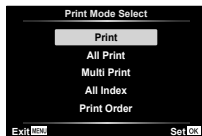
■ In tùy chọn

Điều chỉnh chế độ in, loại giấy và các cài đặt khác trước khi in.

- 1 Kết nối máy ảnh với máy tính bằng cách sử dụng dây cáp USB đã được cung cấp rồi bật máy ảnh lên.
- 2 Danh sách các tùy chọn sẽ được hiển thị. Đánh dấu vào [Print] và nhấn nút **OK**.



- Một hộp thoại sẽ được hiển thị trên màn hình nhắc bạn chọn một chế độ in. Nếu không có, hãy ngắt kết nối cáp USB sau đó kết nối lại với máy in.



3 Thực hiện theo hướng dẫn sử dụng để cài đặt tùy chọn in.

Chọn chế độ in

Chọn kiểu in (chế độ in). Các chế độ in có sẵn được hiển thị bên dưới.

| | |
|--------------------|--|
| Print | In những ảnh đã chọn. |
| All Print | In toàn bộ ảnh lưu trong thẻ nhớ và in mỗi ảnh một tấm. |
| Multi Print | In mỗi ảnh nhiều tấm trong những khung hình riêng biệt trên cùng một tờ giấy in. |
| All Index | In liệt kê tất cả các ảnh lưu trong thẻ nhớ. |
| Print Order | In theo đặt trước lệnh in bạn đã thiết lập (Trang 86). Nếu không có ảnh nào được đặt trước lệnh in, chức năng này sẽ không hữu dụng. |

Cài đặt các mục giấy in

Cài đặt này khác nhau tùy từng loại máy in. Nếu chỉ có cài đặt TIÊU CHUẨN của máy in hữu dụng, bạn không thể thay đổi cài đặt.

| | |
|-------------------|--|
| Size | Cài đặt kích cỡ giấy máy in hỗ trợ. |
| Borderless | Chọn in ảnh trên toàn bộ Trang hay chỉ trong khung trống. |
| Pics/sheet | Chọn số ảnh trên mỗi tờ Hiển thị khi bạn chọn [Multi Print]. |

Chọn ảnh bạn muốn in

Chọn ảnh bạn muốn in. Có thể in các ảnh đã chọn sau (đặt trước lệnh in một ảnh) hoặc có thể in ngay lập tức ảnh bạn đang hiển thị.





| | |
|-------------------------|--|
| Print (OK) | In ảnh hiện đang hiển thị. Nếu có một ảnh đã được đặt trước lệnh [Single Print], thì sẽ chỉ có một ảnh đã được đặt trước lệnh được in. |
| Single Print (▲) | Sử dụng đặt trước lệnh in đối với ảnh hiện đang hiển thị. Nếu bạn muốn đặt trước lệnh cho các ảnh khác sau khi sử dụng [Single Print], sử dụng < > (phím mũi tên) để chọn ảnh. |
| More (▼) | Cài đặt số bản in, và các mục khác cho ảnh hiện đang hiển thị, và có in ảnh hay không. Để sử dụng, tham khảo "Cài đặt dữ liệu in" ở khu vực tiếp theo. |

Cài đặt dữ liệu in


Chọn có in dữ liệu in như ngày tháng và giờ hay tên tập tin trên ảnh khi in hay không.

| | |
|------------------|--|
| | Cài đặt số lượng bản in. |
| Date | In ngày tháng và giờ chụp trên ảnh. |
| File Name | In tên tập tin chụp trên ảnh. |
| | Cắt hình ảnh. Sử dụng đĩa xoay điều khiển để chọn kích thước cắt và ▲ ▼ < > (phím mũi tên) để định vị khung cắt. |

4 Khi bạn đã cài đặt ảnh để in và dữ liệu in, chọn [Print], rồi bấm .

- Để dừng hoặc hủy in, bấm . Để khôi phục in, chọn [Continue].

■ Hủy in

Để hủy in, tô sáng [Cancel] rồi bấm . Chú ý rằng bất cứ thay đổi nào đối với lệnh in sẽ bị mất, để hủy in và quay trở lại bước trước đó, nơi bạn có thể thay đổi lệnh in hiện tại, bấm **MENU**.

Đặt trước lệnh in (DPOF)

Ở các đặt trước lệnh in, số ảnh và ngày chụp ảnh được lưu trong ảnh ở thẻ nhớ. Tính năng này giúp thực hiện in đơn giản tại nhà in hoặc cửa hàng có thiết bị tương thích với DPOF bằng cách chỉ sử dụng đặt trước lệnh in trong thẻ nhớ mà không cần tới máy tính hoặc máy ảnh.

- Có thể đặt trước lệnh in chỉ cho những hình ảnh lưu trong thẻ nhớ.
- Máy ảnh này không thể thay đổi DPOF đặt trước lệnh in được cài bởi một thiết bị DPOF khác. Thực hiện các thay đổi với thiết bị ban đầu. Thực hiện đặt trước lệnh in DPOF với máy ảnh này sẽ xóa những lệnh được tạo bởi thiết bị trước đó.
- Đặt trước lệnh in DPOF có thể được cài đặt cho tới 999 ảnh mỗi thẻ.

■ Đặt trước lệnh in một ảnh [□]

1 Nhấn nút **MENU** để hiển thị menu.

- “Sử dụng các menu” (Trang 50)

2 Từ Bảng Lệnh Xem Lại, hãy lựa chọn [Print Order] và sau đó bấm nút .

3 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [□], rồi sau đó bấm nút .



4 Sử dụng $\triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) để chọn ảnh cho đặt trước lệnh in. Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn chất lượng. Bấm nút .

5 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [⊖] màn hình (ngày in), rồi bấm nút .

| Menu phụ 2 | Ứng dụng |
|------------|---|
| No | Ứng dụng này chỉ in ảnh không. |
| Date | Ứng dụng này in ảnh với ngày chụp. |
| Time | Ứng dụng này in ảnh với thời gian chụp. |

- Khi in ảnh, không thể thay đổi thiết lập này giữa các ảnh.

6 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [Set], rồi bấm nút .

■ **Đặt trước lệnh in cho từng ảnh trong toàn bộ số ảnh lưu trong thẻ nhớ [ALL]**

- 1 Theo các bước 1 và 2 ở [] (Trang 86).
- 2 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [ALL], rồi bấm nút (OK).
- 3 Theo các bước 5 và 6 ở [].

■ **Cài đặt lại tất cả dữ liệu đặt trước lệnh in**

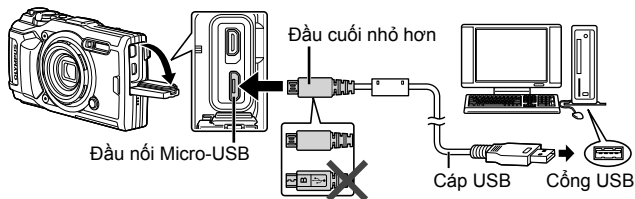
- 1 Theo các bước 1 và 2 ở [] (Trang 86).
- 2 Chọn [] hoặc [ALL], và bấm nút (OK).
- 3 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [Reset], rồi bấm nút (OK).

■ **Cài đặt lại dữ liệu đặt trước lệnh in cho những ảnh cụ thể**

- 1 Theo các bước 1 và 2 ở [] (Trang 86).
- 2 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [], rồi sau đó bấm nút (OK).
- 3 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [Keep] và bấm nút (OK).
- 4 Sử dụng $\triangleleft \triangleright$ (phím mũi tên) để chọn hình ảnh đã đặt lệnh in bạn muốn hủy. Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) đặt chất lượng in về "0".
- 5 Nếu cần thiết, lặp lại bước 4, rồi bấm nút (OK) khi hoàn thành thao tác.
- 6 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [E] màn hình (ngay in), rồi bấm nút (OK).
 - Những cài đặt này được áp dụng cho những hình ảnh còn lại đã có dữ liệu đặt in.
- 7 Sử dụng $\Delta \nabla$ (phím mũi tên) để chọn [Set], rồi bấm nút (OK).

Kết nối máy ảnh với một máy tính

Kết nối máy ảnh



- Nếu không có gì hiển thị trên màn hình máy ảnh ngay sau khi kết nối máy ảnh với máy tính, tức là pin sắp hết. Sử dụng pin đã được sạc đầy.
- Nếu máy ảnh không thể kết nối với máy tính, ngắt kết nối và kết nối lại cáp.
- Có thể sạc pin khi máy ảnh đang kết nối với máy tính thông qua dây cáp USB. Thời gian sạc thay đổi tùy theo hiệu suất hoạt động của máy tính. (Có trường hợp thời gian sạc lên đến 10 giờ.)

Sao chép ảnh vào máy tính

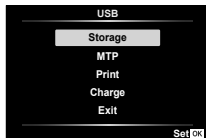
Máy ảnh của bạn có hỗ trợ USB Mass Storage Class. Bạn có thể truyền ảnh đến máy tính bằng cách kết nối máy ảnh với máy tính bằng dây cáp USB được cung cấp. Các hệ điều hành sau đây tương thích với việc kết nối USB:

| | |
|----------------|--|
| Windows | Windows Vista SP2/Windows 7 SP1/Windows 8/Windows 8.1/Windows 10 |
| Mac | OS X v10.8-v10.11/macOS v10.12 |

1 Tắt máy ảnh và kết nối nó với máy tính.

- Vị trí cổng USB sẽ khác nhau tùy theo máy tính. Để biết thêm chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy tính của bạn.

2 Danh sách các tùy chọn sẽ được hiển thị. Đánh dấu [Storage] hoặc [MTP] và nhấn nút .



| Menu phụ 1 | Ứng dụng |
|------------|--|
| Storage | Kết nối máy ảnh như một đầu đọc thẻ nhớ. |
| MTP | Coi máy ảnh là thiết bị di động. |

3 Máy tính sẽ nhận diện máy ảnh như một thiết bị mới.

- Sử dụng Thư Viện Ảnh của Windows, chọn [MTP] ở Bước 2.
- Truyền dữ liệu không được đảm bảo trong những môi trường sau, ngay cả khi máy tính của bạn được Trang bị một cổng USB.
Máy tính có cổng USB được thêm vào bằng các phương tiện thẻ nhớ mở rộng, v.v...
Máy tính không có hệ điều hành lắp đặt chính hãng và máy tính tự lắp đặt tại nhà
- Không thể sử dụng điều khiển máy ảnh khi máy ảnh đang kết nối với máy tính.
- Nếu máy tính không phát hiện được máy ảnh, hãy ngắt kết nối cáp USB sau đó kết nối lại với máy tính.

Cài đặt Phần mềm

Có thể chuyển ảnh và phim bạn đã chụp bằng máy ảnh vào máy tính và xem, sửa và sắp xếp bằng OLYMPUS Viewer 3 do OLYMPUS cung cấp.

- Để cài đặt OLYMPUS Viewer 3, tải về từ trang web dưới đây và làm theo các hướng dẫn trên màn hình.

<http://support.olympus-imaging.com/ov3download/>

- Truy cập trang web ở trên để biết yêu cầu về hệ thống và hướng dẫn cài đặt.
- Bạn sẽ được yêu cầu nhập số sê-ri của sản phẩm trước khi tải về.

Cài đặt Bộ Chuyển Đổi Máy Ảnh Kỹ Thuật Số OLYMPUS

Chỉ có thể tiến hành cập nhật phần sụn máy ảnh bằng Bộ Chuyển Đổi Máy Ảnh Kỹ Thuật Số OLYMPUS Tải về trình cập nhật từ trang web dưới đây và cài đặt theo hướng dẫn trên màn hình.

<http://oup.olympus-imaging.com/ou1download/index/>

Đăng Ký Người Dùng

Truy cập trang web của OLYMPUS để biết thông tin về việc đăng ký cho sản phẩm OLYMPUS của bạn.


Một số gợi ý khi sử dụng máy ảnh

Nếu máy ảnh không hoạt động như mong muốn, hoặc có báo lỗi hiển thị trên màn hình, và bạn không biết chắc mình cần phải làm gì, xem thông tin dưới đây để giải quyết vấn đề.

Phát hiện hồng hóc


■ Pin

Máy không làm việc ngay cả khi đã lắp pin.

- Hãy lắp pin đã nạp lại vào theo đúng hướng.  “Gắn và tháo pin và thẻ nhớ” (Trang 4)
- Pin có thể tạm thời hoạt động kém do nhiệt độ thấp. Hãy lấy pin ra khỏi máy và cho vào túi bịt kín cho ấm lên.



■ Thẻ nhớ

Một báo lỗi hiển thị.

-  “Thông báo lỗi” (Trang 93)

■ Nút bấm chụp

Không chụp được ảnh mặc dù đã bấm nút bấm chụp.

- Hủy chế độ ngủ.
Nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định khi máy ảnh đang bật, máy ảnh sẽ bước vào trạng thái tiết kiệm điện được gọi là “chế độ ngủ” và màn hình sẽ tự động tắt. Ở chế độ này máy sẽ không chụp ảnh cả khi đã bấm hết cỡ nút chụp. Hãy thao tác cần gạt zoom hay các nút khác để máy ảnh thoát khỏi chế độ ngủ trước khi chụp hình. Nếu máy không làm việc trong 5 phút, nó sẽ tự động tắt. Bấm nút **ON/OFF** để bật máy ảnh.
- Bấm nút  để chuyển sang chế độ chụp hình.
- Chờ tới khi  (báo sạc đèn chớp) ngừng nhấp nháy trước khi chụp ảnh.
- Khi dùng máy lâu, nhiệt độ trong máy có thể tăng, khiến máy tự tắt. Nếu xảy ra tình trạng này, chờ cho đến khi máy ảnh nguội.
Vỏ máy cũng có thể nóng lên khi dùng, nhưng đó là chuyện thường và không làm máy trục trặc.

■ Màn hình

Khó nhìn thấy ảnh.

- Hiện tượng hơi nước ngưng tụ có thể đã xảy ra. Tắt máy, và đợi để máy thích nghi với nhiệt độ bên ngoài và thử lại máy trước khi chụp.

Ánh sáng được thu vào hình ảnh.


- Chụp với đèn chớp ở các khung cảnh tối tạo ra trên hình ảnh nhiều phản quang trên bụi trong không khí.

■ Chức năng ngày và giờ

Cài đặt ngày và giờ trở về cài đặt mặc định.

- Nếu tháo và để pin ra ngoài máy ảnh vào khoảng 3 ngày*¹, các cài đặt ngày và giờ trở về cài đặt mặc định, và cần phải cài đặt lại.

*¹ Khoảng thời gian để ngày giờ trở lại giá trị mặc định thay đổi tùy khoảng thời gian pin đã ở trong máy bao lâu.

 “Bật máy ảnh và thực hiện các cài đặt ban đầu” (Trang 8)

■ Ống kính

Ống kính bị mờ sương.

- Khi nhiệt độ thay đổi nhanh, ống kính có thể bị mờ sương (hiện tượng ngưng tụ).

Tắt máy, và đợi để máy thích nghi với nhiệt độ bên ngoài và thử lại máy trước khi chụp.











■ Khác

Hướng chỉ không chính xác

- La bàn không hoạt động như mong đợi trong khu vực điện từ mạnh như ở những nơi có từ trường của tivi, lò vi sóng, động cơ điện lớn, thiết bị phát sóng vô tuyến điện và đường dây điện cao áp. Đôi khi có thể phục hồi chức năng bình thường bằng cách di chuyển máy ảnh theo hình số tám trong khi xoay cổ tay của bạn.







Thông báo lỗi

- Khi một trong những báo lỗi dưới đây hiển thị trên màn hình, hãy kiểm tra việc khắc phục của bạn.

| Thông báo lỗi | Động tác sửa lỗi |
|--|--|
|  Card Error | Thẻ có vấn đề Lắp một thẻ mới. |
|  Write Protect | Thẻ có vấn đề Công tắc bảo vệ-ghi của thẻ nhớ được thiết lập với mặt "LOCK". Tháo công tắc. |
|  Card Full | Thẻ có vấn đề <ul style="list-style-type: none">• Thay thẻ.• Xóa những hình ảnh không muốn lưu.*1 |
|  | Thẻ có vấn đề Sử dụng Δ ∇ (phím mũi tên) để chọn [Format], rồi bấm nút \odot (OK). Sau đó, sử dụng Δ ∇ (phím mũi tên) để chọn [Yes], rồi bấm nút \odot (OK).*2 |
|  No Picture | Thẻ có vấn đề Chụp hình ảnh trước khi kiểm tra. |
|  Picture Error | Có vấn đề với một ảnh được chọn Sử dụng phần mềm hoàn thiện ảnh v.v... để xem hình ảnh trên máy tính. Nếu vẫn chưa thể xem được hình ảnh, tập tin hình ảnh bị lỗi. |
|  The Image Cannot Be Edited | Có vấn đề với một ảnh được chọn Sử dụng phần mềm hoàn thiện ảnh v.v... để chỉnh sửa hình ảnh trên máy tính. |
|  Battery Empty | Có vấn đề về pin Sạc pin. |
|  No Connection | Có vấn đề về kết nối Kiểm tra xem máy ảnh đã được kết nối chính xác với máy tính, tivi hay máy in chưa. |
|  No Paper | Có vấn đề với máy in Lắp giấy vào máy in. |




*1 Trước khi xóa những ảnh quan trọng, nên chuyển chúng sang một máy tính.

*2 Sẽ xóa toàn bộ dữ liệu.



| Thông báo lỗi | Động tác sửa lỗi |
|---|---|
|  No Ink | Có vấn đề với máy in Tiếp mực cho máy in. |
|  Jammed | Có vấn đề với máy in Tháo gỡ tờ giấy bị kẹt. |
| Settings Changed*³ | Có vấn đề với máy in Trở lại trạng thái có thể sử dụng máy in. |
|  Print Error | Có vấn đề với máy in Tắt máy ảnh và máy in, kiểm tra máy in để phát hiện vấn đề, rồi mở máy lại. |
|  Cannot Print**⁴ | Có vấn đề với một ảnh được chọn Dùng máy tính để in. |
|  Internal camera temperature is too high. Please wait for cooling before camera use. | Cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh Tắt máy ảnh và chờ cho nhiệt độ bên trong nguội. |
|  Internal camera temperature is too high. Please wait for cooling before camera use. | Cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh Chờ một chút để máy ảnh tắt tự động. Để nhiệt độ bên trong máy ảnh mát đi trước khi hoạt động trở lại. |

*3 Hiện tượng này được hiển thị, ví dụ, khi đã tháo khay đựng giấy in ảnh khỏi máy in. Không được thao tác máy in trong khi đang thực hiện các cài đặt in ở máy ảnh.

*4 Máy ảnh này có thể không in được những hình ảnh do một máy khác chụp.

| Thông báo lỗi | Động tác sửa lỗi |
|---|---|
|  <p>Logging function cannot be used at this time.</p> | <p>Sự cố khi ghi nhật ký</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khu vực bộ nhớ máy ảnh được sử dụng để lưu trữ tạm thời tệp nhật ký đã đầy. Lắp thẻ nhớ hoặc xác nhận rằng thẻ nhớ hiện tại đã được lắp chính xác và chuyển tệp nhật ký vào thẻ nhớ. • Pin cạn. Sạc pin. • Máy ảnh được kết nối với TV hoặc thiết bị khác thông qua cáp HDMI. Ngắt kết nối cáp HDMI. • Đang tiến hành truyền dữ liệu không dây. Kết thúc truyền. • Bộ đổi nguồn USB-AC đang được sử dụng để cấp điện cho máy ảnh từ ổ cắm điện khi pin được tháo ra. Lắp pin và rút phích cắm bộ đổi nguồn USB-AC khỏi ổ cắm. |
|  <p>Card log capacity is full. Cannot record new log files.</p> | <p>Ghi nhật ký sự cố dữ liệu</p> <p>Không thể lưu nhật ký hiện thời vào thẻ nhớ. Sao chép các tệp tin nhật ký vào máy tính và xóa chúng khỏi thẻ nhớ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mỗi thẻ nhớ có thể lưu đến 199 tệp tin nhật ký. |
|  <p>LOG (nhấp nháy)</p> | <p>Ghi nhật ký sự cố dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhật ký hiện thời chưa được lưu vào thẻ nhớ. Chèn chính xác thẻ nhớ và lưu nhật ký vào thẻ nhớ. • Không thể lưu nhật ký hiện thời vào thẻ nhớ. Sao chép các tệp tin nhật ký vào máy tính và xóa chúng khỏi thẻ nhớ. <ul style="list-style-type: none"> • Mỗi thẻ nhớ có thể lưu đến 199 tệp tin nhật ký. <p>Thẻ có vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lắp một thẻ mới. • Công tắc bảo vệ-ghi của thẻ nhớ được thiết lập với mặt "LOCK". Tháo công tắc. • Xóa những hình ảnh không muốn lưu.*5 |

*5 Trước khi xóa những ảnh quan trọng, nên chuyển chúng sang một máy tính.




| Thông báo lỗi | Động tác sửa lỗi |
|--|---|
|  <p>(Ổn định)</p> | <p>Sự cố khi ghi nhật ký</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khu vực bộ nhớ máy ảnh được sử dụng để lưu trữ tạm thời tệp nhật ký đã đầy. Lắp thẻ nhớ hoặc xác nhận rằng thẻ nhớ hiện tại đã được lắp chính xác và chuyển tệp nhật ký vào thẻ nhớ. • Pin cạn. Sạc pin. • Máy ảnh được kết nối với TV hoặc thiết bị khác thông qua cáp HDMI. Ngắt kết nối cáp HDMI. • Đang tiến hành truyền dữ liệu không dây. Kết thúc truyền. • Bộ đổi nguồn USB-AC đang được sử dụng để cấp điện cho máy ảnh từ ổ cắm điện khi pin được tháo ra. Lắp pin và rút phích cắm bộ đổi nguồn USB-AC khỏi ổ cắm. • Chưa đặt đồng hồ. Đặt đồng hồ và chọn múi giờ. |
|  <p>(màu đỏ)</p> | <p>Sự cố GPS</p> <p>GPS trực trực. Tắt máy ảnh và sau đó bật lại lần nữa; nếu tin nhắn không hiển thị rõ ràng trên màn hình, hãy liên hệ đại diện dịch vụ của OLYMPUS.</p> |

Lời khuyên chụp ảnh

Khi không chắc chắn về việc làm thế nào để chụp được một hình ảnh bạn mong muốn, hãy tham khảo thông tin dưới đây.

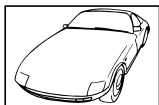
■ Lấy nét

Lấy nét vào vật thể.

- **Chụp một vật thể không ở tâm của màn hình.**
Sau khi lấy nét vào một vật thể ở cùng một khoảng cách như vật thể bạn muốn chụp, bố cục hình ảnh rồi chụp.
Bấm giữa chừng nút chụp  Trang 9
- **Chụp ảnh ở chế độ [AF Tracking]**  Trang 33
Máy ảnh tự động theo dõi chuyển động của chủ thể để lấy nét chủ thể một cách liên tục.
- **Chụp ảnh chủ thể trong bóng tối.**  Trang 53
Sử dụng Đèn môi dẫn sáng AF để lấy tiêu điểm dễ dàng hơn.

• Chụp một vật thể khó lấy nét tự động.

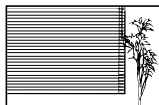
Trong những trường hợp dưới đây, sau khi lấy nét vào một vật thể (bằng cách ấn nửa chừng nút chụp) có độ tương phản cao ở cùng một khoảng cách với vật thể của bạn, bố cục hình ảnh rồi chụp.



Vật thể với độ tương phản thấp



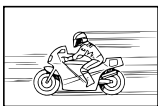
Khi những vật thể cực sáng xuất hiện tại tâm màn hình



Vật thể không có các vạch ngang *1



Khi các vật thể ở các khoảng cách khác nhau



Vật thể chuyển động nhanh



Khi chủ thể không ở chính giữa khung hình

*1 Cũng có thể có tác dụng khi tạo bố cục hình ảnh bằng cách cầm máy đứng để lấy nét, rồi xoay máy lại vị trí nằm ngang để chụp hình.

■ Rung máy

Chụp hình máy không rung.

• Chụp hình ảnh với chế độ “Công nghệ ổn định hình ảnh (ảnh tĩnh)”.

Trang 40

Máy ảnh sẽ phát hiện chuyển động của camera để làm giảm hiện tượng nhòe ngay cả khi không tăng độ nhạy sáng ISO. Chức năng này cũng hữu hiệu khi chụp ảnh ở chế độ phóng cực to.

• Sử dụng “Công nghệ ổn định hình ảnh (phim)” để quay phim

Trang 40

• Chọn [Motion] > [Sport] ở chế độ SCN. Trang 23

Chế độ [Sport] sử dụng tốc độ màn trập rất nhanh và có thể giảm độ nhòe do đối tượng chuyển động gây ra.

• Chụp ảnh ở độ nhạy ISO cao. Trang 36

Nếu đã chọn một độ nhạy sáng ISO cao, có thể chụp ảnh với tốc độ màn trập cao ngay cả ở những nơi không thể sử dụng được đèn chớp.






■ Khẩu độ (độ sáng)

Chụp ảnh với độ sáng đúng.

• Chụp vật thể ngược sáng.


Các khuôn mặt hay hình nền vẫn sáng thậm chí khi bị chụp ngược sáng.

Backlight HDR Trang 23

- **Chụp hình ảnh với chế độ [Tâm Điểm].**  Trang 42
Độ sáng được so với một đối tượng ở trung tâm màn hình và ảnh không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng hậu cảnh.
- **Chụp ảnh bằng đèn chớp [Fill In].**  Trang 28
Đối tượng chụp ngược sáng sẽ được làm sáng lên.
- **Chụp một bãi biển hoặc cảnh tuyết.**  Trang 23
Chọn [Scenery] >  Beach & Snow] ở chế độ **SCN**.
- **Chụp hình với bù sáng.**  Trang 29
Chỉnh độ sáng trong lúc kiểm tra màn hình trước khi chụp. Thông thường, chụp các chủ thể màu trắng (ví dụ như tuyết) cho hình ảnh tối hơn chủ thể thực tế. Sử dụng bù sáng để chỉnh theo chiều dương (+) để có màu trắng như trong thực tế. Ngược lại, khi chụp những vật thể màu đen, chỉnh theo chiều âm (-) để đạt hiệu quả.


■ Sắc màu

Chụp ảnh với cùng sắc thái màu sắc khi chúng xuất hiện.

- **Chụp ảnh bằng cách chọn cân bằng trắng.**  Trang 36
Để có được kết quả tối ưu ở hầu hết mọi khung cảnh có thể chọn [WB Auto], nhưng với một số chủ thể, bạn có thể thử trải nghiệm với những cài đặt khác nhau. (Trường hợp này đặc biệt đúng với hiện tượng bóng khi chụp ngoài trời nắng, những khung cảnh có sự pha trộn giữa ánh sáng tự nhiên và ánh sáng nhân tạo v.v...)

■ Chất lượng hình ảnh

Chụp ảnh sắc nét hơn.

- **Chụp ảnh với một độ nhạy sáng ISO thấp.**  Trang 36
Nếu chụp với độ nhạy ISO cao, sẽ có thể bị nhiễu (có các chấm màu và màu không đều, không giống nguyên mẫu), và ảnh có thể bị sạn.

Phát lại/Một số gợi ý về chỉnh sửa


■ Xem lại

Xem ảnh với chất lượng cao trên TV độ phân giải cao.

- **Kết nối máy ảnh vào TV bằng cáp HDMI.**  Trang 80

■ Chỉnh sửa ảnh

Xóa âm thanh được ghi vào một bức ảnh.

- **Hiện thị hình ảnh với âm thanh bạn muốn xóa và chọn [U] > [Erase].**
 Trang 58

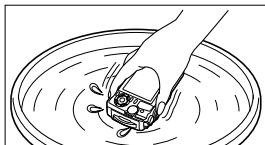
Vệ sinh và cất giữ máy ảnh

Chăm sóc máy ảnh

Bên ngoài:

- Lau nhẹ nhàng bằng vải mềm. Nếu máy ảnh bị bẩn, nhúng khăn lau vào nước xà phòng nhẹ và vắt kiệt. Lau máy bằng vải ẩm này rồi lau lại bằng vải khô. Nếu sử dụng máy ở bãi biển, lau máy bằng vải nhúng vào nước sạch được vắt kỹ.
- Các vật thể lạ có thể dính vào máy ảnh khi dùng máy ảnh trong điều kiện với các vật thể lạ như chất bẩn, bụi hay cát. Nếu bạn tiếp tục sử dụng máy ảnh trong những điều kiện như vậy, nó sẽ gây hư hỏng cho máy ảnh. Để tránh xảy ra hư hỏng, hãy rửa sạch máy ảnh bằng cách dùng phương pháp dưới đây.

- ① Đóng và khóa chặt nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ và nắp che đầu nối. (Trang 4)
- ② Đổ đầy nước sạch vào xô hoặc thùng chứa khác, nhấn ngấp máy ảnh quay mặt xuống thùng chứa và lắc cẩn thận máy ảnh. Và rửa sạch máy ảnh bằng cách đặt nó trực tiếp dưới một vòi nước chảy mạnh.



Màn hình:

- Lau nhẹ nhàng bằng vải mềm.

Ống kính:

- Thổi sạch bụi trên ống kính bằng dụng cụ thổi bụi rồi nhẹ tay lau ống kính với dung dịch lau ống kính.
- Không sử dụng các dung môi mạnh như benzen hay cồn, hoặc vải qua xử lý hóa học.
- Mốc có thể hình thành trên mặt ống kính nếu để ống kính bị bẩn một thời gian.

Pin/Bộ chỉnh lưu USB-AC:

- Lau nhẹ nhàng bằng vải mềm.

Cất giữ

- Khi cất giữ máy ảnh trong thời gian dài, tháo pin, bộ chuyển đổi điện và thẻ nhớ, và cất máy ở nơi mát, khô và thoáng.
- Thỉnh thoảng lắp pin và kiểm tra các chức năng của máy.
- Tránh để máy ở những nơi có các sản phẩm hóa chất bởi các chất này có thể tạo ra ăn mòn.

Sử dụng bộ sạc được bán riêng

Bộ sạc (UC-90: bán riêng) có thể dùng để sạc pin.

Sử dụng bộ sạc và bộ chỉnh lưu USB-AC ở nước ngoài

- Bộ sạc và bộ chuyển đổi điện nguồn USB-AC có thể sử dụng được ở hầu hết các nguồn điện nhà trong phạm vi từ 100 V đến 240 V AC (50/60Hz) trên khắp thế giới. Tuy nhiên, tùy theo quốc gia hoặc khu vực bạn tới, ổ cắm đầu ra AC trên tường có thể có hình dạng khác nhau vì vậy bộ sạc và bộ chuyển đổi điện nguồn USB-AC có thể cần tới một giắc cắm thêm phù hợp với ổ điện ra trên tường. Để biết thêm chi tiết, hãy hỏi cửa hàng điện hoặc đại lý du lịch tại địa phương của bạn.
- Không được sử dụng các bộ chuyển đổi điện áp do chúng có thể làm hư bộ sạc và bộ chuyển đổi điện nguồn USB-AC của bạn.

Sử dụng thẻ

Thẻ nhớ tương thích với máy ảnh này

Thẻ SD/SDHC/SDXC/thẻ Eye-Fi (với chức năng của mạng LAN Không dây) (có ngoài thị trường)
(chi tiết về tính tương thích của thẻ, xem tại Trang web của Olympus.)

Thẻ Eye-Fi

- Sử dụng thẻ nhớ Eye-Fi tuân thủ pháp luật và quy định của quốc gia nơi sử dụng máy ảnh. Tháo thẻ nhớ Eye-Fi ra khỏi máy ảnh hoặc vô hiệu chức năng thẻ nhớ trên máy bay và những nơi khác cấm sử dụng máy ảnh.
- Thẻ Eye-Fi có thể bị nóng lên khi sử dụng.
- Khi dùng Thẻ Eye-Fi, pin có thể bị hết nhanh hơn.
- Khi sử dụng Thẻ Eye-Fi, máy có thể hoạt động chậm hơn.

Công tắc bảo vệ-chống ghi của thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC

Thân thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC có một công tắc bảo vệ-chống ghi.

Nếu bạn đặt nút sang bên "LOCK", bạn sẽ không thể ghi vào thẻ. Quay trở lại công tắc để thực hiện việc ghi.



Định dạng thẻ nhớ

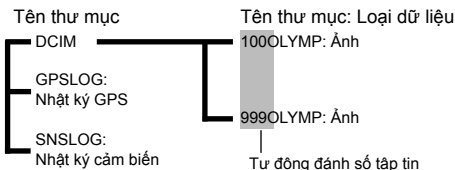
Các thẻ nhớ phải được định dạng với máy ảnh này trước khi sử dụng lần đầu hoặc sau khi sử dụng với các máy ảnh hoặc máy tính khác.

Quá trình đọc/ghi của thẻ nhớ

Trong khi chụp, đèn báo bộ nhớ hiện thời bật sáng màu đỏ khi máy ảnh đang ghi dữ liệu. Không bao giờ mở nắp đậy khoang pin/thẻ nhớ hoặc tháo giắc cắm dây cáp USB ra. Việc này không những làm hư hại dữ liệu hình ảnh mà còn làm hư hỏng thẻ nhớ.

Các địa điểm lưu trữ tập tin

Dữ liệu trên thẻ nhớ được lưu vào các thư mục sau:



Số Lượng Hình Ảnh (Tĩnh)/Chiều Dài Cảnh Quay (Phim) trên mỗi Thẻ























- Các số liệu đối với số lượng ảnh tĩnh có thể lưu trữ và thời lượng ghi hình là chỉ gần đúng. Dung lượng thật sự sẽ thay đổi tùy theo điều kiện chụp và thẻ nhớ được sử dụng.
- Bảng dưới cho biết số lượng gần đúng hình ảnh và chiều dài của cảnh quay có thể lưu trữ được trên thẻ 4 GB.


Ảnh tĩnh*1

| Biểu tượng | Chất lượng hình ảnh | Kích Thước Ảnh | Số lượng hình có thể chứa |
|-----------------|---------------------|----------------|---------------------------|
| RAW | RAW | 4000×3000 | 270 |
| L SF+RAW | [L] SF+RAW | | 164 |
| L F+RAW | [L] F+RAW | | 187 |
| L N+RAW | [L] N+RAW | | 220 |
| L B+RAW | [L] B+RAW | | 233 |
| M SF+RAW | [M] SF+RAW | 3200×2400 | 190 |
| M F+RAW | [M] F+RAW | | 210 |
| M N+RAW | [M] N+RAW | | 234 |
| M B+RAW | [M] B+RAW | | 244 |
| S SF+RAW | [S] SF+RAW | 1280×960 | 250 |
| S F+RAW | [S] F+RAW | | 255 |
| S N+RAW | [S] N+RAW | | 260 |
| S B+RAW | [S] B+RAW | | 262 |
| L SF | [L] SF | 4000×3000 | 436 |
| L F | [L] F | | 638 |
| L N | [L] N | | 1231 |
| L B | [L] B | | 1766 |
| M SF | [M] SF | 3200×2400 | 673 |
| M F | [M] F | | 975 |
| M N | [M] N | | 1846 |
| M B | [M] B | | 2593 |
| S SF | [S] SF | 1280×960 | 3385 |
| S F | [S] F | | 4514 |
| S N | [S] N | | 7170 |
| S B | [S] B | | 8706 |

*1 Ví dụ về kích cỡ ảnh khi tỉ lệ khung hình là 4:3.

Phim

| Biểu tượng | Kích thước hình ảnh/tốc độ bit/ tốc độ khung hình | Độ dài đang thu | | | |
|---|--|-----------------|-------------------|--------|--|
| | | Có âm thanh | Không có âm thanh | | |
| [Standard] được chọn cho  *1 | | | | | |
|  | 1920×1080 Super Fine 60p | 10 phút | | | |
|  | 1920×1080 Super Fine 50p | | | | |
|  | 1920×1080 Super Fine 30p | | | | |
|  | 1920×1080 Super Fine 25p | | | | |
|  | 1280×720 Super Fine 30p | 20 phút | | | |
|  | 1280×720 Super Fine 25p | | | | |
|  | 1920×1080 Fine 60p | 17 phút | | | |
|  | 1920×1080 Fine 50p | | | | |
|  | 1920×1080 Fine 30p | | | | |
|  | 1920×1080 Fine 25p | | | | |
|  | 1280×720 Fine 30p | 29 phút | | | |
|  | 1280×720 Fine 25p | | | | |
|  | 1920×1080 Normal 60p | | | | |
|  | 1920×1080 Normal 50p | | | | |
|  | 1920×1080 Normal 30p | | | | |
|  | 1920×1080 Normal 25p | | | | |
|  | 1280×720 Normal 30p | | | | |
|  | 1280×720 Normal 25p | | | | |
| [4K] được chọn cho  | | | | | |
|  | 3840×2160 30p | | | 5 phút | |
|  | 3840×2160 25p | | | | |


| Biểu tượng | Kích thước hình ảnh/tốc độ bit/tốc độ khung hình | Độ dài đang thu | |
|---|--|-----------------|-------------------|
| | | Có âm thanh | Không có âm thanh |
| [High-speed] được chọn cho  *2 | | | |
| FHD HS 120fps | 1920×1080 HighSpeed 120fps | 20 giây | |
| HD HS 240fps | 1280×720 HighSpeed 240fps | | |
| SD HS 480fps | 640×360 HighSpeed 480fps | | |

*1 Độ dài quay phim có thể lên đến 29 phút cho tiêu chuẩn HD.

*2 Độ dài quay phim có thể lên đến 20 giây cho tiêu chuẩn HS.

- Kích cỡ một tập tin phim tối đa là 4 GB, bất kể dung lượng của thẻ nhớ.

Tăng số ảnh có thể chụp được

Xóa hình ảnh không cần thiết hoặc kết nối máy ảnh với máy tính hoặc thiết bị khác và chuyển các hình ảnh đó sang lưu trữ lâu dài trước khi xóa chúng khỏi thẻ.  [Erase] (Trang 16), [Erase Selected] (Trang 11), [Format] (Trang 70)

Chụp ảnh với Hệ thống Đèn flash Điều khiển từ xa Không dây Olympus

Bạn có thể chụp ảnh và ảnh dưới nước với đèn flash không dây khi sử dụng một đèn flash tương thích với Hệ thống Đèn flash Điều khiển từ xa Không dây Olympus.

Hướng dẫn cài đặt khoảng cách khi chụp với đèn flash không dây là từ 1 đến 2 m, nhưng lưu ý rằng nó sẽ thay đổi tùy thuộc vào môi trường xung quanh.

- Đèn flash gắn sẵn của máy ảnh được sử dụng để truyền thông tin giữa máy ảnh và đèn flash.
- Để sử dụng đầu dò dưới nước chuyên dụng, hãy chuẩn bị vỏ dùng dưới nước, cáp sợi quang và vân vân.
- Để biết thêm chi tiết về quy trình hoạt động của một đèn flash không dây và một đầu dò dưới nước, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng đối với đèn flash gắn ngoài đặc biệt hoặc một vỏ dùng dưới nước.

1 Bật đầu dò chuyên dụng.

2 Cài chế độ đèn flash của đầu dò chuyên dụng cho chế độ RC. Khi bạn phải thiết lập kênh và nhóm, hãy chọn CH1 cho kênh, A cho nhóm.

3 Chọn đèn flash trong Điều Khiển Trực Tiếp và chọn [**⚡**RC] (điều khiển từ xa).

- “Flash” (Trang 28)

4 Chụp thử một kiểu để kiểm tra hoạt động của đèn flash và ảnh thành phẩm.

- Chú ý kiểm tra mức sạc của máy ảnh và đèn flash trước khi chụp ảnh.
- Khi đèn flash máy ảnh được đặt thành [**⚡**RC], đèn flash gắn sẵn của máy ảnh được sử dụng để truyền thông với đèn flash không dây. Nó không được sử dụng để chụp ảnh.
- Để chụp ảnh với đèn flash không dây, hướng bộ cảm biến từ xa của đèn flash gắn ngoài đặc biệt về phía camera, và hướng đèn flash về hướng của đối tượng.

Sử dụng Bộ Chuyển Đổi Tùy Chọn và Các Phụ Kiện Khác

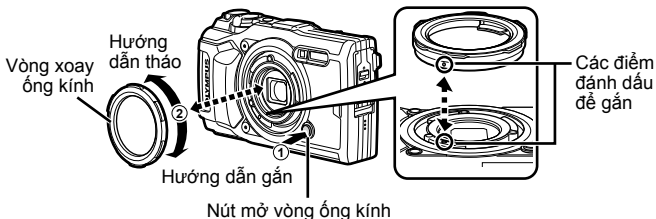
Bộ chuyển đổi mắt cá có thể chụp ảnh với góc nhìn được nhấn mạnh và biểu cảm độc đáo trên khuôn mặt thú cưng v.v...và ống kính chuyển đổi tầm xa có thể chụp được những cảnh ở rất xa.

Khi chụp ảnh với MACROs, bạn có thể sử dụng ống dẫn quang LED để ngăn không xảy ra hiện tượng không đều trong ánh sáng đèn MACRO LED. Bộ khuếch tán đèn flash FD-1 chuyên dụng cho phép sử dụng đèn flash ở Δ (Chế độ Kính hiển vi) hoặc bất cứ khi nào chụp ảnh ở khoảng cách gần.

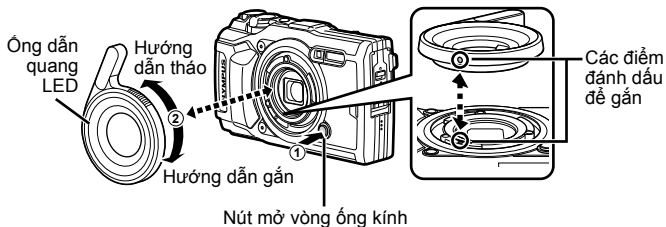
| Ống kính chuyển đổi/Ống dẫn quang LED/ Bộ lọc bảo vệ/Bộ khuếch tán đèn flash | Bộ nối Ống chuyển đổi |
|---|-----------------------|
| Ống chuyển đổi Mắt Cá (FCON-T01) | CLA-T01 |
| Ống chuyển đổi Teleconverter (TCON-T01) | |
| Bộ lọc bảo vệ (PRF-D40.5 PRO) | |
| Ống dẫn quang LED (LG-1) | — |
| Bộ khuếch tán đèn flash (FD-1) | — |

- Rửa sản phẩm bằng nước sạch sau khi sử dụng dưới nước.
- Không được sử dụng ống dẫn quang LED ở dưới nước.

Để gắn/tháo vòng xoay ống kính

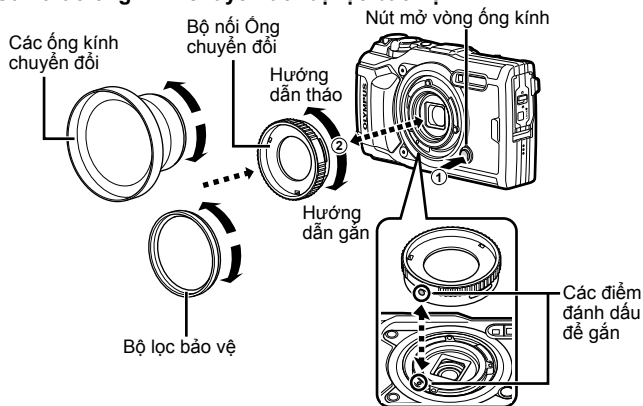


Đề gắn/tháo ống dẫn quang LED

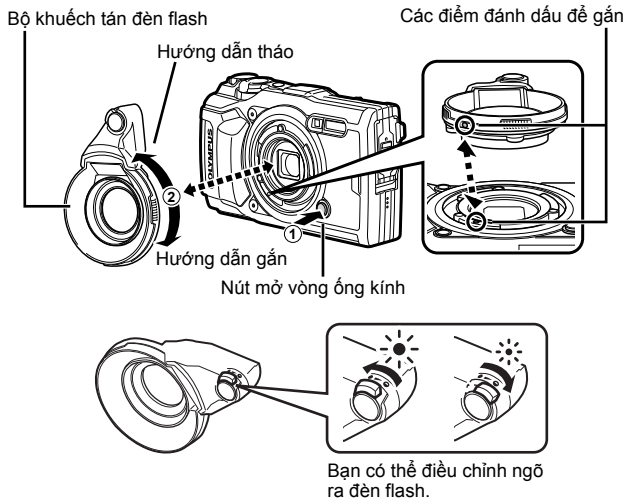


- Khi lắp ống dẫn quang LED, không được làm cháy đèn flash.

Gắn/tháo ống kính chuyển đổi/bộ lọc bảo vệ



Để gắn/tháo bộ khuếch tán đèn flash



- Để gắn một vòng ống kính, bộ đổi nguồn bộ chuyển đổi, hướng dẫn ánh sáng LED, hoặc bộ khuếch tán, căn chỉnh các dấu gắn và xoay phụ kiện theo “hướng gắn” cho đến khi nó khớp vào vị trí.
- Để biết chi tiết, vui lòng ghé thăm Trang web Olympus cho khu vực địa phương bạn.

Thông tin quan trọng về các tính năng không thấm nước và chịu chấn động

Tính chống thấm nước: Tính năng chống thấm nước cho phép*1 điều khiển máy ảnh ở độ sâu lên tới 15 m trong khoảng 1 giờ.

Tính năng chống thấm nước có thể bị hỏng nếu máy ảnh chịu những va chạm nặng hoặc quá mức.

Chịu chấn động: Tính năng chống rung động cho phép*2 máy ảnh hoạt động đối với va chạm bất ngờ do việc sử dụng thường ngày của máy ảnh kỹ thuật số. Tính năng chống rung động này không đảm bảo vô điều kiện mọi điều khiển sai hay hư hỏng về mặt thẩm mỹ. Hư hỏng về mặt thẩm mỹ chẳng hạn như các vết xước và xước bề mặt không bao gồm trong phần bảo hành.

Cũng giống như bất kỳ thiết bị điện tử khác, việc giữ gìn và bảo quản đúng cách được yêu cầu nhằm duy trì tình trạng nguyên vẹn và hiệu quả hoạt động của máy ảnh. Để duy trì khả năng làm việc của máy ảnh, vui lòng mang máy ảnh của bạn tới Trung tâm Dịch vụ được Ủy quyền của Olympus gần nhất để được kiểm tra sau bất kỳ va chạm nghiêm trọng nào. Trong trường hợp máy ảnh bị hư hỏng do sử dụng cầu thủ hay sử dụng sai, phần bảo hành sẽ không bao gồm chi phí liên quan đến dịch vụ và sửa chữa máy ảnh của bạn. Để biết thêm thông tin về điều kiện bảo hành của chúng tôi, vui lòng ghé qua Trang web Olympus dành cho khu vực của bạn.

Vui lòng xem hướng dẫn bảo dưỡng máy ảnh của bạn dưới đây.

*1 Như đã được xác định bởi thiết bị thử nghiệm áp suất của Olympus phù hợp với Công bố về Tiêu chuẩn IEC 60529 IPX8 – Điều này có nghĩa rằng bạn có thể sử dụng máy ảnh dưới nước ở một mức áp suất nước qui định.

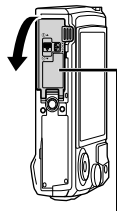
*2 Khả năng chống rung động được xác nhận bởi các điều kiện thử nghiệm của Olympus phù hợp với MIL-STD-810F, Phương pháp 516.5, Quy trình IV (Thử nghiệm Giọt nước Chảy qua). Để biết thêm chi tiết về các điều kiện thử nghiệm của Olympus, vui lòng tham khảo Trang web của Olympus dành cho khu vực của bạn.

Trước khi sử dụng:

- Kiểm tra máy ảnh xem có vật thể lạ gồm chất bẩn, bụi hay cát không.
- Đóng chặt khóa nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ, khóa nắp che đầu nối và núm KHÓA.
- Không mở nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ và nắp che đầu nối bằng tay ướt, khi đang ở dưới nước, hoặc trong môi trường ẩm ướt hoặc bẩn (ví dụ ở bãi biển).

Sau khi sử dụng:

- Đảm bảo việc lau sạch bất kỳ nước đọng lại hay mảnh vụn sau khi sử dụng máy ảnh dưới nước.
- Sau khi sử dụng máy ảnh dưới nước biển, nhúng máy ảnh trong xô nước sạch khoảng 10 phút (với nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ và nắp che đầu nổi được đóng chặt, khóa đúng chỗ và tháo vòng chỉnh ống kính). Sau đó, để máy ảnh ráo nước ở một nơi râm mát và thoáng khí.
- Khi mở nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ hoặc nắp che đầu nổi, hãy mở thật chậm với hướng của máy ảnh được đặt theo chỉ dẫn trong hình minh họa bên dưới để ngăn không cho nước chảy vào trong máy ảnh. Nếu có thấy có bất kỳ giọt nước nào rơi vào bên trong nắp đậy, hãy đảm bảo đã lau sạch nước này trước khi sử dụng máy ảnh.



Nắp đậy khoang gắn pin/thẻ nhớ

Cất giữ và Bảo quản

- Không được để máy ảnh trong một môi trường ở nhiệt độ cao (40°C hoặc cao hơn) hay ở nhiệt độ thấp (-10°C hoặc thấp hơn). Làm không đúng cách có thể phá hỏng khả năng chống thấm nước.
- Không được dùng các hóa chất để lau chùi, ngăn rỉ, chống sương mù, sửa chữa, v.v...
Làm không đúng cách có thể phá vỡ khả năng chống thấm nước của máy ảnh.
- Không được để máy ảnh trong nước thời gian lâu. Ngâm máy ảnh vào nước trong thời gian dài sẽ gây hư hỏng cho điện mạo máy ảnh và/hoặc làm hỏng khả năng chống thấm nước của máy ảnh.
- Để bảo quản tính chống thấm nước, như với bất kỳ vỏ bọc chống nước nào, chúng tôi khuyến cáo bạn nên thay đệm làm kín chống thấm nước hàng năm.
Để biết thêm thông tin về các nhà phân phối Olympus hay các trung tâm dịch vụ nơi bạn có thể thay đệm làm kín chống thấm nước, hãy ghé thăm Trang web của Olympus dành cho khu vực của bạn.
- Các phụ kiện đi kèm (ví dụ bộ chỉnh lưu USB-AC) không cung cấp khả năng chịu chấn động hay chống thấm nước.






Danh sách các cài đặt có sẵn trong mỗi chế độ chụp

Để biết thông tin về SCN, , và , xem “Danh sách các cài đặt ” (Trang 112), “Danh sách các cài đặt SCN” (Trang 114), và “Danh sách các cài đặt ” (Trang 113).

| |  | P | A |  | | | |
|---|---|----|----|---|---|-----------|---|
| | | | |  |  | Focus BKT |  |
| Tăng Giảm Sáng | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Thẻ Loại Ảnh | — | ✓ | ✓ | ✓ | *1 | *1 | ✓ |
| ISO | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| WB | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Lấy Nét T.Động | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Hướng | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | — |
| Chất lượng hình ảnh (ảnh tĩnh) | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | *1 | ✓ | ✓ |
| Chế độ ghi (phim) | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Đèn flash | *1 | ✓ | ✓ | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Bù đèn Flash | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (ảnh tĩnh) | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (phim) | — | — | — | — | — | — | — |
|  /☺ | *1 | ✓ | ✓ | ✓ | *1 | *1 | ✓ |
| Chế độ căn sáng | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Ưu tiên khuôn mặt | — | ✓ | ✓ | — | — | — | — |
| Phụ kiện | *1 | ✓ | ✓ | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Reset/Assign Custom Modes | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| AF Area | ✓ | ✓ | ✓ | — | — | — | — |
| AF Illuminator | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Intrvl. Sh./Time Lapse | — | ✓ | ✓ | ✓ | — | — | ✓ |
| Focus BKT | — | ✓ | ✓ | — | — | — | — |
| Movie  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Recording Volume | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Video Frame Rate | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Video Bit Rate | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

*1 Một số chức năng không thể cài được.

Danh sách các cài đặt

| |  |  |  |
|---|---|---|---|
| Tăng Giảm Sáng | ✓ | ✓ | ✓ |
| Thế Loại Ảnh | ✓ | *1 | *1 |
| ISO | — | — | — |
| WB | ✓ | ✓ | ✓ |
| Lấy Nét T.Động | ✓ | ✓ | ✓ |
| Hướng | — | — | — |
| Chất lượng hình ảnh (ảnh tĩnh) | ✓ | ✓ | ✓ |
| Chế độ ghi (phim) | *1 | *1 | *1 |
| Đèn flash | — | — | — |
| Bù đèn Flash | — | — | — |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (ảnh tĩnh) | — | — | — |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (phim) | ✓ | ✓ | — |
|  /☺ | *1 | *1 | *1 |
| Chế độ căn sáng | — | — | — |
| Ưu tiên khuôn mặt | ✓ | ✓ | — |
| Phụ kiện | *1 | *1 | *1 |
| Reset/Assign Custom Modes | *1 | *1 | *1 |
| AF Area | ✓ | ✓ | ✓ |
| AF Illuminator | ✓ | ✓ | ✓ |
| Intrvl. Sh./Time Lapse | — | — | — |
| Focus BKT | — | — | — |
| Movie  | ✓ | ✓ | — |
| Recording Volume | ✓ | ✓ | — |
| Video Frame Rate | ✓ | ✓ | — |
| Video Bit Rate | ✓ | — | — |

*1 Một số chức năng không thể cài được.

Danh sách các cài đặt

| |  |  |  |  |
|--|---|---|---|---|
| Tăng Giảm Sáng | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Thẻ Loại Ảnh | — | — | — | — |
| ISO | — | — | — | — |
| WB | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Lấy Nét T.Động | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Hướng | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Chất lượng hình ảnh (ảnh tĩnh) | ✓ | ✓ | ✓ | *1 |
| Chế độ ghi (phim) | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Đèn flash | *1 | *1 | *1 | — |
| Bù đèn Flash | ✓ | ✓ | ✓ | — |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (ảnh tĩnh) | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (phim) | — | — | — | — |
|  /  | *1 | *1 | *1 | — |
| Chế độ căn sáng | — | — | — | — |
| Ưu tiên khuôn mặt | — | — | — | — |
| Phụ kiện | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Reset/Assign Custom Modes | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| AF Area | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| AF Illuminator | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Intrvl. Sh./Time Lapse | — | — | — | — |
| Focus BKT | — | — | — | — |
| Movie  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Recording Volume | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Video Frame Rate | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Video Bit Rate | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

*1 Một số chức năng không thể cài được.

Danh sách các cài đặt SCN

| Tăng Giảm Sáng | — | ✓ | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
|---------------------------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Thẻ Loại Ảnh | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| ISO | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| WB | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| Lấy Nét T.Động | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| Hướng | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Chất lượng hình ảnh (ảnh tĩnh) | ✓ | *1 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | *1 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Chế độ ghi (phim) | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Đèn flash | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | — | — | — | — | *1 | *1 |
| Bù đèn Flash | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (ảnh tĩnh) | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | — | ✓ | ✓ |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (phim) | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | — | *1 | — | *1 | *1 |
| Chế độ căn sáng | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| Ưu tiên khuôn mặt | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | — | — | — | — | ✓ | — |
| Phụ kiện | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Reset/Assign Custom Modes | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| AF Area | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | — | ✓ | ✓ | ✓ |
| AF Illuminator | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Intrvl. Sh./Time Lapse | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| Focus BKT | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — | — |
| Movie | ✓ | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | — | ✓ | — | ✓ | ✓ |
| Recording Volume | ✓ | — | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | — | ✓ | — | ✓ | ✓ |
| Video Frame Rate | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Video Bit Rate | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

*1 Một số chức năng không thể cài được.

| |  |  |  |  |  |
|---|---|---|---|---|---|
| Tăng Giảm Sáng | — | — | ✓ | — | — |
| Thẻ Loại Ảnh | — | — | — | — | — |
| ISO | — | — | — | — | — |
| WB | — | — | ✓ | — | — |
| Lấy Nét T.Động | — | — | — | — | — |
| Hướng | ✓ | ✓ | — | ✓ | ✓ |
| Chất lượng hình ảnh (ảnh tĩnh) | ✓ | ✓ | — | *1 | ✓ |
| Chế độ ghi (phim) | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Đèn flash | — | *1 | — | — | — |
| Bù đèn Flash | — | — | — | — | — |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (ảnh tĩnh) | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Công nghệ ổn định hình ảnh (phim) | — | — | — | — | — |
|  /☺ | *1 | *1 | — | — | *1 |
| Chế độ căn sáng | — | — | — | — | — |
| Ưu tiên khuôn mặt | — | — | — | — | — |
| Phụ kiện | *1 | *1 | *1 | *1 | *1 |
| Reset/Assign Custom Modes | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| AF Area | ✓ | ✓ | *1 | *1 | ✓ |
| AF Illuminator | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Intrvl. Sh./Time Lapse | — | — | — | — | — |
| Focus BKT | — | — | — | — | — |
| Movie  | ✓ | ✓ | — | — | ✓ |
| Recording Volume | ✓ | ✓ | — | — | ✓ |
| Video Frame Rate | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| Video Bit Rate | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

*1 Một số chức năng không thể cài được.


Danh mục menu

*1 Có thể lưu các mục trong [Custom Mode C1] hoặc [Custom Mode C2].


*2 Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn [Full] cho [Reset].

*3 Có thể khôi phục mặc định bằng cách chọn [Basic] cho [Reset].



Shooting Menu 1

| Chức năng | Mặc định | *1 | *2 | *3 |  |
|---------------------------|----------|----|----|----|---|
| Reset/Assign Custom Modes | — | — | ✓ | — | Trang 52 |
| Picture Mode | Natural | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 53 |
| AF Area | [•] | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 53 |
| AF Illuminator | Off | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 53 |

Shooting Menu 2

| Chức năng | Mặc định | *1 | *2 | *3 |  |
|------------------------|----------|----|----|----|---|
| Intrvl. Sh./Time Lapse | Off | — | ✓ | ✓ | Trang 54 |
| Number of Frames | 99 | — | ✓ | ✓ | |
| Start Waiting Time | 00:00:01 | — | ✓ | ✓ | |
| Interval Length | 00:00:01 | — | ✓ | ✓ | |
| Time Lapse Movie | Off | — | ✓ | ✓ | |
| Movie Settings | | | | | |
| Movie Resolution | FullHD | — | ✓ | ✓ | |
| Frame Rate | 10fps | — | ✓ | ✓ | |
| Focus BKT | Off | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 55 |
| Set number of shots | 30 | ✓ | ✓ | ✓ | |
| Set focus differential | Normal | ✓ | ✓ | ✓ | |

Video Menu

| Chức năng | Mặc định | *1 | *2 | *3 |  |
|---|----------|----|----|----|---|
| Movie  | On | — | ✓ | — | Trang 55 |
| Recording Volume | 0 | — | ✓ | — | Trang 55 |
| Video Frame Rate | 30p | — | ✓ | — | Trang 55 |
| Video Bit Rate | Fine | — | ✓ | — | Trang 56 |



▶ Playback Menu

| Chức năng | Mặc định | *1 | *2 | *3 | |
|--------------------------|------------|----|----|----|----------|
| | | | | | |
| Start | — | — | — | — | Trang 56 |
| BGM | Party Time | — | ✓ | ✓ | |
| Slide | All | — | ✓ | ✓ | |
| Slide Interval | 3 sec | — | ✓ | — | |
| Movie Interval | Short | — | ✓ | — | |
| | On | — | ✓ | ✓ | Trang 57 |
| Edit | | | | | |
| Sel. Image | | | | | |
| RAW Data Edit | — | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 57 |
| JPEG Edit | — | — | — | — | |
| Movie Edit | — | — | — | — | |
| | — | — | — | — | |
| Image Overlay | — | — | — | — | |
| Print Order | — | — | — | — | Trang 86 |
| Reset Protect | — | — | — | — | Trang 60 |
| Connection to Smartphone | — | — | ✓ | — | Trang 72 |





⚙ Custom Menu

| Chức năng | Mặc định | *1 | *2 | *3 | |
|-------------------|---------------------|----|----|----|----------|
| A. MF | | | | | |
| MF Assist | | | | | |
| Magnify | Off | ✓ | ✓ | — | Trang 61 |
| Peaking | Off | ✓ | ✓ | — | |
| B1. Disp() / PC | | | | | |
| /Info Settings | | | | | |
| Info | Image Only, Overall | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 62 |
| LV-Info | Custom1, Custom2 | ✓ | ✓ | ✓ | |
| Settings | 25, Calendar | ✓ | ✓ | — | |
| Live View Boost | Off | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 62 |
| Flicker reduction | Auto | ✓ | ✓ | — | Trang 62 |

| Chức năng | | Mặc định | *1 | *2 | *3 | |
|----------------------------|---|----------|----|----|----------|--|
| Displayed Grid | Off | ✓ | ✓ | — | Trang 63 | |
| Peaking Color | White | ✓ | ✓ | — | Trang 63 | |
| B2. Disp(■)/PC | | | | | | |
| ■)) | 3 | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 63 | |
| HDMI | | | | | | |
| Output Size | 1080p | — | ✓ | — | Trang 63 | |
| HDMI Control | Off | — | ✓ | — | | |
| C. Exp/ISO | | | | | | |
| Exposure Shift | | | | | | |
| | ±0 | ✓ | ✓ | — | Trang 64 | |
| | | ✓ | ✓ | — | | |
| ISO-Auto Set | High Limit: 1600 Default: 100 | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 64 | |
| Noise Filter | Standard | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 64 | |
| Noise Reduct. | Auto | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 64 | |
| D. Custom | | | | | | |
| | Off | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 65 | |
| +WB | WB AUTO | ✓ | ✓ | — | Trang 65 | |
| E. /WB/Color | | | | | | |
| Set | -1 L F, -2 L N, -3 M N, -4 S N | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 65 | |
| WB | WB AUTO A±0, G±0 | ✓ | ✓ | — | Trang 66 | |
| WB AUTO Keep Warm Color | On | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 66 | |
| Color Space | sRGB | ✓ | ✓ | ✓ | Trang 66 | |
| F. Record | | | | | | |
| File Name | Reset | — | ✓ | — | Trang 67 | |
| Edit Filename | — | — | ✓ | — | Trang 67 | |
| Copyright Settings | | | | | | |
| Copyright Info. | Off | — | ✓ | — | Trang 67 | |
| Artist Name | — | — | — | — | | |
| Copyright Name | — | — | — | — | | |

| Chức năng | Mặc định | *1 | *2 | *3 |  |
|---|--------------|----|----|----|---|
| G. Field Sensor | | | | | |
| Elevation / Depth | — | — | ✓ | — | Trang 68 |
| Record GPS location | Off | — | ✓ | — | Trang 68 |
| GPS Priority | GPS accuracy | — | ✓ | ✓ | Trang 68 |
| H.  Utility | | | | | |
| Pixel Mapping | — | — | — | — | Trang 68 |
| Level Adjust | — | — | ✓ | — | Trang 69 |
| Sleep | 1 min | — | ✓ | ✓ | Trang 69 |
| Eye-Fi | On | — | ✓ | — | Trang 69 |
| Certification | — | — | — | — | Trang 69 |

Ý Setup Menu

| Chức năng | Mặc định | *1 | *2 | *3 |  |
|--|----------|----|----|----|---|
| Card Setup | — | — | — | — | Trang 70 |
|  Settings | — | — | — | — | Trang 70 |
|  * | — | — | — | — | Trang 71 |
|  | ±0 | — | ✓ | — | Trang 71 |
| Rec View | 0.5 sec | ✓ | ✓ | — | Trang 71 |
| Wi-Fi Settings | | | | | |
| Wi-Fi Connect Settings | Private | — | ✓ | — | Trang 71 |
| Private Password | — | — | — | — | |
| Reset share Order | — | — | — | — | |
| Reset Wi-Fi Settings | — | — | — | — | |

* Các cài đặt khác nhau tùy thuộc vào khu vực nơi mua máy ảnh.

CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN



CẢN TRỌNG

**NGUY CƠ GÂY SỐC ĐIỆN
KHÔNG ĐƯỢC MỜ RA**



**CẢN TRỌNG: ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ GÂY SỐC ĐIỆN,
KHÔNG ĐƯỢC THẢO NẬP CHE (HOẶC MẶT SAU).
KHÔNG ĐƯA CÁC VẬT NGƯỜI DÙNG TỰ SỬA CHỮA VÀO BÊN TRONG.
YÊU CẦU THỰC HIỆN SỬA CHỮA BỞI NHÂN VIÊN CÓ CHUYÊN MÔN CỦA OLYMPUS.**



Một dấu chấm than đặt trong hình tam giác sẽ cảnh báo bạn về các hướng dẫn vận hành và bảo trì quan trọng trong tài liệu đi kèm với sản phẩm.



CẢNH BÁO

Nếu sản phẩm được sử dụng khi không quan sát thông tin có sẵn bên dưới biểu tượng này, có thể dẫn đến việc bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong.



CẢN TRỌNG

Nếu sản phẩm được sử dụng khi không quan sát thông tin có sẵn bên dưới biểu tượng này, có thể dẫn đến việc bị thương nghiêm trọng.



LƯU Ý

Nếu sản phẩm được sử dụng khi không quan sát thông tin có sẵn bên dưới biểu tượng này, có thể dẫn đến hư hại cho thiết bị.

CẢNH BÁO!

**ĐỂ TRÁNH NGUY CƠ CHÁY NỔ HOẶC SỐC ĐIỆN, KHÔNG BAO GIỜ
THẢO RỜI SẢN PHẨM NÀY.**

Các biện pháp Phòng ngừa chung

Đọc kỹ Tất cả những Hướng dẫn — Trước khi sử dụng sản phẩm, hãy đọc tất cả những hướng dẫn sử dụng.

Cất giữ tất cả các tài liệu và hồ sơ để tham khảo sau này.

Nước và Độ ẩm — Để biết các biện pháp phòng ngừa đối với các sản phẩm được thiết kế chịu đựng được thời tiết, hãy đọc kỹ phần chịu đựng được thời tiết.

Nguồn Điện — Chỉ được kết nối sản phẩm này vào nguồn điện được mô tả trên nhãn sản phẩm.

Ngại vật — Để tránh gây thương tích, đừng bao giờ đưa vật bằng kim loại vào bên trong sản phẩm.

Vệ sinh — Luôn luôn tháo thiết bị ra khỏi ổ cắm điện trước khi vệ sinh máy. Chỉ sử dụng vải thấm nước để vệ sinh. Không bao giờ sử dụng bất cứ loại bộ lau chùi bằng dung dịch hoặc hơi nước nào, cũng như bất cứ loại dung môi hữu cơ nào khác để vệ sinh máy ảnh.

Nhiệt — Không được sử dụng hoặc cất giữ sản phẩm này gần bất cứ nguồn nhiệt nào chẳng hạn như lò sưởi, bộ tản nhiệt, lò nướng hoặc bất cứ loại thiết bị hoặc đồ dùng gia dụng nào có phát sinh ra nhiệt, kể cả các bộ khuếch đại âm thanh nổi.

Sấm chớp — Nếu xảy ra bão kèm sấm chớp trong lúc sử dụng bộ chuyển đổi điện nguồn AC, hãy tháo máy ảnh ra khỏi ổ cắm tường ngay lập tức.

Thiết bị đi kèm — Để đảm bảo sự an toàn của bạn và tránh làm hư hỏng sản phẩm này, hãy chỉ sử dụng những sản phẩm do Olympus đề xuất.

Địa điểm — Để tránh làm hỏng sản phẩm, hãy gắn sản phẩm chắc chắn trên chân máy ảnh, chân đế hoặc giá đỡ.

CẢNH BÁO

- Không được sử dụng máy ảnh gần các nguồn khí dễ gây cháy nổ.
- Không được dùng đèn chớp và đèn báo LED (bao gồm đèn mỗi sáng AF) đối với mọi người (ví dụ như em bé sơ sinh, trẻ nhỏ, v.v...) ở khoảng cách gần.
 - Bạn phải đứng cách xa ít nhất là 1 m kể từ bề mặt các chủ thể của bạn. Việc chớp đèn flash quá gần ngay mắt của chủ thể có thể gây mất khả năng thị lực tạm thời.
- Không được dùng máy ảnh nhìn vào mặt trời hoặc các nguồn ánh sáng mạnh.
- Hãy giữ các trẻ nhỏ và em bé sơ sinh tránh xa khỏi máy ảnh.
 - Luôn luôn sử dụng và cất giữ máy ảnh ngoài tầm với của trẻ nhỏ và em bé để ngăn ngừa những tình huống nguy hiểm sau đây có thể gây tổn thương nghiêm trọng:
 - Bị vướng dây đeo máy ảnh gây nghẹt thở.
 - Sơ ý nuốt phải pin, thẻ nhớ hoặc các bộ phận nhỏ khác.
 - Sơ ý nháy sáng đèn chớp ngay vào mắt chúng hoặc trẻ khác.
 - Sơ ý bị thương bởi những bộ phận chuyển động của máy ảnh.
- Nếu bạn thấy rằng bộ chuyển đổi USB-AC quá nóng hoặc nhận thấy có mùi, tiếng ồn bất thường hoặc có khói xung quanh, hãy rút phích cắm điện khỏi ổ cắm tường ngay lập tức và ngừng sử dụng. Sau đó hãy liên hệ nhà phân phối được ủy quyền hoặc trung tâm bảo hành.
- Ngừng sử dụng máy ảnh ngay lập tức nếu bạn nhận thấy có bất cứ mùi, tiếng ồn hoặc khói bất thường xung quanh máy ảnh.
 - Không bao giờ tháo pin ra bằng tay trần bởi như vậy có thể gây cháy hoặc bỏng tay bạn.
- Không được để máy ảnh ở những nơi có thể phải chịu nhiệt độ cực kỳ cao.
 - Nếu làm như vậy có thể sẽ gây xuống cấp các bộ phận và trong một số trường hợp sẽ làm máy ảnh bắt lửa. Không được dùng bộ sạc nếu nó bị bao phủ (ví dụ như bị tấm chăn phủ lên). Điều này có thể gây quá nhiệt và dẫn đến hỏa hoạn.
- Bảo quản máy ảnh cẩn thận để tránh bị bỏng do tích nhiệt.
 - Khi máy ảnh có chứa các bộ phận bằng kim loại, việc quá nhiệt có thể gây bỏng do tích nhiệt. Cần phải chú ý những tình huống sau:
 - Khi sử dụng trong thời gian dài, máy ảnh sẽ trở nên nóng. Nếu bạn cầm máy ảnh trong trạng thái này có thể gây ra hiện tượng bỏng do tích nhiệt.
 - Ở những nơi phải chịu nhiệt độ cực kỳ lạnh, nhiệt độ của thân máy ảnh có thể thấp hơn nhiệt độ của môi trường. Nếu có thể, hãy mang găng tay khi bảo quản máy ảnh ở nhiệt độ lạnh.
- Để bảo vệ công nghệ có độ chính xác cao có trong sản phẩm này, không bao giờ được để máy ảnh ở những nơi được liệt kê dưới đây cho dù là để sử dụng hoặc cất giữ:
 - Những nơi có nhiệt độ và/hoặc độ ẩm cao hoặc thường thay đổi quá chênh lệch. Ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp, bãi biển, xe hơi đang khóa cửa hoặc gần những nguồn nhiệt khác (bếp lò, bộ tản nhiệt, v.v...) hoặc máy làm ẩm không khí.
 - Trong các môi trường nhiều cát hoặc bụi bặm.
 - Gần những thứ dễ bắt lửa cháy hoặc chất gây nổ.
 - Ở những nơi ẩm ướt, chẳng hạn như phòng tắm hoặc ngoài mưa. Khi sử dụng các sản phẩm được thiết kế để chống thấm nước, hãy đọc kỹ sách hướng dẫn của chúng.
 - Ở những nơi thường có những rung động mạnh.
- Máy ảnh này sử dụng loại bộ sạc do Olympus quy định.

Sạc pin bằng bộ chỉnh lưu USB-AC hoặc bộ sạc theo quy định. Không được sử dụng bất cứ bộ chỉnh lưu USB-AC hoặc bộ sạc nào khác.
- Không được đốt cháy hoặc nung nóng pin trong lò vi sóng, trên đĩa nóng, hoặc trong các bình áp suất, v.v...
- Không được để máy ảnh lên trên hoặc gần các thiết bị điện tử.

Điều này có thể gây quá nhiệt, cháy hoặc nổ.
- Không được kết nối các đầu cực với bất kỳ đồ vật bằng kim loại nào.
 - Chú ý cẩn thận khi mang pin hoặc cất trữ pin để ngăn không cho chúng tiếp xúc với bất kỳ đồ vật nào bằng kim loại như đồ trang sức, các chốt, móc, khóa, v.v...
 - Ngăn mạch có thể gây quá nhiệt, nổ hoặc cháy, điều này có thể gây hỏa hoạn hoặc nguy hiểm đến bạn.
- Để ngăn ngừa pin rò rỉ hoặc hư hỏng các đầu cực, hãy cẩn thận tuân theo tất cả các hướng dẫn về việc sử dụng pin. Không bao giờ được cố gắng tháo rời pin hoặc chỉnh sửa pin bằng bất cứ cách nào, chẳng hạn như hàn chúng, v.v...

- Nếu chất dịch của pin dính vào mắt bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước lạnh sạch và đi khám bác sĩ ngay.
- Nếu bạn không thể tháo pin khỏi máy ảnh, hãy liên hệ nhà phân phối được ủy quyền hoặc trung tâm bảo hành. Đừng cố dùng lực tháo pin. Hư hỏng phần vỏ ngoài pin (trầy xước, v.v...) có thể làm phát sinh nhiệt hoặc gây nổ.
- Luôn luôn cất giữ pin ngoài tầm tay trẻ nhỏ và thú cưng. Nếu chúng vô tình nuốt phải pin, cần đi khám bác sĩ ngay lập tức.
- Để ngăn ngừa pin rò rỉ, quá nhiệt hoặc gây cháy nổ, chỉ sử dụng loại pin được khuyến cáo dùng cho sản phẩm này.
- Nếu pin sạc không được sạc đầy trong khoảng thời gian quy định, hãy ngừng sạc và không dùng chúng nữa.
- Không được sử dụng pin bị xước hoặc bị hư hỏng vỏ ngoài, và không cào xước pin.
- Không được làm rơi, va đập quá mạnh pin.
- Điều này có thể gây ra hiện tượng nổ, quá nhiệt hoặc cháy pin.
- Nếu pin bị rò rỉ, có mùi bất thường, trở nên biến màu hoặc biến dạng, hoặc trở nên bất thường theo bất kỳ cách nào khác trong suốt quá trình vận hành, hãy ngừng sử dụng máy ảnh và giữ máy ảnh xa khỏi lửa ngay lập tức.
- Nếu pin rò rỉ chất dịch lên quần áo hoặc da bạn, hãy cởi bỏ quần áo đó và dội sạch vùng bị dính bằng dòng nước lạnh, sạch ngay lập tức. Nếu chất dịch đó làm bỏng da bạn, hãy đi khám bác sĩ ngay lập tức.
- Pin Olympus lithium ion được thiết kế chỉ để sử dụng cho máy ảnh kỹ thuật số Olympus. Không sử dụng pin cho những thiết bị khác.
- Không được cho phép trẻ em hoặc thú vật/thú cưng sử dụng hoặc chuyên trở pin (ngăn xảy ra hiện tượng hỏng hóc như rò rỉ, cho vào miệng hoặc nuốt).

Sử dụng Pin Sạc Chuyên Dụng Duy Nhất, Bộ Sạc Pin và bộ chỉnh lưu USB-AC

Chúng tôi chân thành khuyến cáo bạn nên sử dụng pin sạc chuyên dụng của Olympus chính hãng, bộ sạc pin và bộ chỉnh lưu USB-AC kèm theo máy ảnh này. Sử dụng pin sạc, bộ sạc pin và/hoặc bộ chỉnh lưu USB-AC không phải của Olympus có thể dẫn đến hỏa hoạn hoặc thương tật cá nhân do rò rỉ, đốt nóng, bắt lửa hoặc hư hại pin. Olympus không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào cho các tai nạn hoặc hư hại có thể xảy ra do việc sử dụng pin, bộ sạc pin và/hoặc bộ chỉnh lưu USB-AC không phải là phụ kiện Olympus chính hãng.

CẢN TRỌNG

- Bộ chuyển đổi điện nguồn USB-AC F-5AC kèm theo máy được thiết kế để dùng riêng cho máy ảnh này. Không thể sạc các máy ảnh khác bằng bộ chuyển đổi điện nguồn USB-AC này.
- Không được kết nối bộ chuyển đổi điện nguồn USB-AC F-5AC kèm theo máy ảnh tới thiết bị khác ngoài máy ảnh này.
- Không bao giờ được cất giữ pin ở nơi bị ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc dưới nhiệt độ cao như trong xe hơi đang nóng, gần một nguồn nhiệt, v.v...
- Luôn luôn giữ cho pin khô ráo mọi lúc.
- Pin có thể sẽ trở nên nóng khi sử dụng trong một thời gian dài. Để tránh bị bỏng, không được tháo pin ngay lập tức ngay sau khi dùng máy ảnh xong.
- Máy ảnh này sử dụng một pin lithium ion Olympus. Sử dụng pin chính hãng theo quy định. Có thể xảy ra nguy cơ cháy nổ nếu pin được thay thế bằng loại pin sai.
- Vui lòng tái chế lại pin để giúp tiết kiệm tài nguyên trên hành tinh của chúng ta. Khi bạn bỏ đi các pin hỏng, hãy đảm bảo rằng đã bọc các điện cực của chúng lại và luôn tuân theo các luật lệ và quy định tại địa phương của bạn.
- Không được để tay che đèn chớp khi chụp.

LƯU Ý

- Không được sử dụng hoặc cất giữ máy ảnh ở những nơi bụi bặm hoặc ẩm ướt.
- Chỉ dùng thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC hoặc thẻ Eye-Fi. Không bao giờ sử dụng các loại thẻ nhớ khác.
Nếu bạn tình cờ gắn một loại thẻ nhớ khác vào trong máy ảnh, hãy liên hệ với một nhà phân phối độc quyền hoặc trung tâm bảo dưỡng. Đừng cố dùng lực để tháo thẻ nhớ.
- Thường xuyên sao lưu dữ liệu quan trọng vào máy tính hoặc thiết bị lưu trữ khác để tránh bị mất do sự cố.
- OLYMPUS không chịu trách nhiệm vì bất kỳ việc mất dữ liệu nào liên quan đến thiết bị này.
- Cẩn thận với dây đeo khi bạn mang máy ảnh. Nó có thể dễ dàng mắc vào các đồ dùng khác - và gây hư hỏng nghiêm trọng.
- Không bao giờ được thả rơi máy ảnh hoặc gây sốc hoặc rung động mạnh cho máy.
- Khi gắn máy ảnh vào hoặc tháo ra khỏi giá ba chân, vặn ốc của giá chứ không xoay máy ảnh.
- Trước khi di chuyển máy ảnh, tháo giá máy và tất cả các phụ kiện khác không phải của OLYMPUS.
- Không được chạm vào các điểm tiếp xúc trên máy ảnh.
- Không được để máy ảnh bị chiếu trực tiếp ngoài mặt trời. Điều này có thể làm hư hỏng ống kính hoặc màn trập, gây sai màu, bóng mờ trên thiết bị ảnh hoặc có thể gây cháy.
- Không được ấn hoặc kéo mạnh đối với phần ống kính máy ảnh.
- Trước khi cất giữ máy ảnh trong một thời gian dài, hãy tháo pin ra. Chọn một nơi mát mẻ, khô ráo để cất giữ máy nhằm tránh để hơi nước ngưng tụ hoặc hình thành bên trong máy ảnh. Sau khi cất giữ, hãy kiểm tra máy ảnh bằng cách bật máy lên và ấn vào nút bấm chụp để đảm bảo rằng máy ảnh hoạt động bình thường.
- Máy ảnh có thể gặp trục trặc khi hoạt động trong môi trường từ tính/điện từ, sóng radio hoặc điện thế cao như là gần TV, lò vi sóng, trò chơi video, loa ngoài, các màn hình lớn, tháp radio/TV hoặc các tháp phát sóng. Trong các trường hợp như thế, tắt và bật máy lần nữa trước khi thực hiện các thao tác tiếp theo.
- Luôn luôn xem xét kỹ những giới hạn về môi trường được mô tả trong sách hướng dẫn của máy ảnh.
- Lắp pin vào máy ảnh cẩn thận như được mô tả trong hướng dẫn sử dụng.
- Trước khi gắn pin phải luôn luôn kiểm tra pin cẩn thận xem có bị rò rỉ, đổi màu, vênh hoặc bất cứ hiện tượng bất thường nào không.
- Luôn luôn tháo pin khỏi máy ảnh trước khi cất giữ máy ảnh trong thời gian dài.
- Khi cất giữ pin trong thời gian dài, hãy chọn nơi mát mẻ để cất giữ.
- Năng lượng do máy tiêu thụ phụ thuộc vào các chức năng được sử dụng.
- Trong các tình huống được mô tả dưới đây, máy ảnh vẫn tiếp tục tiêu thụ năng lượng và pin sẽ nhanh chóng bị cạn kiệt.
 - Sử dụng thu phóng liên tiếp.
 - Bấm nút bấm chụp nửa nấc liên tục khi ở chế độ chụp, kích hoạt lấy nét tự động.
 - Hiện thị một hình ảnh trên màn hình trong một khoảng thời gian kéo dài.
 - Máy ảnh được kết nối với máy in.
 - GPS được sử dụng.
- Sử dụng pin đã cạn có thể làm máy ảnh tắt mà không hiển thị cảnh báo mức pin.
- Nếu các đầu cực pin bị ẩm ướt hoặc dính chất nhờn có thể làm máy ảnh không tiếp xúc được. Lau sạch pin bằng khăn khô trước khi sử dụng.
- Luôn luôn sạc đầy pin khi sử dụng lần đầu hoặc khi pin chưa được sử dụng trong một thời gian dài.
- Khi sử dụng máy ảnh với năng lượng pin ở nhiệt độ thấp, hãy cố gắng giữ máy ảnh và pin dự phòng càng ấm càng tốt. Pin đã sử dụng gần cạn ở nhiệt độ thấp có thể hồi phục lại sau khi được giữ ấm ở nhiệt độ phòng.
- Trước khi đi xa lâu ngày, đặc biệt trước khi đi nước ngoài, hãy mua thêm bộ pin dự phòng. Khi đi du lịch bạn sẽ rất khó khăn để mua được loại pin được đề nghị sử dụng.
- Đối với bộ chuyển đổi điện nguồn USB-AC cắm trực tiếp:
Nối đúng bộ chuyển đổi điện nguồn USB AC F-5AC cắm trực tiếp bằng cách cắm theo chiều dọc vào ổ cắm điện trên tường.

Sử dụng chức năng LAN không dây

- Tắt máy ảnh trong bệnh viện và các địa điểm khác, những nơi có thiết bị y tế hiện diện.
Các sóng vô tuyến từ máy ảnh có thể ảnh hưởng bất lợi đến thiết bị y tế, gây ra trục trặc dẫn đến tai nạn.
- Tắt máy ảnh khi trên máy bay.
Sử dụng các thiết bị không dây trên máy bay có thể cản trở hoạt động an toàn của máy bay.

Các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng chức năng mạng LAN không dây

Nếu sử dụng chức năng LAN không dây ở một quốc gia bên ngoài khu vực nơi máy ảnh được mua, có nguy cơ máy ảnh sẽ không tuân theo các quy định về truyền thông không dây của quốc gia đó. Olympus sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai hỏng nào không đáp ứng những quy định này.

Chức năng GPS, la bàn điện tử

- Ở một địa điểm kín (bên trong nhà, dưới đất, dưới nước, trong rừng, gần các tòa nhà cao tầng) hoặc ở nơi chịu ảnh hưởng mạnh của từ trường hoặc điện trường (gần các dòng điện cao áp mới, điện từ hoặc hàng hóa điện tử, điện thoại di động 1,5GHz), sẽ không thể xác định đo lường hoặc tạo ra lỗi.
- Độ cao được hiển thị trên màn hình thông tin đo lường hoặc màn hình xem lại ảnh v.v... được hiển thị/được ghi hình dựa trên thông tin từ các cảm biến áp suất gắn trong thân máy ảnh. Chú ý cẩn thận vì độ cao được hiển thị không dựa trên việc đo lường vị trí GPS.
- Lỗi la bàn điện tử có thể bị gây ra do hiệu ứng của từ trường hoặc điện trường mạnh (chẳng hạn như tivi, lò vi ba, động cơ lớn, cột điện radio và các dòng điện cao áp). Để khôi phục chức năng la bàn điện tử, hãy giữ chắc máy ảnh và di chuyển theo hình minh họa 8 trong khi xoay cổ tay của bạn.
- Vì chức năng GPS và chức năng la bàn điện tử không được yêu cầu phải chính xác, nên sẽ không có sự cam đoan nào về độ chính xác của các giá trị đo lường (ví dụ, kinh độ, hướng la bàn, v.v...).

Màn hình

- Không được ấn mạnh vào màn hình; nếu không hình ảnh có thể bị mờ và không thể vào chế độ phát lại được hoặc làm hỏng màn hình.
- Có thể xuất hiện một dải sáng ở trên đỉnh/dưới đáy màn hình nhưng đây không phải là do máy ảnh hoạt động sai chức năng.
- Khi xem một chủ thể theo đường chéo trong máy ảnh, các cạnh có thể xuất hiện dưới dạng đường dích dắc trên màn hình. Đây không phải do máy hoạt động sai chức năng; hiện tượng này sẽ ít nhận thấy hơn trong chế độ phát lại.
- Ở những nơi phải chịu nhiệt độ thấp, có thể mất thời gian lâu hơn để bật màn hình LCD hoặc màu sắc màn hình có thể tạm thời thay đổi. Khi sử dụng máy ảnh ở những nơi cực kỳ lạnh, sẽ tốt hơn khi thỉnh thoảng bạn đặt máy ảnh vào một chỗ ấm. Màn hình LCD thể hiện không tốt hình ảnh do nhiệt độ thấp sẽ được khôi phục lại ở nhiệt độ bình thường.
- Màn hình LCD dùng làm màn hình được chế tạo bằng công nghệ có độ chính xác cao. Tuy nhiên, các điểm đen hoặc các điểm sáng của tia sáng có thể xuất hiện vĩnh viễn trên màn hình LCD. Do đặc tính của nó hoặc do góc nhìn mà bạn quan sát màn hình, điểm này có thể sẽ không đồng đều về màu sắc và độ sáng. Đây không phải là do máy bị trục trặc.

Pháp lý và các Thông báo Khác

- Công ty Olympus sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành đối với bất cứ hư hỏng hoặc quyền lợi mong muốn nào do việc sử dụng thiết bị này theo đúng pháp luật, hoặc bất cứ yêu cầu nào từ người thứ ba có liên quan đến do việc sử dụng không phù hợp sản phẩm này.
- Công ty Olympus sẽ không chịu trách nhiệm hoặc bảo hành đối với bất cứ hư hỏng hoặc quyền lợi mong muốn nào gây ra bởi việc xóa các dữ liệu hình ảnh khi sử dụng thiết bị này đúng theo pháp luật.

Miễn trừ bảo hành

- Công ty Olympus sẽ không chịu trách nhiệm hoặc bảo hành, cả bằng văn bản rõ ràng hoặc với ngụ ý, về hoặc liên quan đến bất cứ nội dung nào của các tài liệu bằng văn bản hoặc phần mềm này, và sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý trong mọi trường hợp đối với việc bảo hành mặc nhiên cho việc mua bán hoặc cho sự phù hợp bất cứ mục đích đặc biệt nào hoặc đối với bất cứ thiệt hại nào do hậu quả, ngẫu nhiên hoặc gián tiếp (bao gồm nhưng không giới hạn trong các thiệt hại do mất mát lợi nhuận, ngừng trẻ kinh doanh và mất mát thông tin kinh doanh) phát sinh từ việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các tài liệu bằng văn bản hoặc phần mềm hoặc thiết bị. Một vài quốc gia không cho phép miễn trừ hoặc giới hạn trách nhiệm pháp lý đối với các thiệt hại do hậu quả hoặc ngẫu nhiên, do đó các hạn chế nêu trên có thể không áp dụng cho bạn.
- Công ty Olympus bảo lưu mọi quyền đối với hướng dẫn sử dụng này.

Cảnh báo

Việc chụp ảnh hoặc sử dụng các tài liệu bản quyền không được phép là vi phạm luật bản quyền hiện hành. Công ty Olympus xác nhận sẽ không chịu trách nhiệm đối với việc chụp ảnh, sử dụng hoặc các hành vi khác không được phép vi phạm các quyền của người sở hữu bản quyền.

Thông báo bản quyền

Mọi quyền đã được bảo lưu. Không được viết lại hoặc sử dụng bất cứ phần nào của tài liệu văn bản này dưới bất cứ hình thức hoặc bằng bất cứ phương tiện điện tử, cơ học nào, bao gồm việc sao chép và ghi lại hoặc sử dụng bất cứ hệ thống lưu trữ và thu thập thông tin nào, mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Olympus. Không có trách nhiệm pháp lý nào được ràng buộc liên quan đến việc sử dụng các thông tin có trong các tài liệu bằng văn bản hoặc phần mềm này, hoặc đối với các thiệt hại do việc sử dụng các thông tin có trong đây. Công ty Olympus bảo lưu quyền sửa chữa các tính năng và nội dung của ấn phẩm hoặc phần mềm này mà không có nghĩa vụ hoặc thông báo trước.

Nhãn hiệu thương mại

- Microsoft và Windows là nhãn hiệu thương mại đã đăng ký của Microsoft Corporation.
- Mac là nhãn hiệu thương mại của Apple Inc.
- Logo SDXC là nhãn hiệu thương mại của SD-3C, LLC.



- Eye-Fi là nhãn hiệu thương mại đã đăng ký của Eye-Fi, Inc.

- Wi-Fi là thương hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance.
- Lô-gô Wi-Fi CERTIFIED là dấu hiệu chứng nhận của Wi-Fi Alliance.



- Logo Apical là thương hiệu đã đăng ký của Apical Limited.



- Tất cả tên công ty và tên sản phẩm là nhãn hiệu thương mại/nhãn hiệu thương mại đã đăng ký của các chủ sở hữu tương ứng.

THIS PRODUCT IS LICENSED UNDER THE AVC PATENT PORTFOLIO LICENSE FOR THE PERSONAL AND NONCOMMERCIAL USE OF A CONSUMER TO (i) ENCODE VIDEO IN COMPLIANCE WITH THE AVC STANDARD ("AVC VIDEO") AND/OR (ii) DECODE AVC VIDEO THAT WAS ENCODED BY A CONSUMER ENGAGED IN A PERSONAL AND NON-COMMERCIAL ACTIVITY AND/OR WAS OBTAINED FROM A VIDEO PROVIDER LICENSED TO PROVIDE AVC VIDEO. NO LICENSE IS GRANTED OR SHALL BE IMPLIED FOR ANY OTHER USE. ADDITIONAL INFORMATION MAY BE OBTAINED FROM MPEG LA, L.L.C. SEE [HTTP://WWW.MPEGLA.COM](http://WWW.MPEGLA.COM)

Phần mềm trong máy ảnh này có thể bao gồm phần mềm của bên thứ ba. Phần mềm của bên thứ ba phải tuân theo các điều khoản và điều kiện do chủ sở hữu hoặc người cấp phép của phần mềm đó áp đặt, mà theo các điều kiện và điều khoản đó, phần mềm được cung cấp cho bạn.

Các điều khoản và thông báo phần mềm của bên thứ ba, nếu có, có thể tìm thấy trong tệp PDF thông báo phần mềm được lưu trữ tại

<http://www.olympus.co.jp/en/support/msgs/digicamera/download/notice/notice.cfm>

- Các tiêu chuẩn dành cho các hệ thống tập tin của máy ảnh được tham chiếu trong sách hướng dẫn này là các tiêu chuẩn về "Design rule for Camera File system/DCF" được qui định bởi Hiệp hội các Ngành điện tử và Công nghệ thông tin Nhật Bản (JEITA).

CÁC ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

Máy ảnh

| | |
|-----------------------------------|--|
| Loại sản phẩm | : Máy ảnh kỹ thuật số (để chụp và hiển thị) |
| Hệ thống ghi | |
| Ảnh tĩnh | : Ghi kỹ thuật số, JPEG (tuân thủ theo Design rule for Camera File system (DCF)) |
| Các tiêu chuẩn áp dụng | : Exif 2.3, Digital Print Order Format (DPOF), PictBridge |
| Âm thanh với các ảnh tĩnh | : Định dạng Wave |
| Phim | : MOV H.264 linear PCM (HS120fps hoặc HS240fps cho phim quay chậm) |
| Bộ nhớ | : SD/SDHC/SDXC(hỗ trợ UHS-I)/Eye-Fi |
| Tổng số điểm ảnh | : Khoảng 12,71 triệu |
| Số lượng điểm ảnh hữu dụng | : 12 triệu |
| Thiết bị bắt ảnh | : 1/2,3" CMOS (lọc màu sơ cấp) |
| Ống kính | : Ống kính Olympus 4,5 mm đến 18,0 mm, f2,0 đến f4,9 (Tương đương với 25 mm đến 100 mm trên phim 35 mm) |
| Hệ thống đo sáng | : Đo khoảng cách Digital ESP, đo theo điểm |
| Tốc độ màn trập | : 4 đến 1/2000 giây |
| Khoảng cách chụp | |
| Bình thường | : 0,1 m đến ∞ (W/T) |
| Chế độ Kính hiển vi | : 0,01 m đến 0,3 m (f=5,5 mm đến 18,0 mm) |
| Màn hình | : Màn hình màu LCD 3,0" TFT, 460.000 điểm màu |
| Đầu nối | : Đầu nối Micro-USB/Đầu nối micrô HDMI (loại D) |
| Hệ thống lịch tự động | : 2000 đến 2099 |
| Tính chống thấm nước | |
| Loại | : Tương đương với IEC 60529 IPX8 (theo các điều kiện thử nghiệm OLYMPUS), có thể dùng máy ảnh ở độ nước sâu 15 m |
| Ý nghĩa | : Có thể sử dụng thông thường máy ảnh dưới nước ở áp suất nước qui định. |
| Chống bụi | : IEC 60529 IP6X (theo các điều kiện thử nghiệm của OLYMPUS) |

| | |
|----------------------------|---|
| Tiêu chuẩn Wi-Fi | : IEEE802.11b/g/n |
| GPS | |
| Tần số thu nhận: | : 1575,42 MHz (GPS/ Hệ thống Vệ tinh Quasi-Zenith) 1598,0625 MHz đến 1605,3750 MHz (GLONASS) |
| Hệ thống đo đạc | : WGS84 |
| Môi trường sử dụng | |
| Nhiệt độ | : – 10°C đến 40°C (sử dụng)/– 20°C đến 60°C (cất giữ) |
| Độ ẩm | : 30% đến 90% (sử dụng)/10% đến 90% (cất giữ) |
| Điện nguồn cung cấp | : Một pin Olympus lithium ion (LI-92B) hoặc bộ chỉnh lưu USB-AC (F-5AC) |
| Kích thước | : 113,0 mm (W) × 66,0 mm (H) × 31,9 mm (D) (trừ phần nhô ra) |
| Trọng lượng | : 250 g (bao gồm cả pin và thẻ nhớ) |

Pin Lithium Ion (LI-92B)

| | |
|------------------------------|---|
| Loại sản phẩm | : Pin sạc Lithium ion |
| Số Mẫu | : LI-92B |
| Điện áp tiêu chuẩn | : DC 3,6 V |
| Dung lượng tiêu chuẩn | : 1350 mAh |
| Tuổi thọ Pin | : Khoảng 300 lần sạc đầy (tùy theo sử dụng) |
| Môi trường sử dụng | |
| Nhiệt độ | : 0°C đến 40°C (đang sạc) |

Bộ chỉnh lưu USB-AC (F-5AC)

| | |
|---------------------------|--|
| Số Mẫu | : F-5AC-1/F-5AC-2 |
| Nguồn điện yêu cầu | : AC 100 đến 240 V (50/60 Hz) |
| Nguồn điện ra | : DC 5 V, 1500 mA |
| Môi trường sử dụng | |
| Nhiệt độ | : 0°C đến 40°C (sử dụng)/– 20°C đến 60°C (cất giữ) |

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật sẽ thay đổi không báo trước.

Vui lòng truy cập Trang web của chúng tôi để biết các đặc điểm kỹ thuật mới nhất.

HDMI, logo của HDMI và Giao diện High-Definition Multimedia là nhãn hiệu thương mại hoặc nhãn hiệu thương mại đã đăng ký của HDMI Licensing, LLC.

HDMI™
HIGH-DEFINITION MULTIMEDIA INTERFACE

ngày tháng phát hành
04/2017

OLYMPUS

<http://www.olympus.com/>